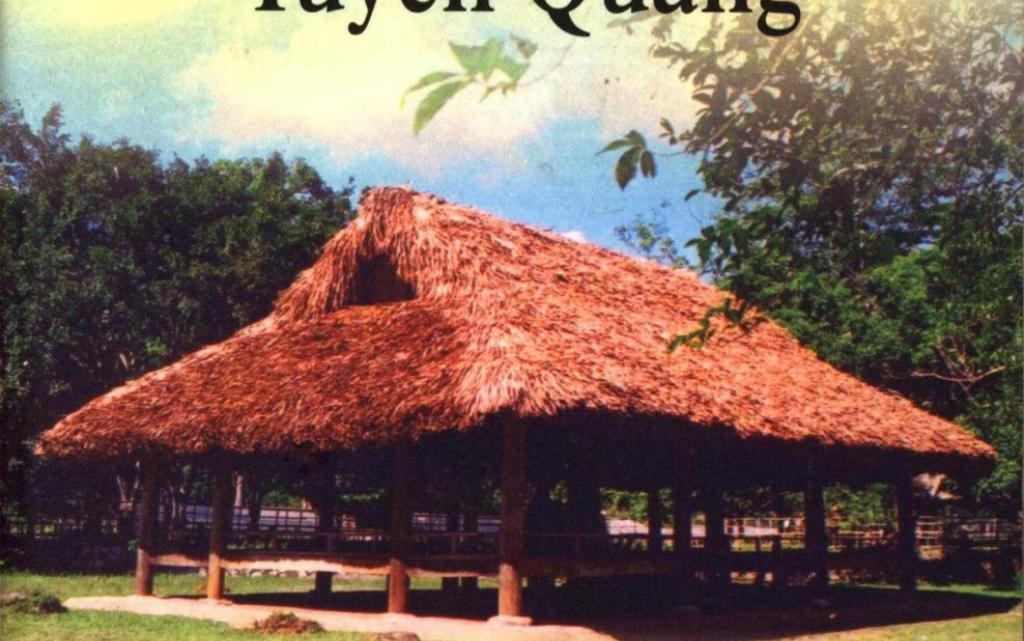


PHÙ NINH

# Dị tích Danh thắng Tuyên Quang



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

DI TÍCH  
DANH THẮNG  
TUYÊN QUANG

PHÙ NINH

DI TÍCH  
DANH THẮNG  
TUYÊN QUANG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Hà Nội - 2008

## LỜI NÓI ĐẦU

Tuyên Quang là phần  
lãnh thổ tươi đẹp, lâu đời của Tổ quốc  
Việt Nam. Trên đất Tuyên Quang đã diễn  
ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng. Đặc  
biệt thời kỳ cách mạng tháng Tám và  
kháng chiến chống thực dân Pháp, Tuyên  
Quang nằm trong căn cứ địa, có Tân Trào  
được chọn làm thủ đô lâm thời Khu Giải  
phóng, là An toàn khu của Trung ương  
Đảng, Chính phủ, các bộ, ban, ngành,  
đơn vị quân đội. Tuyên Quang cũng là  
mảnh đất làm nên những chiến công  
Bình Ca, Khe Lau. Xuất bản cuốn sách  
"Di tích, danh thắng Tuyên Quang"

chúng tôi nhằm giới thiệu quê hương  
Tuyên Quang cùng đồng bào cả nước.

Còn nhiều nguồn tài liệu chưa được  
phát hiện và do hạn chế về trình độ năng  
lực của người viết, chắc chắn cuốn sách  
không tránh khỏi những thiếu sót. Kính  
mong bạn đọc chỉ giáo, cũng như cung  
cấp cho chúng tôi thêm tài liệu để sửa  
chữa, bổ sung khi có dịp tái bản.

Xin trân trọng cảm ơn.

PHÙ NINH

## TẤM BIA CHÙA BẢO NINH SÙNG PHÚC

 gò Khuôn Khoai xã Yên Nguyên  
huyện Chiêm Hóa còn lưu giữ được một hiện vật quý,  
đó là tấm bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc.

Bia được làm bằng phiến đá xanh cao 14,5 m rộng 0,80 m, dày 0,20 m, đặt trên lưng con rùa đá. Bia khắc bằng chữ Hán chân phương, còn đọc rõ. Trần bia trang trí hình rồng, mây, có dòng chữ lớn: *Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi* nghĩa là bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc.

Tại nơi đặt bia còn dấu tích của chùa, một công trình kiến trúc khá lớn, những phiến đá chân cột, những mảnh ngói lăn trong đất.

Về địa điểm của chùa, văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc ghi :

"Thái phó dắt hương lão, xem hướng ở góc quận

chọn đất phía nam Hân Lộc, giáp bên mạn bắc Mẫu Cung làm nơi dựng chùa".

Người soạn bia là Lý Thừa Ân, sống dưới hai triều Vua Lý Nhân Tông (1072- 1127) và Lý Thần Tông (1128-1137) làm quan với chức Triều thỉnh đại phu, Thượng thư viên ngoại lang. Văn bia được soạn theo lệnh của Hà Di Khánh, là nhân vật (Thái phó) được nhắc đến trong bia. Bên cạnh phần giáo lý đạo Phật, nội dung bia nói về gia thế của dòng họ Hà từng 15 đời làm Châu mục châu Vị Long (tức huyện Chiêm Hóa ngày nay), hai người làm quan đến chức Thái bảo và Thái phó. Một trong hai người đó là Hà Di Khánh.

Bấy giờ, nhân lúc Vua Lý Nhân Tông lên ngôi mới 7 tuổi, nhà Tống tập trung lực lượng tại các trấn thành phía nam, chuẩn bị xâm lược nước ta.

Thái úy Lý Thường Kiệt đè xuất chiến lược tiến quân trước chặn bước quân giặc, tháng 10 năm 1075, thống lĩnh hai đạo thủy bộ 10 vạn quân tập kích vào đất Tống. Bình mã châu Vị Long do Hà Hưng Tông (cha của Hà Di Khánh) chỉ huy là lực lượng quan trọng trong cuộc tấn công. Sau 42 ngày đêm công phá, quân ta đã chiếm được châu Ung, châu Khâm, châu Liêm, trong đó châu Ung là căn cứ quân sự lớn nhất. Quân ta phá huỷ kho tàng khí giới, lấy đá lấp sông ngăn chặn sự

vận chuyển của đối phương. Cuộc tấn công chiến lược có tác dụng làm suy giảm lực lượng và phương tiện chiến tranh của địch.

Văn bia ghi: "Thân phụ Thái phó chinh đốn vương sư đánh sang ái Bắc, vây thành Ung cho bõ giận, bắt tướng võ, dâng tù binh, do đó được nhà vua ban chức Híru đại liêu ban đoàn luyện xú".

Nhờ công lao của cha nên Hà Di Khanh năm 9 tuổi được kết làm em Vua Lý, năm 10 tuổi (1078) được phong chức Tả đại liêu ban và kết duyên với Công chúa Khâm Thánh. Đến năm 1086 được nối tước Thái phó kiêm Tri châu Vị Long.

Đoạn kết của văn bia như sau (tạm dịch):

Lớn thay họ Hà, rõ ràng tiếng tốt  
 Tiên tổ qua đời, con cháu nối gót  
 Bốn mươi chín động, trải mười lăm đời  
 Non sông giữ vững, nhân ái giúp thời  
 Chân tình sáng suốt, cẩn tuệ vững bền  
 Ngói xanh mái lợp, cỗi vàng dựng nền  
 Phía nam Hân Lộc, phía bắc Mẫu Cung  
 Đất không bụi bặm, hơi núi mịt mùng  
 Người giỏi ra đời, đạo thi thống nhất  
 Công đức tạc bia, như non khôn mất.

Văn bia khớp với sử liệu phản ánh một hiện thực triều Lý là chính quyền phong kiến được củng cố từ triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê đến nhà Lý bằng cả bạo lực và chính trị: Một mặt dùng quân sự dẹp các cuộc nổi dậy, một mặt thi hành chính sách ràng buộc bằng hôn nhân và phong chức tước. Từ trưởng giữ các châu mục, nhận chức tước của triều đình, điều đó thể hiện vùng này đã nằm trong hệ thống hành chính của Nhà nước thống nhất; đồng bào các dân tộc cùng với người Kinh nằm trong khối cộng đồng dân tộc Việt Nam. Việc trai tráng các dân tộc chau Vị Long do tù trưởng họ Hà chỉ huy dưới sự thống lĩnh của Lý Thường Kiệt đánh giặc Tống xâm lược là một cứ liệu về truyền thống đoàn kết giữ nước của các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Di tích bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 95, ngày 24-1-1998 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Hiện đang thực thi dự án xây dựng lại chùa, sẽ hoàn thành dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long.

## THÀNH TUYÊN QUANG

Thành Tuyên Quang nằm giữa hai khu phố Xuân Hoà và Tam Cờ, thuộc địa phận phường Tân Quang, thị xã Tuyên Quang ngày nay. Tương truyền, thành xây dựng năm 1592 dưới thời Mạc Mậu Hợp. Gạch xây thành làm bằng thứ đất có quặng sắt, rất rắn. Căn cứ vào kích thước và chất liệu gạch cho thấy thời điểm xây dựng thành theo tương truyền là hợp lý. Thành xây theo kiểu hình vuông, mỗi chiều dài 275m; tường thành cao 3,5m dày 0,8m. Ở giữa mỗi mặt thành có một cửa bán nguyệt. Trên cửa xây tháp, mái lợp bằng ngói vảy. Phía trong tường có một con đường nhỏ để tiếp đạn được lên thành. Ngoài cùng, bao bọc tường thành là một lớp hào ngập nước sâu. Đầu đồi Nguyễn thành được sửa chữa, gia cố thêm, xây bằng loại gạch nhỏ. Đồi Thổ Sơn trong thành cao gần 50m dốc đứng,

hướng chéch bắc. Thành án ngũ bên bờ sông Lô, nằm trên trục giao thông thủy bộ thuận lợi. Địa hình và cấu trúc như vậy khiến cho thành trở nên một vị trí quân sự trọng yếu.

Thành là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử:

### ***Bao vây làm cho quân Pháp khốn đốn***

Năm 1884, sau khi chiếm Hà Nội, thực dân Pháp đánh lên Tuyên Quang. Không cam chịu làm nô lệ, cùng với quân của Lưu Vĩnh Phúc, đồng bào các dân tộc do Lãnh Chân, Đốc Thịnh chỉ huy dũng cảm đánh giặc. Từ tháng 8-1884, nghĩa quân chặn đánh các chiến thuyền tiếp tế, không ngừng nã đạn, đào đường hầm, dùng thuốc nổ để công phá thành. Nhiều lần bộc phá nổ đã khoét thủng tường thành, nhưng do hỏa lực yếu nên nghĩa quân không vào được.

Hơn 600 tên địch trong thành bị vây hãm, thiếu lương ăn nước uống, bị sốt rét, kiết lỵ hoành hành. Trong tám tháng, hơn 200 tên bị tiêu diệt, hầu hết sĩ quan và một nửa binh lính địch bị thương.

### ***Kết hợp đấu tranh vũ trang và chính trị buộc quân Nhật đầu hàng***

Ngày 15 tháng 8, trên đường đi dự Quốc dân Đại hội, đồng chí Song Hào được giao nhiệm vụ chỉ huy

khởi nghĩa giải phóng tỉnh lỵ Tuyên Quang. Uỷ ban khởi nghĩa của tỉnh được thành lập gồm các đồng chí Song Hào, Tạ Xuân Thu, Trần Thế Môn. Đêm 16 tháng 8, quân Giải phóng, tự vệ địa phương tập kết tại đồn điền Châu Khiết, xã Ỷ La huyện Hàm Yên. Lúc 2 giờ sáng ngày 17 tháng 8 xuất quân, chia làm 2 mũi nhanh chóng đánh chiếm dinh tỉnh trưởng, trại bảo an, nhà bưu điện, sở kho bạc. Bị bao vây, quân Nhật đóng trong thành xin được điều đình. Tuy nhiên khi biết đồng bọn từ Hà Giang về, quân Nhật trong thành trở mặt, bắn pháo và đại liên vào các khu phố làm chết 2 tự vệ và 3 người dân.

Kiên quyết đập tan âm mưu của địch, ngày 20 tháng 8, một đơn vị quân Giải phóng cấp tốc hành quân cǎn đường cánh quân Nhật từ Hà Giang xuống đồng thời tập trung lực lượng mở đợt tấn công vào thành và tổ chức đông đảo quần chúng tuần hành thị uy rầm rộ. Liên tục bị tấn công cả về quân sự và chính trị, ngày 21 tháng 8 quân Nhật buộc phải đầu hàng.

Ngày 24 tháng 8, hàng vạn nhân dân tham gia mít tinh do Uỷ ban khởi nghĩa tổ chức. Uỷ ban nhân dân Cách mạng lâm thời của tỉnh Tuyên Quang tuyên bố thành lập.

## *Hai lần chứng kiến quân Pháp thất bại*

Thu đông 1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công lớn lên Việt Bắc, dùng đường sông Lô làm một trong hai gọng kìm. Trước khi tản cư, nhân dân thị xã Tuyên Quang thực hiện triệt để tiêu thổ kháng chiến. Khi quân Pháp đến, thị xã Tuyên Quang hoàn toàn hoang vắng. Hành quân lên Chiêm Hóa, chúng vấp phải nhiều trận bị phục kích cả đường bộ lẫn đường sông. Hai binh đoàn không hội quân được với nhau. Trên đường rút lui chúng liên tiếp bị đánh chặn, thiệt hại nhiều về binh lực và phương tiện chiến tranh. Đêm 21 tháng 11 năm 1947, để tránh những đòn truy kích, quân Pháp bỏ lại toàn bộ quân trang quân dụng, bí mật rút khỏi thị xã Tuyên Quang.

Ngày 23 tháng 12 năm 1947, lễ mừng chiến thắng tổ chức tại sân vận động chân núi Thổ Sơn. Đồng chí Võ Nguyên Giáp Tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân tự vệ Việt Nam chuyển lời khen ngợi của Hồ Chủ tịch và Chính phủ và đọc bản Nhật lệnh:

*"Hôm nay Tuyên Quang lại được vinh dự chọn làm nơi cử hành lễ duyệt binh và tuyên dương công trạng trong khi trên đường rút lui của giặc, tiếng súng truy kích của quân đội ta vừa mới ngớt.... Tuyên Quang*

cùng Phù Đoan, Bình Ca, Khe Lau trên bờ sông Lô đã oanh liệt chiến thắng thuỷ quân và lục quân của giặc”.

Đồng chí Tổng tư lệnh gắn huân chương lên quân kỳ Trung đoàn Sông Lô, Tiểu đoàn Bông Lau, Tiểu đoàn Bình Ca, Tiểu đoàn pháo binh 410.

Tháng 5 năm 1949, Bộ chỉ huy Pháp mở cuộc hành quân Pô-môn đánh lên Phú Thọ, Tuyên Quang hòng phá hoại hậu phương kháng chiến và đỡ đòn cho hướng Tây Bắc. Địch huy động vào cuộc hành quân 2.600 binh lính gồm bộ binh, pháo binh, công binh, cả thuỷ quân, quân dù và một phi đội không quân. Địch hành quân băng cơ giới đến Đoan Hùng, rẽ quốc lộ 70 qua Tây Cốc sang phà Hiên, đánh vào thị xã Tuyên Quang từ hướng tây, chiếm các cao điểm nhà thờ, Thủ Sơn.

Bộ Chỉ huy chiến dịch sông Lô được thành lập gồm các tướng Bằng Giang, Vương Thừa Vũ, Lâm Kinh. Quân dân ta phục kích đánh địch trên các nẻo đường Trung Môn, Ỷ La, đường Hiên. Pháo binh từ các vị trí Ghềnh Quýt, Tràng Đà, làng Giao bắn vào quân địch trong thành.

Bị bao vây, tập kích từ nhiều phía, sau ba tuần chiếm đóng thị xã Tuyên Quang, giữa tháng 5 năm 1949, mặt trận Sông Thao mở màn, địch vội vã rút quân.

Đồng chí Trường Chinh viết: “Thêm một chiến

công sông Lô nữa ghi vào lịch sử kháng chiến của dân tộc ta. Một lần nữa sông Lô chiến thắng”.

Ngày 17 tháng 5 năm 1949 thực dân Pháp rút chạy khỏi thị xã Tuyên Quang.

### *Nơi Bác Hồ nói chuyện với đồng bào và chiến sĩ các dân tộc tỉnh Tuyên Quang*

Ngày 20 tháng 3 năm 1961 nhân dân Tuyên Quang phấn khởi mít tinh đón mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh lên thăm và làm việc tại sân vận động chân núi Thỗ Sơn. Bác Hồ ân cần thăm hỏi đồng bào, các cụ phụ lão, các gia đình có công với cách mạng; gia đình bộ đội, thương binh. Bác Hồ nói: “Trước kia, đồng bào tinh ta đã góp phần xứng đáng trong Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến cứu nước. Ngày nay tôi chắc rằng đồng bào ta sẽ phát huy truyền thống anh dũng sẵn có và góp phần nhiều hơn nữa trong công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà”.

Đồng bào các dân tộc, cán bộ, bộ đội ghi sâu lời chỉ bảo ân cần của Người.

Di tích Thành Tuyên Quang được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 1548, ngày 30-8-1991 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## THÀNH NHÀ BẦU

**D**ọc theo đường từ thị xã Tuyên Quang đi về phía nam, cách bến Bình Ca chừng 400m có một khu đất rộng vài ki lô mét vuông. Trên khu đất này còn dấu tích nhiều đoạn thành, có đoạn là đất đắp, có đoạn xây gạch. Đường lên thành lát những phiến đá xanh lớn. Gạch xây thành có kích thước lớn, thường thấy trong những kiến trúc thời Lê. Thành bao bọc một dải cao, tầm kiểm soát rộng. Khảo sát kiến trúc của phế tích cho thấy thành có quy mô khá lớn, một công trình quân sự hiểm yếu và bền vững. Khu vực này tìm thấy một tấm bia bằng chữ Hán bị mờ và rất nhiều đạn đá đường kính từ 2 - 3 cm. Đó là thành nhà Bầu, do Chúa Bầu chỉ huy xây dựng.

Chúa Bầu là tên tôn xưng của Vũ Công Mật, một trong hai thủ lĩnh cát cứ vùng đất Tuyên Quang, Yên Bai, Lào Cai vào cuối triều Lê. Hai anh em Vũ Công

Uyên, Vũ Công Mật quê ở làng Ba Đông Hạ xã Đồng Quang huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương. Nhà nghèo, cha mất sớm, mẹ ở vây tàn tảo nuôi con. Thừa nhở Mật được đi học nhưng không bao lâu khi mẹ bị thủy nạn qua đời ông phải bỏ học. Hai anh em ông đều có sức khỏe hơn người, làm nghề đánh cá nuôi nhau. Năm 1522 do bị úc hiếp, Vũ Công Uyên giết tên xã quan tàn ác rồi cùng em trốn chạy lên mạn ngược. Theo Lê Quý Đôn trong "*Kiến văn tiểu lục*" thì lúc mới nổi dậy, Vũ Công Mật ở xã Khổng Tuyền (Suối Khổng, tức khu vực xã Hồng Lạc thuộc huyện Sơn Dương).

Khởi nghiệp từ Khổng Tuyền nhưng không muôn mưu đồ sớm bị phát lộ, anh em Uyên, Mật chuyển đến xóm Khuân Bầu xã Đại Đồng châu Thu Vật (huyện Yên Bình ngày nay). Khi đó châu Thu Vật thuộc Tuyên Quang). Trước cảnh triều chính đỗ nát, quan lại tham tàn, lòng người oán hận, Uyên và Mật bèn tập hợp dân chúng nổi lên giết quan lại đánh chiếm huyện đường châu Thu Vật, mở đầu cuộc khởi nghĩa chống triều đình nhà Lê. Vũ Công Uyên tự xưng là Đô tướng rồi hợp lực với Mạc Đăng Dung cùng chống nhà Lê. Thế lực của anh em họ Vũ dần mạnh lên. Nhận thấy Mạc Đăng Dung giành ngôi vua từ nhà Lê không được tầng lớp quan lại nhà Lê ủng hộ, anh em họ Vũ bèn tuyệt giao với Mạc Đăng Dung; đồng thời Vũ Công Uyên

vào hành cung Vua Lê ở Thanh Hóa qui phục, giương cờ phò Lê cự Mạc. Vua Lê Chiêu Tông phong Vũ Công Uyên làm Đô thống sứ, tước Khánh dương hầu. Từ một cuộc khởi nghĩa chống phong kiến áp bức, khi đạt được thắng lợi nhất định họ bắt đầu thỏa mãn, nhanh chóng chuyển hẳn sang hàng ngũ giai cấp thống trị, trở thành dòng họ thế tập, quay lại áp bức bóc lột nhân dân. Đó là hạn chế lịch sử của thời đại, con đường cha con họ Vũ buộc phải đi, không thể tránh khỏi.

Vũ Công Uyên mất, trao quyền cho em là Vũ Công Mật. Vua Lê phong cho Mật chức Gia quốc công thế tập, cho Mật cai quản một vùng hiểm yếu cả đất Tuyên Quang, các huyện Lâm Thao, Đoan Hùng, Đà Dương (Sơn Dương).

Vũ Công Mật truyền cho con là Vũ Công Kỷ tước Nhân quận công. Tiếp đến Vũ Công Ứng tước Tụ quận công; Vũ Công Sực tước Tống quận công; Vũ Công Tuấn tước Khoan quận công. Vũ Công Tuấn quay lại chống nhà Lê, bị Chúa Trịnh đánh bại vào năm 1667. Đến đây sự nghiệp của họ Vũ kết thúc. Họ Vũ khởi lên từ Vũ Công Uyên, Vũ Công Mật, trải 5 đời, gần 150 năm, ngang 7 đời Vua Lê từ Lê Trang Tông đến Lê Huyền Tông, đồng thời với 6 đời Chúa Trịnh, từ Trịnh Kiểm đến Trịnh Tạc. Cũng ngang 10 đời nhà Mạc từ Mạc Đăng Dung đến Mạc Kính Vũ.

Trong phạm vi các tỉnh Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bai hiện nay còn dấu tích nhiều thành lớn nhỏ cũng mang tên là thành nhà Bầu, đều do anh em, cha con họ Vũ chỉ huy xây đắp để chống nhau với nhà Mạc, như thành Đại Đồng (thành này nằm trong lòng hồ Thác Bà), thành Nghị Lang ở Lào Cai. Riêng thành nhà Bầu ở Bình Ca là nơi anh em họ Vũ có ý định lập đại bản doanh để rồi đóng đô ở đây. Đoạn sông Lô chảy qua Bình Ca có khúc uốn hình chữ U, hiện còn một mạch đất trũng nối hai đầu đoạn sông. Tương truyền vệt đất ấy do Chúa Bầu định khơi một đoạn sông đào. Nếu đoạn sông đào làm xong thì toàn bộ khu vực của thành được sông Lô bao bọc. Họ Vũ định lấy sông làm hào, một ý định táo bạo, độc đáo về mặt phòng thủ. Nhưng công trình chưa hoàn thành thì lực lượng của họ Vũ bắt đầu suy yếu.

Xung quanh khu vực bến Bình Ca thuộc địa phận An Khang còn những tên xóm, tên làng có xuất xứ liên quan đến hoạt động của Chúa Bầu như xóm Thúc Thủy là nơi hội quân dường sông, xóm Trường Thi là nơi tuyển chọn nhân tài.

Những dấu vết thành trì của nhà Bầu cho thấy vị trí quân sự quan trọng của Bình Ca. Đồng thời cũng là những cứ liệu giúp tìm hiểu nhiều mặt về một giai đoạn lịch sử Tuyên Quang.

## ĐÈN HẠ

*H*èn Hạ thuộc phường Tân Quang thị xã Tuyên Quang, bên bờ sông Lô, xa xa phía sau đèn có núi Là làm thế tựa. Vị trí đèn được miêu tả trong câu đối cửa đèn:

*Lô Giang tại kỳ tiền  
La Sơn tại kỳ hậu  
(Sông Lô ở trước mặt  
Núi Là ở sau lưng)*

Trải qua các thời kỳ, đèn có tên gọi khác nhau. Đời Lý gọi là đèn Tam Kỳ (cổng đèn còn chữ "Tam Kỳ từ"), đời Trần có tên là đèn Hiệp Thuận (lúc đó đèn thuộc thôn Hiệp Thuận xã Ỷ La huyện Hàm Yên). Đời Hậu Lê mới có tên là đèn Hạ như ngày nay.

Niên đại xây dựng đèn với quy mô lớn là năm

1878, triều Nguyễn. Căn cứ niêm đai trên chuông lớn có thể thấy đèn được tạo dựng muộn nhất vào thời Lê. Đèn thờ hai Công chúa Ngọc Lan và Phương Dung, còn có tên là Mai Hoa và Quỳnh Hoa. Hai người là chị em ruột. Truyền thuyết kể rằng, hai công chúa theo xa giá vua cha đi kinh lý. Thuyền đỗ ở bờ sông Lô, đêm trời nổi mưa to, gió lớn, hai công chúa bay về trời. Sau lấy nơi thuyền đỗ để dựng đèn.

Truyền thuyết biểu hiện sự tôn thờ các lực lượng tự nhiên mang dấu ấn của thời kỳ mẫu hệ. Lực lượng tự nhiên ở đây là núi non, sông nước với Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải.

Kiến trúc của đèn lần xây dựng năm 1878, phần lớn còn đến hiện nay theo lối nội công ngoại quốc, hướng chính đông, nhìn thẳng ra sông Lô. Bước vào cổng đèn, theo đường gạch lát nghiêng, qua trước ba gian tam phủ vào sân chùa. Trước sân chùa là hệ thống cổng phụ có bốn trụ. Trên mỗi đỉnh trụ gắn con phượng đắp nổi, tư thế chầu về bốn phương đông tây nam bắc. Cạnh sân chùa là hai lầu cô. Cạnh hai miếu có hai cửa vòm. Cửa bên trái đèn dẫn ra nhà oản và lầu tế. Lầu đặt tượng Đệ nhị Thượng Ngàn. Nhà oản là nơi đón tiếp khách thập phương nghỉ chân trước khi vào cúng lễ, dự hội. Đi qua cửa vòm bên phải đèn gặp ba gian tam phủ. Đơn

nguyên kiến trúc này hình chữ đinh (J) bài trí tượng Đệ nhất Thượng Thiên, cùng hàng ngàn bát nhang của khách thập phương. Ba gian chính của đèn kiến trúc hình chữ tam (≡), gồm ba cung: Cung Đệ nhất, cung Đệ nhị, cung Đệ tam. Cạnh cửa vào cung Đệ nhất có hai hộ pháp. Trong cung Đệ nhất đặt hai mâm bồng ở giữa với bức hoành chạm tứ linh, tứ quý. Trên bệ thờ đặt một bộ đỉnh, quả chuông và chiếc khánh lớn. Minh chuông ghi: *Hoàng triều Cảnh Hưng vạn vạn niên tuế nhị thập tuế, tại Kỷ Mão trọng đồng cốc nhật cẩn thức.*

Nghĩa là: Vì sao sáng Cảnh Hưng vạn vạn năm, năm thứ hai mươi Kỷ Mão chính đông, ngày tốt đúc xong kính báo cho biết. (Kỷ Mão là năm 1759, đời vua Lê Hiển Tông).

Thượng lương gian giữa ghi: *Tuế thír Mậu Ngọ niên lục nguyệt nhị thập bát nhật thiên trụ thượng lương кат.*

Nghĩa là: Thượng lương ở cung thượng tự linh từ dựng ngày 28 tháng 6 năm Mậu Ngọ (Mậu Ngọ là năm 1878, đời vua Tự Đức). Cung Đệ nhất còn có ban thờ hai ông Quận. Hậu cung bài trí hai ngai thờ. Ngai trên đặt tượng Mẫu chính cung; ngai dưới đặt tượng Mẫu Phù Giầy. Cạnh ngai treo quả chuông nhỏ, đường kính 20cm, cao 30cm. Phần giáp mái có nhiều bức chạm

tinh xảo. Phần mái có bốn đầu đao và các biểu tượng lưỡng long chầu nguyệt, bốn con nghê bốn góc. Hai đầu hồi là hai mặt hổ phù ngậm chữ Thọ, có biểu tượng mặt nguyệt cùng hình hai con cá chép đắp nổi. Miệng cá cũng là ống thoát nước mưa từ mái đao xuống.

Nghệ thuật kiến trúc của đèn nổi bật ở phần chạm khắc gỗ. Tất cả cột, kèo, thượng lương, cửa võng, cửa xiếp đều được chạm trổ tinh xảo. Đề tài chính các hình chạm là tứ linh Long Ly Quy Phượng, tứ quý Tùng Cúc Trúc Mai. Nhiều hơn cả là hình rồng. Trên thân cột chạm hình long giáng thủy cung. Đặc biệt những hình cây, hoa đục rỗng trên cửa võng mềm mại như tranh vẽ.

Giá trị nghệ thuật điêu khắc của các tượng thờ cũng rất độc đáo. Cả thảy còn lại sáu pho tượng bằng gỗ mít. Gương mặt các pho Bà Chúa Thượng Ngàn toát lên vẻ đẹp thanh tao. Các tư thế của tay, các nếp khăn áo đều được bàn tay khéo léo của người thợ thể hiện rất sinh động. Ngoài ra còn phải kể đến hình trang trí trên các đồ thờ như chuông, khánh, đỉnh. Quai chuông hình rồng uốn khúc mềm mại là một tác phẩm điêu khắc có giá trị.

Hội đèn chính vào tháng 2 âm lịch. Ngày 12 rước

Mẫu từ đền Thượng xuống đền Hạ. Cùng ngày rước Mẫu từ đền Ý La ra đền Hạ. Sau ba ngày té lễ hội hè, ngày 16 rước Mẫu hoàn cung từ đền Hạ trở lại hai đền Thượng và đền Ý La. Lễ đền còn vào các ngày 12 đến 16 tháng 7. Sách “*Tuyên Quang phong thổ ký*” của Nguyễn Văn Bân chép: Cứ mỗi năm đến trung tuần tháng 2 và tháng 7, người từ bốn phương kéo đến hành hương đông như nước chảy. Hội còn có các trò: Hát đói trông quân, bắt chạch trong chum, đánh cờ người, bơi chài, đánh đu, vật, chơi gà, ném cò.

Đền Hạ được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 1009, ngày 26-7-1994 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## CÁNH ĐỒNG HÒA MỤC BÃI THA MA QUÂN PHÁP

Cánh đồng Hòa Mục thuộc xã Thái Long huyện Yên Sơn nằm bên hữu ngạn sông Lô. Cánh đồng không lớn, hình cánh diều, rộng ở giữa, hai đầu nam bắc hẹp dần. Phía tây bắc có một dải đồi thấp hình lưỡi liềm ôm lấy cánh đồng. Mùa tiếp mùa mía ngô tươi tốt. Dưới sông thấp thoáng tàu, thuyền xuôi ngược. Cảnh thanh bình ấy khiến ít ai tưởng tượng nơi đây từng là bãi chiến trường ngút trời khói súng.

Tháng 2 năm 1885, sau khi ký hiệp ước hòa hoãn với nhà Thanh, thực dân Pháp vội mở cuộc hành quân nhằm giải vây cho binh lính đang bị vây hãm trong thành Tuyên Quang. Lực lượng địch gồm một binh đoàn do thiếu tướng Pi-e-đơ-lít chỉ huy. Chúng chuyển quân bằng đường thủy theo sông Lô.

Lưu Vĩnh Phúc là người cầm đầu cuộc khởi nghĩa của nông dân miền nam Trung Hoa chống lại triều đình nhà Thanh đầu hàng trước các thế lực xâm lược phương Tây. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Lưu tập hợp lực lượng lập ra đội quân “Cờ Đen” tránh sang Việt Nam. Lúc đó ở Việt Nam, triều đình nhà Nguyễn liên tiếp để mất đất vào tay quân Pháp xâm lược. Sẵn có lòng căm ghét ngoại xâm, Lưu hợp tác với các lực lượng yêu nước Việt Nam chống Pháp. Đáng kể nhất là trận Cầu Giấy giết chết tên chỉ huy Gác-nhi-ê. Quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng, Lưu rút lực lượng lên miền núi dựa vào đồng bào các dân tộc và địa hình hiểm trở tiếp tục đánh Pháp. Tuy nhiên quân Cờ Đen là những nông dân bị bần cùng hoá, không thoát khỏi hệ tư tưởng phong kiến, họ có những hành động cướp bóc kiểu thổ phi.

Hoà Mục nằm trên bờ sông, trong khi quân địch tiến bằng đường thuỷ, nhưng Lưu Vĩnh Phúc chọn đây làm quyết chiến điểm bởi lẽ từ Hòa Mục đến thị xã Tuyên Quang đường bộ gần hơn đường thủy, quân địch thì nôn nóng giải vây cho đồng bọn đang nguy khốn. Lưu cho rằng nhất định chúng sẽ chuyển sang đi theo đường bộ. Phán đoán đúng ý đồ đó, Lưu lệnh cho quân sĩ tiến hành đào một hệ thống công sự ngách hào chi

chít tỏa khắp cánh đồng. Bấy giờ, cánh đồng còn chưa được khai phá nhiều, đây đó cỏ tranh, lau sậy, mây mai mọc um tùm. Con đường hẹp chạy dọc cánh đồng, một bên là sông Lô, một bên là rừng rậm rạp.

Đường hào được nguy trang kín đáo, trồng lau cỏ lên bờ. Phía trước hệ thống công sự này, dọc theo con đường mòn mà dự kiến quân địch phải đi qua, Lưu cho đặt nhiều địa lôi tự chế sức công phá lớn. Hơn 2 vạn cân thuốc nổ được nhồi vào các ống tre rồi xếp vào các hòm gỗ vuông. Có tất cả 500 hòm thuốc nổ như thế. Trận địa đã bày sẵn, tuyệt đối bí mật. Trinh sát theo dõi chặt chẽ biến hành quân của địch. Quả nhiên đại bộ phận quân địch đã tiến theo đường bộ. Những phân đội nhỏ của Lưu bắt đầu nổ súng đánh chặn. Dịch phản kích mạnh vừa nhằm uy hiếp đổi phương vừa để tự trấn an. Tiếng súng đánh chặn thưa dần, địch cho rằng lực lượng quân kháng chiến không đáng kể. Chúng cho quân ồ ạt tiến lên hòng tiêu diệt hoặc bắt sống toàn bộ nghĩa quân. Lưu đã chỉ huy tạo ra tình thế như vậy để nhử địch tiến sâu vào trận địa. Từ trong các chiến hào, đạn đã lênh nòng kèm sát từng bước đi của chúng. Khi phần lớn quân địch đã vào các vị trí có chôn địa lôi, bắt thần những tiếng nổ nối tiếp. Cỏ tranh, lau sậy bắt lửa cháy vù vù. Quân địch hoàn toàn bất ngờ, mất phương

hướng, tán loạn, cuồng cuồng chạy ra khỏi những nơi có lửa thì lại vấp phải những quả đia lôi và những luồng đạn từ các tay súng trường, súng kíp từ nhiều hướng bắn tới. Ngọn lửa lan khắp cánh đồng, khói thuốc đạn ngùn ngụt đen sạm một góc trời. Mấy giờ sau địch mới thu thập được tàn quân, băng bó cho những tên bị thương.

Kết quả trận đánh này, hơn 100 tên địch bị chết, gần 800 tên bị thương, trong đó có 27 tên sĩ quan. Một sĩ quan địch thú nhận: "Hòa Mục là một trận đánh lớn nhất và đổ máu nhiều nhất kể từ khi chúng ta đem quân đi chiếm thuộc địa".

Còn thủ lĩnh Lưu Vĩnh Phúc thì nói về trận Hòa Mục như sau: "Đã đánh nhiều trận nhưng chưa có trận nào thắng lớn như trận này".

Khi đã chiếm được Tuyên Quang, thực dân Pháp dựng ở đây bia trận đánh Hòa Mục (Combat). Xung quanh bia, chúng xây cất mồ của những sĩ quan thuộc các đơn vị, binh chủng đã chết trong trận Hòa Mục. Đó cũng chính là lời thú nhận đòn trùng phạt mà chúng nhận được khi đặt chân lên đất Tuyên Quang.

## MỎ THAN NƠI RA ĐỜI CHI BỘ ĐẢNG ĐẦU TIÊN

**M**ỏ than Tuyên Quang nằm ở phía Bắc thị xã Tuyên Quang, gồm một phần nội thị và một phần đất xã Ý La.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp thực thi chính sách tăng cường vơ vét thuộc địa. Năm 1915, chúng bắt đầu khai thác mỏ than Tuyên Quang. Đầu năm 1921 chúng thành lập Công ty than Tuyên Quang và mở rộng việc khai thác, sản lượng trung bình lên 21.000 tấn/năm, có tới gần 1.000 người thợ. Phần lớn thợ mỏ là nông dân quê ở các tỉnh miền xuôi, Thái Bình, Nam Định bị thực dân Pháp và địa chủ cướp đoạt ruộng đất. Một số từ Quảng Yên, Hồng Gai (tỉnh Quảng Ninh) chuyển đến. Thợ phải làm việc hơn 10 giờ một ngày, trong điều kiện hết sức cực nhọc, dưới

hở lò sâu thẳm, ẩm ướt, thiếu không khí, ánh sáng. Tính mạng người thợ luôn bị đe doạ bởi các tai nạn sập hầm, cháy ga, ngập nước. Đánh đập, cúp phạt, sa thải xảy ra thường xuyên. Tiền lương rẻ mạt, không có bảo hiểm lao động, bị áp bức đến cùng cực, công nhân mỏ than một khi được tuyên truyền đã mau chóng giác ngộ cách mạng.

Nhằm phát triển cơ sở vào nơi có đồng công nhân, năm 1937, chi bộ Hải ngoại cử đồng chí Hoàng Văn Lịch, còn có tên là Hai Cao và đồng chí Lê Đình Tuyên đến Tuyên Quang hoạt động. Đồng chí Lịch vào làm thợ mỏ, gần gũi giác ngộ thợ thuyền tinh thần yêu nước; lòng căm thù đế quốc, phong kiến, chủ mỏ áp bức bóc lột. Thông qua việc dạy chữ quốc ngữ, đồng chí đã tập hợp được một số thanh niên tích cực. Năm 1938 đồng chí Vũ Mùi được cử tiếp lên Tuyên Quang. Cuối năm 1938 các đồng chí đã tổ chức được Đoàn thanh niên dân chủ ở mỏ. Một số tổ chức quần chúng khác cũng được thành lập như Công hội đỏ, Hội ái hữu thợ thuyền. Cũng cuối năm 1938 lần đầu tiên nổ ra cuộc đình công lớn đòi tăng lương, chống đánh đập.

Năm 1939, Chiến tranh thế giới bùng nổ, thực dân Pháp tăng cường đàn áp, khủng bố. Các hoạt động cách

mạng phải chuyển vào bí mật, việc xây dựng cơ sở chuyển mạnh về nông thôn.

Qua những cuộc đấu tranh có tổ chức dưới sự lãnh đạo của các đảng viên cộng sản, xuất hiện nhiều công nhân giác ngộ cách mạng.

Trước tình hình mới, Xứ uỷ Bắc Kỳ tăng cường một số cán bộ về lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh. Một cuộc đình công lớn nổ ra đòi chủ mỏ thi hành những yêu sách của công nhân. Các hoạt động kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, rải truyền đơn kêu gọi đoàn kết đánh đuổi thực dân Pháp cùng đồng thời diễn ra.

Trước đòi hỏi của tình hình, Xứ uỷ Bắc Kỳ kiểm tra thấy đã có đủ điều kiện để thành lập chi bộ. Ngày 20-3-1940 lễ thành lập Chi bộ Mỏ than được tổ chức tại nhà ông Nịnh Văn Kiến tức Cả Kiến.

Chi bộ Mỏ than có 7 đảng viên, là các đồng chí: Lương Hải Bằng, Lương Quang Mai, Bùi Đức Kim, Trần Minh Châu, Trần Xuân Hồng, Trần Hải Kế và Vũ Mùi. Đồng chí Vũ Mùi được chỉ định làm bí thư. Đại diện Xứ uỷ Bắc Kỳ là đồng chí Đào Duy Kỳ xứ uỷ viên đã công nhận và giao nhiệm vụ cho Chi bộ. Đây là chi bộ đầu tiên trong lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang,

một sự kiện quan trọng trong quá trình phát triển cách mạng ở Tuyên Quang.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ, phong trào cách mạng ở Mỏ than phát triển một bước đáng kể: Xây dựng được những cơ sở ngoài mỏ như trong công nhân thuyền sắt chở kẽm ở mỏ Đàm Hồng, trong nông dân ở vùng soi Sính, soi Hồng Lương, Hoàng Khai, Mỹ Lâm, dọc quốc lộ số 2 và đường sông Lô, sông Gâm.

Chi bộ Mỏ than lãnh đạo công nhân và quần chúng lao động đấu tranh dưới nhiều hình thức. Tết Nguyên đán Tân Tỵ (1941) lần đầu tiên lá cờ đỏ búa liềm được cắm trên đỉnh núi Dùm. Cuối năm 1941 cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại soi Cả dưới hình thức kỷ niệm anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ để vận động nông dân chống nộp thóc cho Nhật - Pháp.

Trước sự lớn mạnh của phong trào, thực dân càng khủng bố điên cuồng. Những vụ lùng sục bắt bớ xảy ra nhiều nơi ở mỏ, ở soi Hồng Lương. Tháng 2-1942 địch ruồng bắt 2 đợt cả thảy 17 người. Bị tra tấn, đầy ải dã man đã có 10 người chết trong tù. Tháng 3-1943 thực dân Pháp tiến hành một đợt khủng bố gắt gao tàn bạo hơn. Có tới 100 người bị bắt, cả đảng viên và quần chúng. Trong số những người bị bắt có nhiều tấm

gương bất khuất, trung thành với cách mạng đến hơi thở cuối cùng. Cuối năm 1943 các đồng chí chủ chốt của Chi bộ Mỏ than lần lượt sa vào tay địch. Phong trào đấu tranh của công nhân Mỏ than Tuyên Quang đến đây tạm thời lắng xuống. Nhưng truyền thống đấu tranh ấy đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước trong các tầng lớp người lao động. Phong trào cũng để lại bài học kinh nghiệm về xây dựng lực lượng, về cảnh giác cách mạng, về kết hợp phong trào công nhân và nông dân. Những đồng chí bị giam cầm tù đày, khi Nhật đảo chính Pháp đã phá nhà lao tiếp tục tham gia cách mạng.

Khu vực mỏ than còn nhiều dấu tích như nền ngôi nhà của gia đình ông Nịnh Văn Kiến ở gần lò Giêng số 2, địa điểm họp thành lập Chi bộ Mỏ than. Ngọn núi Dùm nơi năm nào cờ đỏ ngạo nghẽ tung bay. Lò Giêng, lò Chợ, tại đó công nhân phải lao động khổ sai, cũng là nơi hội họp, tuyên truyền cách mạng.

Di tích Mỏ than được xếp hạng Di tích cấp Tỉnh theo Quyết định số 474, ngày 19-11-2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

## DI TÍCH PHÂN KHU NGUYỄN HUỆ Ở AO BÚC

**D**i tích Phân khu uỷ Nguyễn Huệ ở xóm Ao Búc xã Trung Yên huyện Sơn Dương.

Trong cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (Lạng Sơn) đã ra đời lực lượng vũ trang cách mạng lấy tên là Cứu quốc quân, gồm hai trung đội. Cuối năm 1941, Cứu quốc quân II mở rộng hoạt động đến các huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên); Sơn Dương, Yên Sơn (Tuyên Quang), liên lạc với Xứ uỷ Bắc Kỳ, lấy Núi Hồng làm căn cứ bàn đạp phát triển phong trào. Tháng 2 năm 1944, Xứ uỷ Bắc Kỳ cử đồng chí Hoàng Quốc Việt (Hạ Bá Cang) đến kiểm tra tình hình và quyết định phân khu căn cứ thành hai phân khu. Theo đó Phân khu A (còn gọi là Phân khu Hoàng Hoa Thám) phía tả ngạn sông Cầu; Phân khu B (còn gọi là Phân khu Nguyễn

Huệ) phía hữu ngạn sông Cầu gồm các huyện Chợ Đồn, Bạch Thông (Bắc Kạn); Định Hoá, Phú Lương, Đại Từ (Thái Nguyên); Lập Thạch (Vĩnh Yên) và Sơn Dương, Yên Sơn (Tuyên Quang). Sau đó Xứ uỷ quyết định lập đội vũ trang thoát ly của Phân khu B. Ngày 25 tháng 2 năm 1944, Trung đội cứu quốc quân thứ III ra đời tại khu rừng Khuổi Kịch, Tân Trào. Đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Xứ uỷ công nhận và trao nhiệm vụ. Cốt cán của trung đội là các đồng chí Chu Phóng, Phương Cương, Phúc Quyền, Hồng Thái, Hồng Hải - những đội viên của Cứu quốc quân II.

Trước yêu cầu về cán bộ của phong trào cách mạng đang phát triển mạnh, Xứ uỷ Bắc Kỳ chỉ thị Chi bộ nhà tù Chợ Chu (Thái Nguyên) tổ chức để một số đồng chí vượt ngục. Đầu tháng 10 năm 1944, các đồng chí Song Hào, Lê Hiến Mai, Trần Thế Môn, Tạ Xuân Thu, Nhị Quý, Vũ Phong, Hoàng Bá Sơn, Lê Trung Định, Trần Tùng, Phạm Ngọc Bồng, Chu Nhữ, Nguyễn Cao vượt ngục thành công. Ngày 10 tháng 10 năm 1944, cuộc họp tại Khuôn Mánh (Đại Từ, Thái Nguyên) đồng chí Tân Hồng phổ biến nghị quyết của Xứ uỷ, phân công địa bàn hoạt động cho 12 đồng chí mới vượt ngục là các huyện Đại Từ (Thái Nguyên), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang); trong đó các đồng chí

Song Hào, Lê Hiến Mai, Trần Thế Môn về Ao Búc (Trung Yên, Sơn Dương, Tuyên Quang) trực tiếp lãnh đạo phân khu. Đồng chí Song Hào làm Bí thư Phân khu uỷ Phân khu B. Có anh Đặng Văn Đông, chị Lý Thị Múi người dân tộc Dao địa phương được giác ngộ đến giúp việc.

Phân khu uỷ mở rộng các đoàn thể Cứu quốc trong mặt trận Việt Minh, phát triển lực lượng vũ trang, tổ chức các lớp huấn luyện, bồi dưỡng cho các chủ nhiệm Việt Minh, đội trưởng tự vệ tại lán của Phân khu uỷ. Đồng thời Phân khu uỷ lập xưởng sửa chữa vũ khí, rèn giáo mác, mă tấu, ra báo “Kháng Nhật” và truyền đơn tuyên truyền cách mạng. Đồng chí Trần Thế Môn đúc bàn chữ chì để in. Địa điểm in trong hang đá, cách nơi ở khoảng 300m, đồng chí Lê Hiến Mai phụ trách tờ báo.

Ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp. Trung ương Đảng ra chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Chỉ thị nêu rõ: Đảo chính là biểu hiện của khủng hoảng chính trị sâu sắc. Sau cuộc đảo chính này phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt, duy nhất của nhân dân Đông Dương. Phát động một cao trào kháng Nhật gồm nhiều hình thức và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện.

Tuy chưa nhận được chỉ thị trực tiếp, các đồng chí phụ trách Phân khu uỷ Nguyễn Huệ (Song Hào, Tạ Xuân Thu, Khánh Phương...) nhận định: Đây là thời cơ thuận lợi cần nhanh chóng hành động, tổ chức quần chúng đấu tranh, từng bước giành chính quyền.

Cuộc thử sức bắt đầu bằng việc tước vũ khí của một toán lính dông đóng trong xóm. Ngày 11-3-1945, cuộc mít tinh quần chúng có Cứu quốc quân, tự vệ làm nòng cốt được tổ chức tại đình Thanh La (huyện Sơn Dương). Cuộc mít tinh nhanh chóng chuyển thành tuần hành vũ trang với gậy gộc, giáo mác và súng kíp. Đoàn quân cách mạng đi đến đâu hương dông, tống lý, kỳ hào ở đó tự động ra nộp súng ông, triện đồng, băng sắc. Quân cách mạng tịch thu các băng sắc, tuyên bố thành lập Uỷ ban Nhân dân cách mạng lâm thời các xã. Dọc đường tiến, đoàn tuần hành tiếp tục thu vũ khí của lực lượng địch ở Lũng Cò (Thanh La); chiến đấu và diệt gọn bọn lính Pháp ở Phượng Liễn (Thanh La). Đêm 12-3 lực lượng vũ trang vây đánh đồn Đăng Châu, giải phóng huyện lỵ, phá kho thóc của Nhật chia cho dân. Ngày 14-3, Tri châu Sơn Dương Hoàng Thế Tâm, Tri phủ Yên Sơn Đèo Văn Phú đem lính bảo an chiếm lại đồn Đăng Châu. Mờ sáng ngày 15-3 đồng chí Tạ Xuân Thu chỉ huy lực lượng cách mạng tiến đánh đồn Đăng Châu lần thứ hai. Ngày 16-3 cuộc mít tinh lớn tại

huyện ly, Uỷ ban Cách mạng lâm thời châu Tự Do tuyên bố thành lập, là chính quyền Cách mạng cấp huyện được thành lập đầu tiên trên toàn quốc.

Ba tiếng châu Tự Do để lại dấu ấn sâu sắc trong nhiều cán bộ mãi sau này.

Di tích Phân khu uỷ Nguyễn Huệ nằm ở sườn núi Khuôn Trút xóm Ao Búc, gần một số gia đình người Dao. Nhà ở đồng thời là trụ sở của Phân khu uỷ được làm theo kiểu nhà của người Dao Ô Gang, nửa sàn nửa đất. Lưng chừng núi Khuôn Trút có hang đá hai ngách. Trong hang có những phiến đá phẳng, được dùng làm bàn in.

Hiện vật còn lại là chiếc thau đồng của gia đình ông Lý Văn Hợi cho các đồng chí cán bộ mượn dùng đang được giữ tại Bảo tàng Tuyên Quang.

Di tích Ao Búc ghi dấu chặng đường hoạt động của Phân khu uỷ Nguyễn Huệ. Phân khu uỷ đã kịp thời lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền từng bộ phận, làm cơ sở thành lập Khu Giải phóng và là điều kiện để Tân Trào trở thành Trung tâm chỉ đạo Tổng khởi nghĩa.

Di tích Ao Búc được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định 53, ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## TÂN TRÀO THỦ ĐÔ KHU GIẢI PHÓNG

Tân Trào là tên một xã thuộc huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang giáp xã Phú Định huyện Định Hóa tỉnh Thái Nguyên và hai xã Bình Yên, Minh Thanh huyện Sơn Dương. Xã Tân Trào có diện tích 56km, phần lớn là rừng núi. Xã có 8 thôn, làng là Bòng, Tiền Phong, Cả (còn gọi là Hồng Thái), Thia, Tân Lập, Lũng Búng, Mỏ Ché, Vĩnh Tân và các xóm Ngòi Nho, Lũng Tẩu, Khuổi Kịch. Dãy núi Bòng như bức thành ở phía tây. Phía đông, núi Hồng làm ranh giới giữa Thái Nguyên và Tuyên Quang. Núi Thia, Pù Màng, Nản Deng thấp hơn, liền dải với núi Hồng. Dòng sông Phó Đáy cắt ngang địa hình của xã. Các dòng suối Khuôn Ních, Khuôn Qui, Khuôn Pén, Khe Cả, Khe Bòng, Ngòi Thia đều chảy ra sông Phó Đáy.

Làng Tân Lập xưa có tên là Kim Long, thời kỳ Cách mạng tháng Tám đổi thành làng Tân Trào. Năm 1948, làng Tân Trào và Hồng Thái (thôn Cả) hợp nhất thành một xã lấy tên là xã Tân Trào, làng Kim Long lấy lại tên là làng Tân Lập.

Cư dân ở Tân Trào có các dân tộc Tày, Kinh, Nùng, Cao Lan, Dao, Hoa, Sán Dìu. Đồng bào chủ yếu làm nghề nông, sớm có truyền thống đấu tranh chống áp bức. Năm 1940 đồng chí Đặng Nguyên Minh, một cán bộ người Dao đến thôn Núi Hồng tuyên truyền cách mạng. Từ đó cơ sở dần phát triển sang các xóm Khuổi Kịch, Khuổi Phát, Ngòi Nho, Lũng Tầu. Tháng 2 năm 1945 Việt Minh xã Tân Trào được thành lập.

Mùa hè năm 1945, tình hình thế giới và trong nước diễn biến mau lẹ, có lợi cho cách mạng, Chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 2 tháng 5 Hồng quân Liên xô tiến vào Béc Lin, đập tan sức kháng cự cuối cùng của phát xít Đức, sau đó tập trung mở mặt trận phía đông, giờ cáo chung của chủ nghĩa phát xít Nhật cũng đã điểm. Trong nước, phong trào kháng Nhật cứu nước dâng lên thành cao trào. Khởi nghĩa từng phần nổ ra ở nhiều địa phương.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chỉ thị cần tìm một địa

diểm làm trung tâm lãnh đạo cách mạng thay cho căn cứ địa Cao Bằng.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp và các đồng chí Phân khu uỷ Nguyễn Huệ đã chọn làng Kim Long (Tân Trào). Địa điểm này xét về thiên thời, địa lợi, nhân hòa đều đáp ứng. Về nhân hòa, cơ sở cách mạng trong vùng được xây dựng từ những năm 1939- 1941. Tháng 3 năm 1945, Phân khu uỷ Nguyễn Huệ lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giải phóng huyện lỵ Sơn Dương. Suốt một dải hữu ngạn sông Cầu từ Thái Nguyên đến Tuyên Quang do chính quyền cách mạng làm chủ. Về địa lợi, Tân Trào nằm ở triền tây núi Hồng, hình thế hiểm yếu, lại cách sông Phó Đáy khá xa, đú kín đáo, bảo đảm bí mật; tiến thoái công thủ đều dễ dàng. Từ đây có đường đi nhiều ngả: Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, thông về đồng bằng và Hà Nội, đi thị xã Tuyên Quang, tới Yên Bai, Nghĩa Lộ, Lào Cai, Hà Giang và các tỉnh Tây Bắc. Về thiên thời, trước tháng 5, Hồng quân Liên Xô chưa rành tay mở mặt trận phía đông đánh Nhật - là kẻ thù trực tiếp của cách mạng Việt Nam; tình thế cách mạng trong nước chưa đến đỉnh cao.

Ngày 4 tháng 5 năm 1945, hai ngày sau khi Hồng quân giải phóng Béc Lin, Bác Hồ cùng đoàn công tác rời Pác Bó, chuyển đến làng Kim Long xã Tân Trào

châu Tự Do tỉnh Tuyên Quang. Từ đây Tân Trào trở thành trung tâm cách mạng.

Tháng 6, hội nghị toàn khu quyết định Tân Trào là thủ đô khu Giải phóng.

Tân Trào có những di tích quan trọng sau:

### ***Đình Hồng Thái***

Đình Hồng Thái nguyên là đình làng Cả, được mang tên liệt sĩ Phạm Hồng Thái từ ngày cách mạng giành chính quyền. Đình nằm bên hữu ngạn sông Phó Đáy, hướng đông - nam, lấy núi Thia làm án, được cất dựng năm 1918. Làng ở phía sau đình. Đầu làng có giếng Ngọc, nước trong suốt, không bao giờ cạn. Trước mặt đình là cánh đồng rộng chạy dài đến chân núi Bòng. Con đường từ Tân Trào ngược thượng nguồn sông Đáy vượt qua đèo Chắn chạy qua một phía đầu đình.

Cấu trúc đình làng của người Tày tương đối giống đình của người Kinh nhưng qui mô thường nhỏ hơn, phần lớn lợp lá cọ. Điểm khác rõ nhất ở chỗ, nền đình làng của người Tày không lát gạch, nhưng lại có sàn gỗ cao gần khắp ba gian, mang đặc trưng kiến trúc nhà sàn. Cột, xà, đòn tay đều làm bằng gỗ tốt, đơn giản, ít chạm trổ.

Đình có 3 gian, 2 chái, gian giữa có câu đối nói về địa thế của đình:

*Đè giang tả bão linh nguyên hội*

*Ngọc tinh hữu triều thủy khí chung*

*(Sông Đáy vòng bên trái, nguồn linh thiêng tụ lại*

*Giếng Ngọc châu bên phải, khí đẹp chung đúc về)*

Ngôi đình này là nơi Bác Hồ dừng chân đầu tiên khi Người đến Tân Trào. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đi dón từ trước, lúc này về cùng với Bác. Các đồng chí Song Hào, Tạ Xuân Thu, Lê Trung Đình phụ trách Phân khu Nguyễn Huệ đón Bác ở đây. Đồng chí Song Hào kể trong hồi ký *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng*:

"Đi đầu đoàn người là một đồng chí đã có tuổi, mặc áo chàm, dáng người mảnh dẻ, khuôn mặt xương xương, nước da rám nắng, chòm râu đen nhánh, lưa thưa. Đồng chí bước thoăn thoắt, chiếc mũ dạ đen đội đầu, mảnh khăn mặt trắng vắt vai, tay cầm một chiếc gậy nhỏ. Mới thoát nom, chúng tôi có thể biết ngay: đó là Người - người mà chúng tôi đã từ lâu mong đợi.

Bác bước vào đình Hồng Thái nhìn bao quanh khung cảnh và các đồng chí xung quanh, vẻ rất hài lòng. Tất cả chúng tôi đều xúm xít lại. Bác bắt đầu câu chuyện bằng những lời thăm hỏi ân cần về sức khỏe chung của chúng tôi rồi hỏi Uỷ ban chầu về tình hình phong trào của địa phương".

Đình Hồng Thái cũng là nơi đón tiếp các đại biểu dự Quốc dân đại hội.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đình là trụ sở Ban bảo vệ A.T.K (An toàn khu). Mọi người muốn vào các cơ quan Trung ương công tác phải qua đây xuất trình giấy tờ, có chữ ký của đồng chí phụ trách thì mới được vào.

### *Lán Nà Nưa*

Lán ở chân núi Hồng, gần tràn ruộng có tên là Nà Nưa (tiếng Tày nghĩa là ruộng trên, sau nói chêch thành Nà Lừa), cách làng Tân Lập hơn 1 cây số về phía đông, dòng suối Khuôn Pén từ núi Khau Nhì chảy dưới chân núi. Từ đây có đường mòn qua đèo De đi chợ Chu (Thái Nguyên).

Về đến Tân Trào, Bác Hồ ở trong làng với gia đình ông Nguyễn Tiến Sự chừng hơn một tuần. Sau đó Bác chuyển lên lán Nà Nưa ở để giữ bí mật và tiện làm việc.

Căn lán nhỏ, cột làm bằng cây chôn xuống đất, rui mè bằng tre nứa, mái lợp lá gồi. Lán được ngăn thành hai nửa. Một nửa là chỗ Bác Hồ làm việc có đặt chiếc máy chữ (chiếc máy chữ lúc nào Bác cũng mang theo), một số sách báo và vài vật dụng khác. Một nửa là chỗ Bác nghỉ. Có một đồng chí phục vụ ở cùng với Bác. Xung quanh lán Bác ở có lán cảnh vệ, lán đặt điện đài...

Những văn kiện, chỉ thị, các chủ trương, kế hoạch được Bác Hồ khởi thảo từ căn lán này. Đó thực sự là đại bản doanh của vị Tổng tư lệnh chỉ huy cuộc tổng khởi nghĩa. Tại đây Bác Hồ đã triệu tập hội nghị cán bộ ngày 4-6-1945 quyết định thống nhất chiến khu thành *Khu giải phóng*, thống nhất các lực lượng vũ trang thành *Quân giải phóng*. Người còn đi bộ 10km đường rừng sang xã Minh Thanh chỉ đạo việc làm sân bay tiếp nhận viện trợ của Đồng Minh.

Trong thời gian này, giữa lúc công việc khẩn cấp, Bác Hồ bị mệt nặng. Các đồng chí phục vụ, bà con địa phương lo lắng thuốc men chăm sóc Bác. Có lúc yếu mệt quá Bác dặn lại đồng chí Võ Nguyên Giáp "*Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập*".

Bác viết thư kính cáo đồng bào toàn quốc cũng ở căn lán này. Từ đây Bác Hồ triệu tập và chủ trì Hội nghị toàn quốc của Đảng, chỉ đạo Quốc dân đại hội.

Tân Trào là Thủ đô xanh của cách mạng, lán Nà Nưa là "Phủ Chủ tịch bằng tre nứa".

### ***Địa điểm Hội nghị toàn quốc của Đảng***

Địa điểm họp Hội nghị toàn quốc của Đảng cách lán Nà Nưa không xa. Tình hình lúc đó, phát xít Đức

đã chính thức đầu hàng, Hồng quân Liên Xô đã đánh tan đạo quân Quan Đông chủ lực của phát xít Nhật. Bác Hồ và Trung ương cấp tốc triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng. Gần đủ đại biểu từ khắp Bắc, Trung, Nam dự họp, trong đó có các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Chí Thanh, Lê Đức Thọ, Hà Huy Giáp.

Hội nghị họp trong căn lán đơn sơ làm vội. Các đại biểu trải lá xuống đất ngồi. Khi thảo luận ngồi dưới gốc cây ngoài trời.

Hội nghị họp trong các ngày 13, 14, 15 tháng 8 năm 1945. Dù còn mệt Bác Hồ vẫn đến dự. Bác nói: "*Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới. Tích cực thì nắm thời cơ, không tích cực thì thời cơ không chờ mình*".

Một nghị quyết lịch sử, trọng đại đã ra đời trong hội nghị này đó là quyết định tổng khởi nghĩa. Cao trào khởi nghĩa từ Bắc chí Nam được phát động. Mục đích cuộc chiến đấu là giành độc lập hoàn toàn. Hội nghị quyết định đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại, quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và Chương trình Quốc dân đại hội.

### *Lán Đồng Minh*

Nhằm tranh thủ lực lượng Đồng Minh chống phát xít, Bác Hồ đã chỉ đạo việc liên lạc với Bộ tư lệnh quân

đội Mỹ tại Trung Quốc, với mong muốn phía Mỹ công nhận Mặt trận Việt Minh là đại diện chính thức của tổ chức ủng hộ Đồng Minh chống phát xít. Trong tình hình vì lợi ích của chính họ, người Mỹ đang tìm đối tác hợp lý để xâm nhập sâu vào Đông Dương. Xu thế gặp nhau giữa Mặt trận Việt Minh và Mỹ đến lúc có cơ hội.

Tháng 2 năm 1945, một máy bay Mỹ thuộc Sư đoàn không quân số 14 bị bắn rơi trên vùng trời bắc Việt Nam. Viên phi công là trung úy Sao được Việt Minh cứu đưa về căn cứ. Đầu tháng 3 năm 1945, Bác Hồ đi Côn Minh, trung úy Sao được phép đi cùng để trở về đơn vị. Tại Côn Minh, đã có những cuộc tiếp xúc giữa tướng Sê-nôn và sĩ quan cấp dưới với Hồ Chí Minh, người nhân danh Mặt trận Việt Minh bàn thảo kế hoạch hợp tác chống Nhật. Phía Mỹ cảm ơn Việt Minh đã cứu trung úy Sao, thông tin sẽ giúp Việt Minh bằng việc thả dù một số vũ khí hạng nhẹ, thuốc men, điện đài và cử hai nhân viên điện đài cùng đi với Hồ Chí Minh về Việt Nam.

Chỉ đạo chuẩn bị đón công tác của Mỹ, Bác Hồ nói: Mặc dù biết rõ ý đồ của Mỹ muốn thay chân Pháp độc chiếm khu vực Đông Dương song với tình hình hiện nay cần tranh thủ tạo thêm nhiều bạn đồng minh, dù đó là bạn đồng minh tạm thời, bấp bênh, ít đáng tin

cậy và có điều kiện. Họ là bạn, là khách, mình là chủ phải tỏ lòng hiếu khách, đối xử với họ sao cho lịch sự, chu đáo. Cần tỏ cho họ thấy rõ thiện chí của ta.

Ngày 16-7-1945 tổ tình báo mang mật danh "Con nai" gồm 6 người do thiếu tá Tô-mát chỉ huy nhảy dù xuống Tân Trào. Những người lính Đồng Minh được bố trí ở một căn lán khá rộng, cách nơi ở của Bác Hồ không xa. Họ lấy làm ngạc nhiên thấy Việt Minh tổ chức có trật tự, kỷ luật. Tổ tình báo giúp huấn luyện về báo vụ điện dài.

Theo thoả thuận, phía Mỹ sẽ chuyển đến thêm một nhóm quân nhân kỹ thuật và một số vũ khí hạng nhẹ. Để khắc phục khó khăn trong việc nhảy dù ở địa hình núi rừng, Bác Hồ đích thân chỉ đạo làm một sân bay dã chiến tại đồng Lũng Cò xã Thanh La huyện Sơn Dương. Đây chính là sân bay đầu tiên và duy nhất được xây dựng và vận hành trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám. Tuy nhiên phía Mỹ chỉ thực hiện được một chuyến hàng từ Côn Minh đến Khu Giải phóng của Việt Minh.

### ***Đình Tân Trào***

Đình Tân Trào chính là ngôi đình làng Kim Long. Đình hướng nam, nằm ở phía tây của làng, trên gò đất giữa cánh đồng. Dòng Khuôn Pén chảy qua trước đình, xa nữa là núi Au Rùn. Sau đình là núi Khau Tân um

tùm với dòng suối Khuổi Kịch trong mát ôm lấy làng Kim Long. Hai phía đông tây đồi núi giống như long phượng đứng chầu. Trong đình có câu đối:

- *Phượng xuất tây thiên triều quý địa*

*Long quý đông hải lập đình trung*

(Đằng tây phượng đứng chầu đất quý

Đằng đông rồng uốn khúc quay về đình).

Cảnh trí đẹp đẽ, thế đất lợi về quân sự:

- *Kim Long đất hiểm tứ bề*

*Kẻ địch muốn chết thì về Kim Long*

Đình Tân Trào được dựng năm Quý Hợi 1923, kiến trúc ba gian, thuần gỗ. Hai gian bên và nửa sau gian giữa có sàn ván cao 0,80m. Sàn cúng tế đặt trên cao, chia làm hai phần thượng cung và vọng cung. Nghệ thuật chạm trổ chỉ tập trung ở hương án đặt trước vọng cung.

Lễ tế đình, mở hội xuống đồng vào ngày 4 tháng giêng âm lịch, có nhiều trò chơi như tung còn, làm then, dạy học, bán thuốc.

Trước tình hình thế giới và trong nước chuyển biến mau lẹ, Bác Hồ giục phải chuẩn bị cho kịp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội đại biểu từ

tháng 7. Bác nói: "Có thể còn thiếu một số đại biểu nào đó chưa về kịp cũng họp. Nếu không thì không kịp với tình hình chung".

Ngày 16 tháng 8 năm 1945 trong không khí hết sức khẩn trương, hào hùng Quốc dân Đại hội đã khai mạc tại đình Tân Trào gồm hơn 60 đại biểu. Có đủ đại biểu khắp Bắc, Trung, Nam, đại biểu Việt kiều ở Thái Lan, Lào, đại biểu các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị. Các đại biểu đã phải vượt qua bao chặng đường vất vả gian nguy để đến được Tân Trào. Trong những ngày này đình được trang hoàng nổi bật. Đại hội họp ở gian bên trái, cờ đỏ treo ở chính giữa, phía trong kê một chiếc bàn dài làm bàn Chủ tịch đoàn. Ghế đại biểu làm bằng mai ghép lại. Gian giữa triển lãm sách báo cách mạng và các thứ vũ khí thu được trong những trận đánh Nhật. Gian bên phải làm nơi ăn uống. Dù khó khăn và gấp rút, đại hội vẫn có sự chuẩn bị chu đáo. Bác Hồ ân cần thăm hỏi sức khỏe từng đại biểu. Bác Hồ và các đồng chí Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng trong Chủ tịch đoàn. Đại hội thảo luận hai vấn đề trọng đại là tổng khởi nghĩa và bầu Ủy ban dân tộc giải phóng. Báo cáo chuyên đề về công nhân, nông dân và văn hóa do các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hoàng Đức Thịnh, Nguyễn Đình Thi đọc.

Đại hội thông qua 10 chính sách lớn của mặt trận Việt Minh, cũng là chính sách của nước Việt Nam mới. Đại hội quyết định toàn dân đứng lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Lệnh tổng khởi nghĩa được thông qua. Ủy ban dân tộc giải phóng được bầu ra bằng phiếu kín gồm 10 vị. Bác Hồ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban. Ủy ban sẽ được chuyển thành Chính phủ lâm thời khi cần thiết.

Đoàn đại biểu nhân dân xã Tân Trào đến chào mừng đại hội có cả các em nhỏ đi theo. Nhìn các em thân hình gầy guộc, Bác Hồ nói với các đại biểu: Tuổi này đáng lẽ các em được ăn no mặc lành, được vui chơi. Ở đây hàng ngày các em mới chỉ mười tuổi phải đi chăn trâu, lấy củi, cống nước. Nhiệm vụ của Ủy ban dân tộc giải phóng là làm sao giành được độc lập tự do cho cả nước, làm cho con em của chúng ta được ăn no, mặc lành và được đi học.

Câu nói của Bác đã gây xúc động sâu sắc trong lòng các đại biểu.

Sáng ngày 17 tháng 8, Ủy ban dân tộc giải phóng đã ra mắt quốc dân và làm lễ tuyên thệ. Bác Hồ thay mặt Ủy ban đọc lời tuyên thệ :

"... Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi

*nguyễn kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước. Xin thè”.*

Từ những sự kiện trọng đại ấy, đình Tân Trào mang giá trị lịch sử to lớn, được xếp trong những di tích quốc gia đặc biệt. Năm 1952, giữa lúc cuộc kháng chiến đang phải dốc sức cho các mặt trận, công việc tu sửa vẫn được tiến hành. Phát biểu tại buổi mừng hoàn thành sửa chữa đình Tân Trào, thay mặt Chính phủ và các đoàn thể trong Mặt trận Liên Việt, đồng chí Tôn Đức Thắng nói:

“Nhân dân toàn quốc nói đến Tân Trào ai cũng quí mến. Hồ Chủ tịch, Chính phủ, Đảng Lao động Việt Nam và Mặt trận Liên Việt rất chú ý đến Tân Trào. Cho nên theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch, Chính phủ và Mặt trận Liên Việt đã cử một số anh em công nhân dưới sự điều khiển của cán bộ Đảng Lao động Việt Nam đã hợp lực với nhân dân Tân Trào ta để sửa lại ngôi đình lịch sử này.

Hôm nay việc sửa chữa đình Tân Trào đã hoàn thành đó là điều vui mừng của nhân dân Tân Trào. Đồng thời cũng là điều vui mừng của Hồ Chủ tịch, của

Chính phủ, của Đảng Lao động Việt Nam, của Mặt trận Liên Việt và của anh em công nhân.

Tân Trào của ta là nơi lịch sử vang, chúng ta quyết giữ vang mãi mãi”.

Năm 1961 Bác Hồ trở lại thăm Tân Trào. Đinh Tân Trào lại một lần nữa được đón Bác. Cuộc mít tinh của nhân dân địa phương chào đón Bác Hồ được tổ chức trên cánh đồng. Từ chỗ máy bay đỡ Bác đi thẳng vào đình, rồi ra nói chuyện với nhân dân. Bác hỏi thăm tinh hình sản xuất, xây dựng cuộc sống mới ở quê hương Tân Trào. Người hỏi đồng chí cán bộ xã:

- Các gia đình đã vào hợp tác hết chưa?

Khi biết còn 5 hộ vì ở phân tán nên chưa vào, Bác nhắc phải lập tổ đổi công cho các gia đình ở xa đó. Sau cuộc mít tinh, Bác vào đình uống nước và nói chuyện với các đồng chí cán bộ địa phương bên chiếc bàn nhỏ kê trước hương án. Bác nghỉ trưa và ăn cơm ngay bên bờ Khuôn Pén trước cửa đình.

### **Cây đa Tân Trào**

Cây đa ở trước làng Tân Lập, cành lá xum xuê bóng rợp. Bên cạnh đó có cây si cành lá xanh tốt. Trên cành đa thấp thoáng nhiều cụm phong lan. Phong lan là loài hoa đẹp tao nhã, từng được Bác ưa thích.

Dưới bóng đa Tân Trào vào chiều ngày 16 tháng 8 năm 1945, một sự kiện hào hùng đã diễn ra: Thi hành mệnh lệnh của Uỷ ban khởi nghĩa, Quân Giải phóng đã cử hành lễ xuất quân.

Đoàn quân đứng thành hai hàng dọc từ cây đa đến cây si. Trước mặt là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh pháp phới. Các đại biểu dự Quốc dân Đại hội và nhân dân địa phương đến dự tiễn đưa bộ đội đi chiến đấu. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Uỷ ban khởi nghĩa đọc Quân lệnh số 1 và hạ lệnh xuất quân. Lễ xuất phát kết thúc, quân giải phóng rầm rập lên đường vượt Đèo De giải phóng tinh ly Thái Nguyên, để từ đó sẽ tiến về Hà Nội.

### *Ngôi nhà ông Nguyễn Tiến Sư*

Ngôi nhà của ông Nguyễn Tiến Sư ở làng Tân Lập, cách cây đa Tân Trào không xa, giống như những ngôi nhà sàn khác trong làng, cột gỗ, mái lá cọ. Ngôi nhà của ông Sư là nơi Bác Hồ đã ở những ngày đầu đặt chân đến Tân Trào. Khi đó ông Sư là Chủ nhiệm Việt Minh làng.

Hàng ngày Bác Hồ dậy từ lúc 5 giờ sáng, tập thể dục rồi vào bàn làm việc. Giờ nghỉ, Bác rất quan tâm thăm hỏi mọi người trong nhà, trong làng. Bác mua

bút, vở tặng con ông Sư, khuyến khích ông cho con đi học. Bác còn dành thì giờ đi thăm đồng, tự tay đắp bờ ruộng để giữ nước, nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Quân Giải phóng, với bà con, chị em phụ nữ.

Để tiện công việc, sau một tuần ở nhà ông Sư Bác Hồ dời lên lán Nà Lừa.

Ngôi nhà sàn của ông Nguyễn Tiến Sư hiện được bảo tồn là di tích lịch sử.

### **Xóm Khuổi Kịch**

Xóm nhỏ Khuổi Kịch hẻo lánh, dân cư thưa thớt, ở về phía đông bắc xã Tân Trào. Đây là xóm của đồng bào Dao, sinh sống phần lớn dựa vào nương rẫy. Tháng 2 năm 1944 cuộc họp cán bộ ở Khuổi Kịch phổ biến nghị quyết của Thường vụ Trung ương nhấn mạnh công tác xây dựng căn cứ địa và phát triển lực lượng vũ trang. Cuộc họp đi đến quyết định thành lập Trung đội Cứu quốc quân III. Ngày 25-2-1944 lễ thành lập Trung đội Cứu quốc quân III được tổ chức tại rừng Khuổi Kịch. Trung đội có 24 đội viên. Thay mặt Xứ ủy Bắc Kỳ, đồng chí Hoàng Quốc Việt giao nhiệm vụ và trao cho Trung đội lá cờ đỏ sao vàng.

Từ trung đội này phát triển lên trở thành lực lượng quan trọng của Quân Giải phóng, đánh tan các cuộc

vây quét của Nhật và thô phỉ, là nòng cốt trong cuộc khởi nghĩa ở địa phương.

Để kịp với thời cơ khởi nghĩa, theo chỉ thị của Bác Hồ phải khẩn trương mở trường đào tạo cán bộ. Thực hiện chỉ thị đó, Trường Quân chính kháng Nhật được thành lập tại Khuổi Kịch. Đồng chí Hoàng Văn Thái làm hiệu trưởng kiêm chính trị viên của trường. Chương trình huấn luyện khóa I có hai môn: chính trị và quân sự. Về chính trị gồm có chương trình Việt Minh, công tác chính trị trong quân đội cách mạng, kinh nghiệm công tác hoạt động quần chúng, điều lệ các đoàn thể cứu quốc, xây dựng Ủy ban nhân dân các cấp, công tác bí mật... Về quân sự: học tập điều lệnh đội ngũ, chiến thuật du kích, đánh mai phục, đánh úp...

Thời gian khóa học tuy ngắn, nhưng nhà trường đã đào tạo được lớp cán bộ kịp thời tóm về các địa phương chỉ huy các đơn vị vũ trang làm nòng cốt khởi nghĩa giành chính quyền. Trường Quân chính kháng Nhật là nơi đào tạo cán bộ đầu tiên của quân đội ta. Nhiều học viên của trường về sau trưởng thành là những cán bộ cao cấp trong quân đội.

### **Xóm Lũng Tẫu và xóm Đồng Man**

Xóm Lũng Tẫu ở về phía đông bắc xã Tân Trào, tản

ngạn sông Phó Đáy. Lũng Tầu là địa điểm đầu tiên Bác Hồ ở khi trở lại Tân Trào lãnh đạo cuộc kháng chiến. Bác Hồ ở Lũng Tầu lần thứ nhất từ nửa cuối tháng 9 đến giữa tháng 12 năm 1948. Tại đây Bác chủ trì ba phiên họp của Hội đồng Chính phủ, ban hành sắc lệnh tổ chức lại chính quyền nhân dân trong thời kỳ kháng chiến, viết bài "Chủ nghĩa cá nhân". Trong bài, Bác nêu lên những biểu hiện cụ thể, hậu quả nguy hại và cách tẩy sạch bệnh chủ nghĩa cá nhân.

Từ cuối tháng 1 đến đầu tháng 4 năm 1949, Bác Hồ đến làm việc lần thứ hai ở Lũng Tầu. Trong khoảng thời gian này Bác đến nói chuyện với Hội nghị cán bộ của Đảng. Bác nói: Mọi việc đều nhắm vào điểm làm cho kháng chiến thắng lợi.

Ngày 1 tháng 2 năm 1949 Bác ký sắc lệnh thành lập trường Cao đẳng Kỹ thuật đào tạo cán bộ các ngành công chính, hỏa xa, bưu điện, khoáng chất, kiến trúc, địa chính.

Đồng Man ở phía đông nam làng Tân Lập, gần Lũng Tầu. Đồng chí Trường Chinh và văn phòng Tổng Bí thư làm việc tại Đồng Man trong hai năm 1948 - 1949. Cũng thời gian này, đồng chí Tôn Đức Thắng, quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Trưởng ban Thi đua

ái quốc Trung ương và đồng chí Hoàng Quốc Việt làm việc tại Đồng Man.

### ***Hang Bòng***

Núi Bòng nằm về phía tây xã Tân Trào, là núi đá vôi, cao chừng 200m. Hang Bòng nằm gần sát chân núi, cách sông Phó Đáy khoảng 300m. Hang không rộng lăm, trần cao, thoáng đãng, cửa hướng đông, nhìn ra cánh đồng thôn Bòng và sông Phó Đáy. Trước hang không xa, giáp chân núi có giếng nước. Vị trí của hang Bòng nhiều thuận tiện, từ đây có thể quan sát tầm xa, kín đáo nhưng không quá khuất. Câu thơ: “*Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang*”, chính là nói về cảnh hang Bòng. Vì những lẽ đó mà Bác Hồ ở đây tới ba lần. Lần thứ nhất, từ giữa tháng 10 năm 1949 đến đầu tháng 9 năm 1950. Tại đây, ngày 4 tháng 11 năm 1949, Bác Hồ ký Sắc lệnh số 126, đặt nghĩa vụ quân sự. Sắc lệnh quy định tất cả công dân nam từ 18 đến 45 tuổi phải có 2 năm tại ngũ. Khi có chiến tranh thời gian tại ngũ có thể kéo dài đến lúc kết thúc. Tháng 1 năm 1950 từ Tân Trào, Bác Hồ sang Liên Xô theo lời mời của Ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô. Sau chuyến đi này quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô được thiết lập. Ngày 12 tháng 2 năm 1950 Bác

Hồ ký Sắc lệnh Tổng động viên, nhằm huy động tất cả nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến; thực hiện khẩu hiệu: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Trong tháng 6 năm 1950, Người chủ trì Hội nghị Trung ương quyết định mở Chiến dịch Biên Giới.

Ngày 1 tháng 9 năm 1950, từ hang Bòng Bác Hồ lên đường đi chỉ đạo Chiến dịch Biên Giới. Bác căn dặn những cán bộ cùng đi: Chuyến đi này rất quan trọng, thời gian không thể định trước, đường đi khá vất vả, phải tuyệt đối giữ bí mật.

Lần thứ hai Bác Hồ ở hang Bòng, từ ngày 10 tháng 10 năm 1950 đến ngày 4 tháng 2 năm 1951. Sau chiến dịch Biên Giới thắng lợi, Bác Hồ trở lại hang Bòng. Bác chỉ đạo tiếp tục tổng kết Chiến dịch. Cuối tháng 12 năm 1950, Bác đi thăm Chính phủ kháng chiến Lào ở thôn Đá Bàn xã Mỹ Bằng huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang. Những áng thơ động viên cuộc kháng chiến như *Chúc mừng năm mới* (1950), *Sáu mươi tuổi*, *Lên núi, Đồi trăng*, *Nhớ chiến sỹ*, *Không đè*... Bác viết vào khoảng thời gian này.

Lần thứ ba Bác ở hang Bòng, từ cuối tháng 3 năm 1951 đến cuối tháng 12 năm 1952, cộng gần 2 năm. Ngày 6 tháng 5 năm 1951 Bác Hồ ký Sắc lệnh thành

lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 4 năm 1952, Bác chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ ba (khóa II). Người phân tích tình hình thế giới, trong nước và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Ngày 9 tháng 9 năm 1952 Bác Hồ nói chuyện tại Hội nghị chuẩn bị Chiến dịch Tây Bắc. Bác nói, mục đích của Chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng dân, mở rộng vùng tự do. Trong tháng 12 năm 1952, tại hang Bòng Bác Hồ chủ trì phiên họp Hội đồng Chính phủ.

Hang Bòng là địa điểm Bác Hồ ở trong thời gian khá dài, gần như là dài nhất so với các địa điểm khác trong thời kỳ kháng chiến.

### ***Khâu Lầu***

Khâu Lầu tiếp giáp giữa Tân Trào và Bình Yên, cũng tựa vào núi Bòng. Vực Hồ liền kề Khâu Lầu, nằm bên hữu ngạn sông Phó Đáy. Khâu Lầu là địa điểm thứ hai của Tân Trào được Bác Hồ ở nhiều lần.

Lần thứ nhất từ ngày 6 tháng 4 đến 12 tháng 5 năm 1949. Ngày 7 tháng 4 năm 1949, Bác Hồ ký Sắc lệnh thành lập Bộ đội địa phương; cụ thể hoá đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng.

Lần thứ hai từ ngày 1 tháng 6 đến ngày 16 tháng 10

năm 1949. Ngày 14 tháng 7 năm 1949, Bác Hồ ký Sắc lệnh giảm tô 25%. Ngày 18 tháng 9 năm 1949, từ Khâu Lầu Bác Hồ xuôi dòng Phó Đáy về huyện lỵ Sơn Dương nói chuyện với lớp tập huấn cán bộ. Trong chuyến đi này Bác viết bài thơ *Đi thuyền trên sông Đáy*.

Bác Hồ ở hang Bòng và Khâu Lầu thời gian xen nhau, từ tháng 4 năm 1949 đến hết năm 1952. Khoảng thời gian nói trên, Bác Hồ nhiều lần đi công tác rồi lại trở về một trong hai địa điểm này. Bức ảnh Bác Hồ đang ngồi câu chính là được chụp tại Vực Hồ.

### *Núi Thia nơi đồng chí Phạm Văn Đồng ở và làm việc*

Núi Thia ở gần xóm Thia. Cuối xóm có con ngòi đổ ra sông Phó Đáy, cũng gọi là Ngòi Thia. “*Ngòi Thia sông Đáy suối Lê voi đây*” trong thơ Tố Hữu là những địa danh này. Đồng chí Phạm Văn Đồng ở núi Thia trong khoảng từ năm 1951 đến đầu năm 1953, trên cương vị Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng quốc phòng.

Năm 2006 di tích Núi Thia được tôn tạo, phục dựng căn lán kiểu nhà sàn hai gian hai chái có cầu thang lên nhà và cầu thang vào hang đá nơi chân núi.

\*

\* \* \*

Trên đất Tân Trào có nhiều cơ quan đặt trụ sở: Mặt trận Việt Minh; Cơ quan Thi đua ái quốc; một bộ phận Văn phòng Chủ tịch phủ, Thủ tướng phủ; Cơ quan chuyên gia Trung Quốc; Phòng Miền - Lào; Nhà xuất bản Sự thật; Ban Nghiên cứu Văn - Sử - Địa; Kho vàng, bạc của Chính phủ; Trạm thông tin vô tuyến; Trạm thông tin hữu tuyến; Toà soạn báo Cứu Quốc; Bộ Nội vụ; Văn phòng Trung ương Đảng.

Khu di tích Tân Trào được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 09 ngày 21-2-1975 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Để giới thiệu những hiện vật, tài liệu về những sự kiện lịch sử quan trọng đã diễn ra ở Tân Trào, năm 1970, Bảo tàng Tân Trào được xây dựng. Kiến trúc Bảo tàng gợi dáng nhà sàn, đặc điểm kiến trúc của đồng bào địa phương.

---

## ĐÈO CHĂN

### TRẬN CHIẾN ĐẤU ĐÁNH QUÝ GIẶC NHẬT

Năm trên con đường từ Tân Trào đi Minh  
Thanh hiện nay, Đèo Chăn cách huyện lỵ Sơn Dương  
15km. Thời đó từ huyện lỵ phải đi qua Thanh La mới  
đến Tân Trào.

Từ tháng 5-1945 Bác Hồ về Tân Trào, Khu Giải phóng được thành lập. Hòn dập tắt phong trào cách mạng mà lúc đó Tân trào là trung tâm, cuối tháng 5-1945, phát xít Nhật tập trung một lực lượng lớn mở cuộc hành quân tấn công vào Khu Giải phóng. Ngày 25-7-1945, địch qua bến Bình Ca. Lực lượng của chúng gồm 500 binh lính, sĩ quan, với đầy đủ cả xe cộ, lừa ngựa. Thời điểm ấy các đơn vị chủ lực của ta đã tung đi các ngả chuẩn bị khởi nghĩa. Ở trung tâm khu căn cứ chỉ còn một đơn vị do đồng chí Trần Thế

Môn phụ trách. Khi được tin địch tấn công, các đồng chí rất lo lắng cho việc bảo vệ an toàn cơ quan chỉ đạo, bảo vệ Bác Hồ. Các đồng chí đề nghị Bác chuyển sâu vào trong núi. Phân tích tình hình, Bác chỉ thi: "*Địch không thể vào được nếu ta quyết tâm chiến đấu và biết tổ chức đánh chặn chúng lại, mặc dù lực lượng ta rất nhỏ*". Bác quyết định không chuyển cơ quan nhưng Người vẫn bảo các đồng chí chuẩn bị sẵn sàng coi như một đợt thực tập. Nhận chỉ thi của Bác, các chiến sĩ ta hạ quyết tâm chiến đấu thắng lợi để bảo vệ Khu Giải phóng, bảo vệ Bác. Đồng chí Song Hào thảo luận cùng đồng chí Trần Thế Môn chia làm hai cánh quân nhanh chóng tiến ra phục kích ở Đèo Chắn, con đường duy nhất nếu địch muốn vào Tân Trào tất phải đi qua.

Quân Nhật tiến qua các xóm bản của Thanh La không một bóng người. Lúc đầu địch còn dè dặt, về sau không còn duy trì được đội hình, có những toán vào bản cướp bóc. Kiên trì và bình tĩnh đợi cho đại bộ phận quân địch lọt vào trận địa mai phục, bấy giờ ta mới nổ súng. Bị đánh bất ngờ, binh lính Nhật hoảng hốt đạp lên nhau mà chạy. Ngay sau loạt đầu, hàng chục tên đã đèn tội.

Dần dần địch phát hiện lực lượng của ta rất mỏng,

chúng ra sức xối đạn vào hai bên bìa rừng. Có lúc hỏa lực của địch áp đảo hỏa lực của ta. Tuy vậy các chiến sĩ Quân Giải phóng gan dạ lợi dụng mỏm đá, thân cây, những vật che đỡ chắc chắn bền bỉ chiến đấu. Đang lúc cuộc chiến đấu đến phút căng thẳng nhất thì đột nhiên nổi lên những loạt đạn bắn tạt sườn. Quân Nhật bối rối, ngờ rằng lúc đó chủ lực của ta mới tham chiến. Đó là một tiểu đội hoạt động ở gần nghe tiếng súng biết địch vào căn cứ liền cấp tốc quay về cứu viện. Trận đánh trở nên quyết liệt hơn. Bị đòn đau, địch vội vàng thu nhặt những tên bị thương, đốt xác những tên chết rồi hất tấp chia làm hai cánh rút chạy: Bọn có lừa, ngựa, xe cộ rút theo đường 13A sang Thái Nguyên; số còn lại rút qua làng Nhà xã Kim Quan huyện Yên Sơn theo đường núi quay lại thị xã Tuyên Quang.

## LÀNG SẢO VÀ NGÀY ĐẦU BÁC HỒ LÊN VIỆT BẮC

Làng São xã Hợp Thành huyện Sơn Dương nằm bên trái Quốc lộ 37 theo hướng Tuyên Quang - Thái Nguyên. Vùng này núi cao rừng rậm, có nhiều đường mòn, lối nhỏ đi lại trong cả An toàn khu. Bác Hồ đến làng São đêm mùng 2 tháng 4 năm 1947. Đồng chí Chu Quý Lương, Bí thư huyện ủy giao nhiệm vụ cho các đồng chí Ma Văn Thư Chủ tịch xã, Ma Văn Hạ Phó Chủ tịch và Lương Văn Cảnh, La Văn Mạn, Ma Kim Ngọc đi đón Bác Hồ từ đồn Đăng Châu về ở nhà ông Ma Văn Hiến. Ở nhà ông Ma Văn Hiến một thời gian, để tiện công việc và giữ bí mật Bác Hồ chuyển vào căn lán nhỏ tại đòng Cù Đại sát núi Lim. Gần nơi Bác Hồ ở có trụ sở Phủ Thủ tướng, trụ sở Bộ Tài chính và nơi ở của đồng chí Bộ trưởng Lê Văn Hiến.

Từ ngày 3 đến 6 tháng 4 năm 1947, Bác Hồ chủ trì Hội nghị Trung ương cụ thể hoá đường lối kháng chiến và rút kinh nghiệm những tháng đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Ngày 25 tháng 5 Bác Hồ khai mạc Hội nghị Dân quân du kích toàn quốc nhằm đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích trong cả nước. Ngày 27 tháng 5, Người gửi thư cho hội nghị, đánh giá cao vai trò của dân quân tự vệ và du kích: “Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch hung bạo thế nào, hễ dụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì kẻ địch nào cũng phải tan rã”.

Cuối tháng 10 năm 1947, Bác Hồ chủ trì hội nghị bí mật của Trung ương gọi là Hội nghị Thanh Sơn ra chỉ thị phá tan cuộc tấn công của Pháp lên Việt Bắc thu đông 1947.

Cũng tại làng Sảo còn một số cơ quan đặt trụ sở làm việc như Bộ Tư pháp, Kho Ngân khố Quốc gia, Báo Cứu quốc.

Di tích làng Sảo được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 06, ngày 14-3-2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## BÌNH CA

Bến Bình Ca trước đây nằm trên Quốc lộ 37 nối Tuyên Quang với Thái Nguyên về phía đông, với Yên Bái về phía tây. Dòng sông Lô chảy đến đây do gập dài núi bên bờ tả nên uốn khúc sang phía hữu ngạn. Tả ngạn núi cao chất ngất, dốc đứng như thành, là địa phận xã Vĩnh Lợi huyện Sơn Dương. Hữu ngạn bờ bắc phẳng, là đất xã An Khang huyện Yên Sơn. Do vị trí đặc biệt, địa hình sông núi hiểm trở, Bình Ca trở thành nơi chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử.

### *Cửa ngõ chiến khu*

Từ mùa hạ năm 1945, Khu Giải phóng được thành lập, sông Lô trở thành ranh giới tạm thời giữa vùng giải phóng và vùng còn nằm dưới ách thống trị của Nhật. Bình Ca là bến chính, trở thành cửa ngõ của chiến khu.

Tháng 8-1945, giặc Nhật âm mưu mở một cuộc càn quét vào căn cứ địa hòng đánh phá lực lượng cách

mạng. Đây là cuộc càn lớn lần thứ hai (lần thứ nhất chúng tiến hành vào tháng 5-1945 với lực lượng 500 quân, bị đánh bại ở Đèo Chắn - trung tâm căn cứ). Biết rõ kế hoạch của địch, lực lượng Giải phóng quân, tự vệ và nhân dân các xã gần khu vực bến Bình Ca đã phá huỷ hết thuyền phà, phần còn lại cất giấu, sơ tán, thực hiện bến vắng nhà không. Một mặt tổ chức tập kích tiêu hao lực lượng địch khiến cho chúng không thực hiện được âm mưu đánh phá Khu Giải phóng. Cũng từ trận thất bại ấy, giặc Nhật không gượng dậy nổi để tổ chức một đợt tấn công nào nữa.

### ***Chiến thắng mở màn mặt trận sông Lô***

Trong Chiến dịch Việt Bắc, ngày 9-10-1947, binh đoàn Com-muy-nan từ Hà Nội theo sông Hồng, sông Lô ngược lên hình thành gọng kìm phía tây.

Các đồng chí Trần Tử Bình và Lê Thiết Hùng được phân công chỉ huy mặt trận hướng tây. Một tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn Hà Tuyên do đồng chí Lê Thuỷ chỉ huy có nhiệm vụ bám sát binh đoàn Com-muy-nan để tác chiến. Bộ Tổng chỉ huy điện cho Khu 10 tích cực đánh địch trên đường sông, đồng thời điều tiếp Tiểu đoàn 42 về Bình Ca kiêm quyết bảo vệ cửa ngõ phía tây của Việt Bắc, cũng là cửa An toàn khu. Tiểu đoàn do đồng chí Vũ Phương làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Hồng Cư làm chính trị viên. Tiểu đoàn nhận được mệnh

lệnh viết tay của đồng chí Tổng tư lệnh: “Tiểu đoàn 42 sống chết với con đường Bình Ca - Thái Nguyên.”

Trước trận Bình Ca, bộ đội ta đã đánh các trận Phan Dư, Ngọc Chúc, do thiên về đánh tập trung nên hiệu quả thấp. Lần này bộ đội ta bố trí đơn vị nhỏ, đánh địch ở nơi có địa hình hiểm trở. Thê đội xung trận là Tiểu đội 3 của Trung đội 12, Đại đội 4. Tổ badôca của Tiểu đội có 5 chiến sĩ, do trung đội trưởng Vũ Phương chỉ huy; tổ súng trường có 6 chiến sĩ do tiểu đội phó Kim phụ trách. Chiều ngày 12-10-1947, dài quan sát đặt cạnh một đèn thờ nhỏ báo tàu địch đã xuất hiện. Khi đoàn tàu địch đến gần, badôca bắn hai phát nhưng không trúng. Những tên lính đứng trên boong tàu bị tổ súng trường bắn dồn dập, nhiều tên trúng đạn gục xuống sàn tàu. Dịch tập trung hỏa lực bắn lên đồi làm cây cối gãy đổ ngổn ngang. Nhờ có công sự vững chắc, bố trí phân tán nên bộ đội ta không có thương vong.

Rút kinh nghiệm hai lần bắn trượt, các xạ thủ bình tĩnh chỉnh lại súng. Khi chiếc tàu đi đầu của tốp thứ hai vừa tới, liền bị quả đạn badôca thứ ba bắn trúng, bốc cháy. Vị trí đặt badôca đã bị lộ, trung đội trưởng Vũ Phương hạ lệnh rút về chân núi Thành Vại. Ở đó hai tiểu đội chưa tác chiến đã chuẩn bị công sự, gài bom mìn sẵn sàng đợi địch. Mìn vừa chôn ở chân vách núi, vừa gài, buộc vào cành cây rủ xuống mặt đường. Có tất

cả hai chục quả mìn dưa và bom 5 ki lô gam được ngụy trang khéo léo, địch không thể phát hiện.

Sáng ngày 13-10, quân địch tiến về hướng Chợ Xoan, chính là con đường vào An toàn khu. Chúng cho một tiểu đội lính da đen đi trước dò đường. Chờ cho chúng lọt hẳn vào trận địa, bộ đội ta đồng loạt giật bom, ném lựu đạn và nổ súng. Trung đội trưởng Vũ Phương dẫn đầu trung đội từ trên vách núi nhảy bổ xuống đầu quân địch. Ngay phút đầu tiên Vũ Phương đã diệt tên sĩ quan chỉ huy, tước súng. Cả đơn vị nhất loạt ào xuống đánh địch bằng mǎ tấu, giáo búp đa. Bị đòn bất ngờ, địch không kịp trở tay, một số tên bị diệt tại trận, số thương vong kêu la inh ỏi; những tên còn lại dạt sang phía bên kia đường vừa bắn trả vừa khiêng nhau rút xuống tàu, bỏ lại trận địa 1 khẩu trung liên bờ ren nô, 2 khẩu các bin Mỹ và một số quân dụng. Bộ đội ta chỉ có một chiến sĩ bị thương.

Trận đánh giáp lá cà, táo bạo dũng mãnh, khiến quân địch hết sức hoảng loạn. Tuy vậy sinh lực địch bị diệt chưa nhiều vì có tới gần nửa số bom, mìn, lựu đạn không nổ. Trận Bình Ca có ý nghĩa rất lớn. Bộ đội ta đã chặn đứng ý đồ đánh vào An toàn khu của địch. Cơ quan đầu não kháng chiến, tiềm lực quân sự, căn cứ địa hậu phương được bảo vệ an toàn. Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp biểu dương và tặng thưởng cho Tiểu

đoàn 42 lá cờ thêu dòng chữ: "Trận Bình Ca, Tiểu đoàn 42 đã đánh lui một trận đổ bộ của giặc, xung phong cướp súng, bắn chìm pháo thuyền, ghi một chiến công đầu tiên mở đầu cho những chiến công rực rỡ khác trên sông Lô".

Từ đó Tiểu đoàn 42 mang tên Tiểu đoàn Bình Ca. Hai năm sau Tiểu đoàn Bình Ca trong biên chế của Trung đoàn Thủ Đô là một trong những đơn vị nòng cốt để thành lập Đại đoàn Quân Tiên phong - đại đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

### *Chiến thắng Bình Ca lần thứ hai*

Trong kế hoạch Lêa, ngày 13-10-1947 hai cánh quân Pháp sẽ gặp nhau ở Bản Thi (huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn) nhưng ngày 13 cánh quân phía tây mới đến Tuyên Quang. Dọc đường lên Chiêm Hoá chúng luôn vấp phải các trận phục kích. Tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn Hà Tuyên do đồng chí Lê Thùy chỉ huy liên tiếp tập kích khiến địch phải tiến một cách dè dặt. Ngày 26 tháng 10 quân của Com-muy-nan bị đánh ở Bản Heng phải rút về thị trấn Vĩnh Lộc huyện Chiêm Hoá; cánh quân phía đông cũng quay lại Chợ Đồn (Bắc Kạn). Cuộc hội quân của hai binh đoàn địch ở hợp điểm Bản Thi đã không thể thực hiện.

Cuối tháng 10, cả hai gọng kìm của địch bắt đầu co

lại. Phía tây, Com-muy-nan rút khỏi Chiêm Hoá. Đầu tháng 11-1947 nhằm hỗ trợ cho lực lượng từ Chiêm Hoá rút về thị xã Tuyên Quang, từng đoàn tàu, xuồng của địch liên tục ngược xuôi trên sông Gâm, sông Lô nghi binh. Mặt khác địch tăng quân từ Việt Trì đánh lên Đoan Hùng nhằm kéo giãn lực lượng của ta. Ngày 3-11-1947, từ thị xã Tuyên Quang, địch dùng 2 ca nô chở gần 200 quân xuôi dòng sông Lô đổ bộ lên bến Bình Ca, mở một mũi tiến công vào vùng Sơn Dương, hòng thu hút bộ đội chủ lực kháng chiến. Một tiểu đoàn Vệ quốc quân do đồng chí Trường Minh chỉ huy phối hợp với dân quân du kích hai huyện Yên Sơn và Sơn Dương tổ chức trận địa trên đường vào Chợ Xoan. Tận dụng yếu tố bất ngờ, ta đέ chúng lọt hẳn vào trận địa phục kích mới nổ súng. Địch chống trả quyết liệt, bởi chúng biết phía trước chính là đường rút lui. Trong khi đó ta quyết tâm đánh bật địch trở lại.

Kết quả, địch thiệt hại hơn 100 tên, bỏ lại nhiều vũ khí đạn dược, buộc phải quay lại Bình Ca, xuống tàu rút về thị xã Tuyên Quang.

### *Chiến công đầu đánh thắng không quân Mỹ*

Mùa hè năm 1965, đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại bằng không quân đến Tuyên Quang. Ngày 20 tháng 7 năm 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị Chính trị đặc biệt và ra lời kêu gọi

toàn dân. Hướng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, quân dân Tuyên Quang đã lập chiến công đầu bắn rơi máy bay Mỹ trên bầu trời quê hương. Bộ đội tên lửa, được sự phối hợp chặt chẽ của dân quân tự vệ và nhân dân giữ bí mật trận địa che mắt được cả thiết bị điện tử của địch. Khi máy bay vào tầm bắn hiệu quả của tên lửa, băng một quả đạn trúng đích, máy bay bốc cháy, xác rơi tại dốc Thiều thuộc địa phận xã An Khang huyện Yên Sơn, kè bến Bình Ca. Lần đầu tiên máy bay trinh sát điện tử vũ trang RB-66, loại hiện đại nhất của Mỹ vào thời điểm đó bị bắn hạ.

Bến Bình Ca cũng là một trọng điểm giao thông, máy bay Mỹ thường xuyên đánh phá. Công nhân bến phà Bình Ca dũng cảm bám bến, bám phà, vượt bom đạn đưa phà qua sông. Đã có không ít công nhân hi sinh để mạch máu giao thông được giữ vững.

Di tích Bình Ca được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 2890, ngày 27-9-1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, bia chiến thắng Bình Ca đã được xây dựng sát trên trận địa pháo năm xưa.

# CẦU CẨ VÀ NHỮNG TRẬN ĐÁNH QUÂN XÂM LUỢC NHẬT, PHÁP

Cầu Cả thuộc xã Yên Nguyên huyện Chiêm Hóa, nằm trên đường DT 176, cách thị xã Tuyên Quang 50km. Đầu cầu phía nam, một bên đường là núi Thẳm Hé, một bên là suối Yên Nguyên, hai bờ rậm rạp, địa hình thuận lợi cho những trận mai phục.

## *Ba trận đánh Nhật liên tiếp*

Từ tháng 4 năm 1945 huyện lỵ Chiêm Hóa đã được giải phóng, Ủy ban nhân dân Cách mạng châu Khánh Thiện được thành lập, vùng giải phóng được mở rộng. Đầu tháng 6 quân Nhật mở nhiều đợt tấn công lên Chiêm Hóa. Chúng dùng một cánh quân từ Chợ Đồn (Bắc Kạn) đánh xuống, một cánh quân từ Tuyên Quang đánh lên, bao vây càn quét vùng giải phóng.

Đại đội chủ lực Giải phóng quân của tỉnh được điều đến Yên Nguyên đánh địch.

Trận thứ nhất diễn ra vào ngày 6-6-1945. Trận địa bố trí đầu cầu phía nam, Trung đội 2 làm chủ lực, Trung đội 1, Trung đội 4 yểm trợ. Sau hai ngày phục kích, khoảng 9 giờ ngày 6-6-1945 địch lọt vào trận địa. Khẩu tiêu liên duy nhất của ta phát hỏa, toàn Trung đội nổ súng. Hai tên giữ súng máy của địch bị tiêu diệt ngay từ loạt đạn đầu. Địch kháng cự mạnh. Các chiến sĩ ta tản ra các hẻm núi, tiếp tục bắn tỉa. Đến trưa, cuộc chiến đấu kết thúc. Địch chết khoảng 30 tên, chúng quay lại đóng quân ở Chợ Bợ.

Chưa chịu từ bỏ âm mưu, ngày 16-6-1945 địch lại tấn công lên Chiêm Hóa. Lần này ta bố trí trận địa cả hai đầu cầu. Trung đội 2 phục kích phía nam, Trung đội 4 phục kích phía bắc. Địch hành quân thận trọng, đề phòng. Đến gần cầu chúng bỏ đường, lội suối. Khi sang đầu cầu phía bắc, chúng rơi vào ô phục kích của Trung đội 4. Bộ đội ta xông ra giáp chiến. Địch vừa đánh trả vừa rút lên Chiêm Hóa. Trận này ta tiêu diệt được 30 tên địch.

Trận thứ ba diễn ra ngày 24-6-1945. Quân Nhật lên đến Chiêm Hóa, được tin cánh quân Chợ Chu bị đánh ở Đàm Hồng nên rất hoang mang. Ta chủ trương chặn

dánh tiêu diệt sinh lực địch. Ba trung đội chủ lực, tự vệ các xã Yên Nguyên, Hòa Phú, Vinh Quang phối hợp chặn địch.

Trung đội 1 phục kích đầu cầu phía bắc, nổ súng tấn công khoảng 20 phút thì một tiểu đội lui vào chân núi nhử địch. Chúng đuổi theo, liền bị hai tiểu đội đánh phía sau. Địch phải rút về phía cầu. Chúng liên tiếp bị Trung đội 4 và Trung đội 2 tập kích. Đến trưa trận đánh kết thúc, địch chết 50 tên, trong đó có 1 tên quan hai.

Ba trận đánh Nhật ở Cầu Cả liên tiếp trong tháng 6 đã tiêu diệt hơn 100 tên, bảo vệ an toàn vùng giải phóng Chiêm Hóa.

### *Chiến thắng quân Pháp*

Trong Chiến dịch Việt Bắc năm 1947, Bình đoàn Com-muy-nan của địch theo đường sông Lô hình thành gọng kìm phía tây. Bình đoàn này đánh lên Chiêm Hóa bằng cả hai đường thủy bộ. Đường bộ do thiếu tá Lơ Giốt chỉ huy. Bình đoàn Com-muy-nan, sau nhiều lần bị chặn đánh, lên được Chiêm Hóa nhưng đã bị thiệt hại nhiều và không thể gặp được binh đoàn Bô-phơ-rê từ gọng kim phía đông.

Nhận định địch sẽ phải rút quân, Tiểu đoàn 718 Trung đoàn Hà Tuyên (còn có tên là Trung đoàn 112) được điều động phục kích ở khu vực Cầu Cả. Trận địa

bố trí trên chiều dài hơn 1 km, có lực lượng du kích địa phương phối hợp.

Chiều 5-11-1947, quân địch đến vị trí trận địa, đại đội làm nhiệm vụ khóa đuôi dùng trung liên bắn vào đội hình đi cuối dồn chúng về phía cầu để hai đại đội còn lại tập kích. Quân địch bị bất ngờ, khá lâu mới bắn trả được.

Sau hai giờ chiến đấu, gần 100 tên địch bị tiêu diệt, bộ đội ta rút về nơi an toàn vì đã không còn đủ đạn được. Địch trú quân tại chỗ, hôm sau chúng rút về Tuyên Quang băng hai đường thủy bộ.

Chiến thắng Cầu Cả góp phần đánh tan cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, bảo vệ căn cứ địa kháng chiến.

Di tích Cầu Cả được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 04, ngày 19-1-2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## CÂY SỐ BẨY TRẬN ĐỊA LÔI VANG DỘI

Trong Chiến dịch Việt Bắc năm 1947, ngày 13-10-1947, sau khi cho máy bay ném bom và bắn phá dữ dội, quân Pháp vào thị xã Tuyên Quang. Chúng hết sức lo lắng trước một thị xã đã triệt để tiêu thổ và dày đặc chướng ngại vật. Ngày 17-10, đơn vị cuối cùng của địch mới đến thị xã Tuyên Quang.

Từ thị xã Tuyên Quang, quân Pháp rục rịch tiến lên Chiêm Hóa theo đường bộ. Đội tự vệ Thành Tuyên phối hợp với bộ đội chủ lực bố trí trận phục kích tại km 6,5 đường Tuyên Quang - Hà Giang.

Quãng đường này không dốc lấp. Hai bên đường là rừng cây rậm rạp. Thực hiện tiêu thổ kháng chiến, dọc Quốc lộ 2 đường sá đã bị xe hổ ngang, dọc, cầu cống bị phá đổ.

Các chiến sĩ tự vệ bí mật chôn địa lôi tự tạo từ những trái bom cảm biến được của địch. Tại các hầm trú ẩn cho người giật địa lôi có các tay súng bộ binh bảo vệ. Bốn quả địa lôi chôn trên mặt đường số 2, một quả chôn trên đường mòn rẽ đi Hoàng Pháp để phòng địch không đi trên đường lớn. Ven đường, một bên rải mìn, một bên bộ đội chủ lực phục kích.

Sáng ngày 22-10-1947, quân Pháp gồm 1 tiểu đoàn do Lơ-giốt chỉ huy, khoảng 500 quân với xe pháo có lửa, ngựa kéo xuất phát từ thị xã Tuyên Quang theo Quốc lộ 2 hành quân lên Chiêm Hóa. Đến gần cây số 7, gập cây cầu bị phá sập, địch buộc phải dừng lại, dùng gỗ bắc cầu tạm. Cầu bắc vội nên yếu và hẹp. Quân địch qua cầu rất chậm. Những đại đội phía sau dồn lên phá vỡ đội hình. Giữa lúc ấy súng lệnh vang lên, lập tức kéo theo 3 tiếng nổ rung chuyển rừng núi. Các cỡ súng của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương cùng dân quân du kích nhất loạt nhả đạn. Những tên sống sót chạy tán loạn giẫm đạp lên nhau.

Sau một hồi hoảng hốt, địch định thần lại, điều vội đại đội trợ chiến đặt súng bắn trả vào trận địa ta để yểm trợ rút lui.

Trong lúc đó bộ đội, tự vệ đã rút lui an toàn. Phán đoán địch chưa thể hành quân tiếp, tiểu đoàn 505 lập

tức bố trí chặn đánh địch tại km5, tiêu diệt thêm mấy chục tên địch.

Tại trận địa lôi km7 binh lực địch bị thiệt hại lớn nhất, chết 72 tên, bị thương 30 tên. Chúng gọi đó là "Tiếng nổ của hỏa ngục". Sau trận này tinh thần binh lính Pháp nao núng. Tên đại úy Săng-tuýt viết:

"Tôi xin báo cáo về trận đánh của bọn Việt Minh ngày 22-10-1947, đại đội của tôi có 70 người chết và bị thương (có danh sách kèm theo)... Các trung đội chỉ còn từ 18 đến 20 người. Nay giờ cần tổ chức lại vì hạ sĩ quan tử trận quá nhiều".

Trận địa lôi km7 là một trận đánh dũng cảm, mưu trí, hiệp đồng chặt chẽ, trong đó nổi bật vai trò của các chiến sĩ tự vệ Thành Tuyênn. Đồng chí tư lệnh Võ Nguyên Giáp đánh giá đây là một trong 10 trận thắng lớn của Chiến dịch Việt Bắc.

Di tích chiến thắng km7 được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định 04 ngày 19-1-2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## BẢN HENG VÀ TRẬN ĐÁNH BẺ GÂY GỌNG KÌM PHÍA TÂY

Bản Heng thuộc thôn Tặng Khiết xã Phú Bình huyện Chiêm Hoá. Di tích nằm gần cầu sắt Phú Bình, trên lưng chừng đồi Nà Khoang.

Thu đông 1947, tướng Va-luy Tổng Tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương vạch ra kế hoạch tấn công qui mô lên Việt Bắc. Theo kế hoạch, hai cánh quân đông- tây sẽ gặp nhau ở Bản Thi. Đối phó với cuộc tấn công của địch, Bộ Tổng chỉ huy bộ đội ta ra Quân lệnh đặc biệt 101, phân tán bộ đội chủ lực tại Việt Bắc và Trung du thành 30 đại đội độc lập và 18 tiểu đoàn tập trung phối hợp với dân quân du kích các địa phương đánh địch.

Trường võ bị Trần Quốc Tuấn (tiền thân là Trường Quân chính kháng Nhật, sau này là Trường Sĩ quan Lục quân) lúc đó đóng ở Bắc Kạn, mang phiên hiệu

E79. Nhà trường có 300 học viên sĩ quan. Khi địch nhảy dù chiếm thị xã Bắc Kạn, ngày 10 tháng 10 năm 1947, E79 hành quân từ Chợ Rã, qua Ba Bể. Dọc đường E79 hướng dẫn dân quân du kích tổ chức chiến đấu, vận động dân thực hiện vườn không nhà trống, tổ chức phòng tránh máy bay, biến cuộc hành quân thành cuộc tổng thực tập cuối khoá.

Ngày 15-10-1947 đơn vị đến Bản Thi, đồng chí Lê Thiết Hùng đặc phái viên của Bộ Tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân tự vệ giao E79 nhiệm vụ chặn đánh không để hai cánh quân địch gặp được nhau.

Ngày 17-10-1947, E79 chia làm hai đoàn, mỗi đoàn 150 chiến sĩ. Đoàn 1 do đồng chí Hoàng Đạo Thuý và Lê Đình chỉ huy phục kích ở Yên Thịnh chặn cánh quân từ Chợ Đồn. Đoàn 2, do đồng chí Phan Phác chỉ huy, chặn đánh cánh quân từ Chiêm Hoá .

Đoàn 2 tiến về Đàm Hồng bằng xe goòng. (Trước đây thực dân Pháp khai thác mỏ kẽm, ăng-ti-moan, chúng đặt đường sắt để vận chuyển quặng). Đường sắt hẹp, quanh co đèo dốc, nhiều cầu nhỏ bắc qua suối vực nguy hiểm. Bộ đội ngồi trên toa đĩa, không có thành, phải bám chặt lấy nhau để khỏi bị hất ra ngoài. Bộ đội tới Đàm Hồng lúc 5 giờ chiều, quần chúng cung cấp cho trinh sát tin địch đã chiếm thị trấn Vĩnh Lộc và sẽ theo

đường mòn qua Bản Heng để đến Bản Thi. Ngay trong đêm, đoàn lại từ Đàm Hồng hành quân ngược lên Bản Thi, rạng sáng 18-10-1947 tới bản Heng. Đơn vị tổ chức thành đại đội chiến đấu do đồng chí Phan Phác chỉ huy. Trung đội 1 phục kích bên trái, dọc theo đường goòng và dòng suối. Trung đội 3 làm thê đội dự bị. Còn có một tổ trợ chiến 7 chiến sĩ, tổ hậu cần 5 chiến sĩ. Trung đội 2 làm thê đội Một, chặn địch trên trực chính, phía đông đường goòng, gần cầu sắt. Trung đội được trang bị khẩu đại liên Hốt kít 12,7 ly duy nhất của Trung đoàn. Khẩu đại liên đặt ở vị trí có xạ giới tốt nhất nhằm không chế không cho địch qua cầu sắt và đường mòn.

Khoảng 8 giờ, một đại đội quân địch do Đại úy Keroaste chỉ huy từ thị trấn Chiêm Hoá hành quân đến khu vực trận địa. Cách bờ suối khoảng 20m, chúng dồn lại chuẩn bị vượt suối. Sương sớm đã tan, trên các khe ngắt nòng súng của ta, mục tiêu hiện rõ. Một loạt đại liên nổ giòn, những tên đi đầu chết tại chỗ, hai tên cảnh giới cầu cũng gục ngã. Bị đánh bất ngờ bằng hỏa lực mạnh, quân địch chạy tán loạn. Sĩ quan địch hét chấn chỉnh đội hình, thúc giục tốp lê dương xông lên định cướp khẩu đại liên của ta. Đúng lúc này khẩu súng bị tắc, bộ đội ta dùng lựu đạn tiêu diệt ngay 3

trong số 5 tên lê dương. Hai tên khác bị trúng đạn súng trường ngã gục xuống suối. Cùng lúc tên đại úy chỉ huy bị bắn chết. Quân địch thật sự hoảng loạn, rút chạy về phía thị trấn.

Bị thiệt hại nặng, sĩ quan chỉ huy tử trận, địch vội vã rút về thị trấn Chiêm Hoá, huỷ bỏ kế hoạch đánh lên Bản Thi để hội quân với cánh phía đông.

Trận Bản Heng, địch bị diệt 38 tên, trong đó có tên đại úy chỉ huy đơn vị, bị thương 42 tên. Trung đoàn E79 có đồng chí Vũ Hải Đường hi sinh. Trận đánh diễn ra nhanh gọn, thắng giòn giã có sự phối hợp, giúp đỡ của dân quân du kích và nhân dân địa phương, cung cấp thông tin, dẫn đơn vị đi đường tắt kịp đón đánh địch. E79 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần bẻ gãy cánh quân phía tây của địch, trực tiếp làm thất bại kế hoạch hợp điểm Bản Thi của chúng.

Với chiến thắng Bản Heng, E79 được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng danh hiệu “Trung dũng, quyết thắng”.

Bản Heng được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 64, ngày 16-1-2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## KHE LAU BIỂN LỬA

Nơi sông Gâm và sông Lô gặp nhau gọi là ngã Ba Luồng, còn gọi là Cửa sông, Khe Lau, Hòn Lau, một phần thuộc xã Phúc Ninh, một phần thuộc xã Thắng Quân huyện Yên Sơn. Địa hình hiểm trở, phía hữu ngạn trên đất Thắng Quân có những ngọn núi chạy sát ra bờ sông, lau lách rậm rạp.

Trong Chiến dịch Việt Bắc năm 1947, thực hiện kế hoạch truy kích, tấn công trên đường địch rút lui, bộ đội pháo binh nghiên cứu địa hình đã quyết định bố trí trận địa pháo ở Khe Lau, phía hữu ngạn, thuộc xã Thắng Quân. Bộ tư lệnh Khu 10 đã xây dựng quan điểm *Đặt gần, bắn thẳng*. Muốn bắn thẳng phải đưa pháo ra gần bờ sông, cần hết sức giữ bí mật trận địa và phải bắn trúng ngay từ những quả đạn đầu, dập tắt khả năng địch phản kích.

Trong trận Khe Lau, pháo binh ta thực hiện chiến thuật đặt gần bắn thẳng, kết hợp pháo lớn với pháo nhỏ loại 12 ly 7, kết hợp pháo binh với bộ binh. Đề nghị binh, ta còn đặt những quả pháo giả. Kíp nổ đặt vào thùng tro, khi pháo phát hỏa thì giật nổ, bụi khói sẽ bốc lên che mắt quân địch.

Ngày 10-11-1947, đoàn tàu địch gồm 2 pháo thuyền và 1 ca nô chở hơn 200 lính thuộc Tiểu đoàn 2 do thiếu tá Pơ-ty chỉ huy xuôi sông Gâm. Khi tàu địch vừa đến ngã ba sông, các chiến sĩ ta nén chờ cho tàu địch đi tới gần hơn mới nổ súng. Chiếc tàu thứ nhất nặng nề đi đúng hướng bắn của pháo ta. Cách 100m, pháo ta gầm lên. Hai phát đầu trúng ngay buồng máy và giữa thân tàu. Tàu bốc cháy. Các quả đạn pháo giả đồng thời được phát hỏa. Tro, khói mù mịt trận địa, khiến kẻ địch không tài nào phát hiện đâu là nơi đặt pháo. Chúng tập trung hỏa lực bắn vào những nơi có pháo giả nổ.

Chiếc tàu thứ hai xảo quyệt chạy sát bờ sông. Pháo của ta bắn không trúng, vì tàu đi dưới tầm đạn. Các chiến sĩ bộ binh liền ném thủ pháo vào tàu địch. Tình thế buộc chiếc tàu địch quay đầu ra ngoài sông, theo vụng ghènh hòng ngược sông Lô chạy trốn. Nhưng chúng không tài gì thoát được, pháo ta đã kịp bắn

trúng. Tàu bốc cháy. Hai chiếc tàu địch chìm nghỉm. Xăng, dầu loang mặt nước, ngọn lửa càng bốc cao. Binh lính địch phần chết chìm, phần bị bỏng cô sức bơi vào bờ. Ngọn lửa từ mặt sông bén vào lau lách trên bờ tiếp tục bốc cao. Khe Lau thành một biển lửa. Bộ đội ta càng bình tĩnh bắn trúng đích. Chiếc ca nô cuối cùng bị bắn hỏng nặng, cô dạt sang tả ngạn, binh lính địch vội lên bờ lẩn trốn.

Bị mất liên lạc với đoàn tàu, Com-muy-nan lệnh cho đội com-măng-đô đi ứng cứu. Tàn binh địch dần tập trung thành 2 tốp. Một tốp liều mạng len lỏi qua vùng rừng rậm rạp, men theo tả ngạn sông Lô về thị xã Tuyên Quang; một tốp khác mãi 4 ngày sau mới vượt sang hữu ngạn, gặp đội com-măng-đô đi cứu viện, hộ tống nhau rút chạy.

Trận Khe Lau ta đã bắn cháy 2 tàu, bắn chìm 1 ca nô, tiêu diệt 200 tên địch, là một trong những trận thắng giòn giã nhất của mặt trận sông Lô.

Chiến thắng Khe Lau cùng với chiến thắng Bình Ca, Đoan Hùng làm cho sông Lô mãi đi vào lịch sử.

Di tích Khe Lau được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 04 ngày 19 tháng 1 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## SÂN BAY SOI ĐÚNG

**S**oi Đúng là bãi bồi băng phẳng ven sông Gâm, nằm ở phía đông thôn Vĩnh Bảo xã Vinh Quang huyện Chiêm Hoá, cách thị trấn Vĩnh Lộc 8 km về hướng nam.

Tháng 4 -1947, Đội huấn luyện không quân của ta được lệnh chuyển hai chiếc máy bay Detiger Moth và Morane Saunier lên Soi Đúng. Cả hai đều là loại máy bay một động cơ cánh quạt, hai chỗ ngồi. Nơi lắp ráp cũng là hầm để bay. Một trung đội vệ binh, với sự giúp đỡ của nhân dân địa phương san bằng bãi ngô, dùng đầm nén cát làm một sân bay chiều dài 140m, rộng 25m, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

Ngày 9-3-1949, theo chỉ thị của Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ký quyết định thành lập Ban Nghiên cứu Không quân. Ban đóng ở Ngòi Liễm xóm Hữu Lộc

xã Đông Thọ huyện Sơn Dương. Ban có khoảng 200 người với nhiệm vụ là xây dựng cơ sở ban đầu về nghiên cứu không quân; tìm hiểu tính năng kỹ thuật, chiến thuật của không quân địch, từ đó nghiên cứu, đề xuất cách phòng chống; từng bước huấn luyện đội ngũ cán bộ nhân viên kỹ thuật về hàng không, không quân, phòng không.

Ban có các Tiểu ban nghiên cứu về sân bay, về phòng không, khí tượng, Xưởng cơ khí, Tổ bảo dưỡng máy bay, Đội vệ binh, Trường không quân và Đội huấn luyện.

Sau khi thành lập, Trưởng ban Hà Đồng cùng Nguyễn Đức Việt - hàng binh người Đức lên Soi Đúng kiểm tra kỹ thuật.

Chiều 14-9-1949, chiếc máy bay Detiger Moth được đẩy ra sân bay. Đúng 17 giờ, Đức Việt trong bộ đồ bay màu tím than bước vào buồng máy. Sau phút khởi động, máy bay rú ga từ từ chạy trên đường băng, tăng dần tốc độ rồi cất cánh. Máy bay lượn một vòng, lá cờ đỏ sao vàng bay phần phật trong niềm hân hoan của quân dân trong vùng.

Sau đó chiếc Detiger Moth được chuyển về Ngòi Liễm để làm học cụ. Tại Soi Đúng luôn có tổ bảo

dưỡng thường trực quản lý máy bay và sân bay, phục vụ học viên thực tập.

Cuối năm 1949, khai giảng lớp Không quân khoá I, có 28 học viên, lên Soi Đúng thực tập 1 tháng. Buổi chiều hàng ngày, máy bay giấu trong lòng núi được đẩy ra sân bay. Từng học viên ngồi lên khởi động máy, điều khiển cho máy bay bò 2 vòng. Tuy không cất cánh được nhưng học viên cũng tự thực tập được một số điều đã học.

Tháng 9 -1950, lớp Không quân khoá II khai giảng, có 87 học viên. Có một số giảng viên người nước ngoài. Học viên được học thêm một lớp cấp tốc về phòng không, chủ yếu học cách dùng trung liên, đại liên, trọng liên bắn máy bay địch.

Năm 1951, Ban chuyển hướng sang nghiên cứu bắn máy bay địch bằng các loại súng máy, súng trường, làm giá ghép hai súng trung liên, tổ chức bắn thử nghiệm và phục kích bắn máy bay địch dọc sông Lô. Tháng 5-1951, Ban thành lập Đại đội 612, đơn vị pháo cao xạ đầu tiên của quân đội ta. Trước tình hình mới, Bộ Quốc phòng quyết định chuyển đại bộ phận cán bộ nhân viên, học viên sang xây dựng lực lượng phòng không, lực lượng pháo binh, trong đó có Đại đoàn công pháo 351.

Sân bay Soi Đúng và địa điểm Ngòi Liẽm ghi dấu những hoạt động của Đội huấn luyện Không quân và Ban nghiên cứu Không quân, là sân bay đầu tiên của không quân Việt Nam, cũng là dấu mốc ban đầu của binh chủng Không quân, binh chủng Phòng không và của ngành Hàng không Việt Nam.

Trong thời gian 1947- 1951, hai máy bay lần lượt được cất giấu tại khe Nà Toóc, Cốc Nặm, Loong Chăm. Bộ đội làm lán che máy bay, cột tre, vách nứa, lợp lá cọ, mặt trước nguy trang cây xanh. Phần đuôi máy bay được đẩy vào lòng núi. Từ lán có đường để đẩy máy bay ra sân bay. Khi mới đến, tổ bảo dưỡng ở nhà ông Cam, nhà đất cột gỗ, ba gian. Về sau tổ làm 3 ngôi nhà, một nhà sàn, hai nhà đất. Đội bảo vệ ở nhà ông Tân, nhà đất cột gỗ, thời gian sau chuyển ra ở lán.

Một số bộ phận của chiếc máy bay Detiger Moth hiện trưng bày tại Bảo tàng Không quân.

Sân bay Soi Đúng được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 04, ngày 19 tháng 1 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

# KIÊN ĐÀI

## NƠI CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC

### LẦN THỨ II

Xã Kiên Đài ở về phía tây bắc huyện Chiêm Hoá, địa hình hiểm trở, cách huyện lỵ khoảng 30 km. Kiên Đài nằm sâu trong An toàn khu, giáp huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn và các xã Linh Phú, Phú Bình, Bình Phú huyện Chiêm Hoá.

Từ đầu năm 1950 đến 1951 Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ, và nhiều cơ quan Trung ương chuyển đến ở, làm việc tại Kiên Đài. Các cơ quan mang mật danh là Đại đội 36, gồm các Tiểu đội 6, 22, 40 ở Bản Khây; các Tiểu đội 44, 48, 52 ở Làng Đài.

Tháng giêng năm 1951, Bác Hồ chuyển đến Kiên Đài. Ngôi nhà sàn của Bác ở đồi Cốc Xả thôn Khuôn Mạ. Hiện còn dấu vết nền nhà và hầm trú ẩn. Trong

thời gian ở Kiên Đài, Bác Hồ chủ trì nhiều phiên họp của Ban Thường vụ Trung ương, của Chính phủ; trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc, hoàn thành “*Báo cáo Chính trị*”.

Thu đông năm 1950, Văn phòng Tổng bí thư, đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng, Ban Tuyên huấn Trung ương, Đoàn chuyên gia Trung Quốc, Đoàn cán bộ cách mạng Lào, Báo Cứu quốc chuyển đến Kiên Đài. Tổng bí thư Trường Chinh và Văn phòng Tổng bí thư ở Khuôn Miềng. Thời gian này đồng chí Trường Chinh trình soạn thảo tác phẩm lý luận “*Bàn về cách mạng Việt Nam*”. Đồng chí Phạm Văn Đồng và văn phòng ở Bản Tai. Tại đây, đồng chí Phạm Văn Đồng hoàn thành báo cáo “*Mấy vấn đề cốt yếu của chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam*”.

Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ làm việc ở thôn Nà Vả. Văn phòng có 11 phòng, ban (gồm: phòng Bí thư, Thư ký Hội đồng Chính phủ, Nghiên cứu, Thông kê, Mật mã, Y tế, Giao tế, Hành chính, Ban Kinh tế, Ban Huấn học, Ban tiếp tế A.T.K).

Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương chuyển đến thôn Nà Bó vào tháng 2 năm 1950. Đồng chí Lê Văn Lương là Trưởng ban Tổ chức Trung ương

kiêm phụ trách Văn phòng Trung ương. Những ngày ở Kiên Đài đồng chí chuẩn bị báo cáo về *Công tác tổ chức* và Dự thảo “*Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam*”. Ban Tuyên huấn Trung ương và đồng chí Tô Hữu làm việc ở Nà Khắt.

Toà soạn Báo Cứu quốc chuyển đến Kiên Đài vào tháng 10 năm 1950, làm việc ở Nà Chiêng. Chủ nhiệm là đồng chí Xuân Thuỷ. Tờ báo là cơ quan ngôn luận của Tổng bộ Việt Minh (sau là của Mặt trận Liên Việt) ra hàng ngày.

Ban Dân vận Trung ương, Mặt trận Liên Việt chuyển đến Kiên Đài đầu năm 1950. Ban Dân vận do đồng chí Hoàng Quốc Việt phụ trách. Bản báo cáo “*Củng cố khối đoàn kết*” được đồng chí Hoàng Quốc Việt hoàn thành trong thời gian này.

Đầu năm 1951, đồng chí Tôn Đức Thắng chuyển đến Kiên Đài, làm việc tại Khuôn Mạ.

Đoàn chuyên gia Trung Quốc do đồng chí La Quý Ba làm trưởng đoàn, chuyển đến cuối năm 1950, ở Nà Khắt. Đoàn cán bộ cách mạng Lào chuyển đến cùng thời điểm, ở Nà Vả. Đoàn do Hoàng thân Xu-pha-nu-vông làm trưởng đoàn.

Xưởng Quân giới chuyển đến Kiên Đài từ cuối năm 1948 ở Khuôn Mạ, xưởng sản xuất lựu đạn, ngòi

nổ, mác, gươm... Tháng 10 năm 1949, Xưởng chuyên đi nơi khác.

Bệnh viện Trung ương cũng có thời gian ở Khun Vin xã Kiên Đài.

Trong khoảng thời gian từ 1950 đến đầu 1951, toàn bộ công tác chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, cả về nội dung và hậu cần được chỉ đạo từ Kiên Đài. Các văn kiện chủ yếu của Đại hội được khởi thảo, hoàn thành tại Kiên Đài.

Di tích Kiên Đài được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 04, ngày 19 tháng 1 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## KIM BÌNH

### NƠI HỌP ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ II

Xã Kim Bình hiện thuộc huyện Chiêm Hóa, cách thị trấn Vĩnh Lộc 19 km về phía nam, tiếp giáp với các xã Ngọc Hội, Vĩnh Quang, Bình Nhân, Phú Bình, Tri Phú.

Thời kỳ kháng chiến 9 năm, Kim Bình thuộc xã Vĩnh Quang. Khu rừng họp Đại hội nằm dưới chân núi Hùng, có tên là rừng Nà Loáng. Một dòng suối lớn nước trong xanh uốn khúc chảy qua khu rừng. Suối này chảy ra ngòi Trinh rồi nhập vào sông Gâm.

Quá trình Đại hội, Bác Hồ và Trung ương vừa quan tâm đến nội dung vừa chỉ đạo chuẩn bị nơi họp đại hội sao cho an toàn, chu đáo. Bác Hồ căn dặn đồng chí kiến trúc sư Hoàng Như Tiếp (người được giao nhiệm vụ thiết kế): Trên trời nhìn xuống không thấy gì, dưới đất bốn mặt nhìn vào cũng không thấy gì.

Quá trình thi công địa điểm họp Đại hội Bác Hồ đã trực tiếp đến kiểm tra. Công việc xây dựng hội trường, nơi ăn nghỉ được bắt đầu từ tháng 7 năm 1950. Nhân dân xã Vinh Quang và các xã lân cận rất phấn khởi được tham gia công việc chuẩn bị cơ sở vật chất cho Đại hội: khai thác, vận chuyển gỗ, tre, nứa, lá, làm đường, làm hầm hào. Trong lời khai mạc Đại hội, Bác Hồ đã cảm ơn đồng bào địa phương. Số liệu đóng góp cụ thể của nhân dân địa phương được ghi trong bức thư hiệu giữ ở Bảo tàng Cách mạng:

Vật liệu: đều lấy ở xung quanh. Đã dùng trên 100 cây mí, 1 vạn cây mai, 10 vạn cây nứa, 8 vạn lá cọ, 5 ngàn thước vuông gỗ xẻ.

Làm đất: đào đắp trên 3.000 thước khối để làm nền nhà, đường đi, hầm tránh máy bay.

Nhân công đã dùng: 7.000 công chuyên môn và 1 vạn dân công.

Nhà cửa trong khu vực Đại hội được thiết kế theo phuong châm vừa hợp với khí hậu miền núi vừa có dáng dấp miền xuôi. Riêng hội trường lớn giữ nguyên những cây to dùng để làm cột. Toàn bộ khu vực Đại hội gồm: hội trường lớn, nhà ở của đại biểu; nhà của Bác Hồ ở, làm việc và tiếp khách; nhà triển lãm; nhà tưởng niệm các đồng chí đã hy sinh; chỗ ở của các nhà báo, quay phim, nhiếp ảnh; nhà ở của bộ đội bảo vệ...

Tất cả đều ở dưới bóng cây. Các công trình xây dựng được đại biểu khen là kiến trúc giản dị, tiện lợi vừa có tính dân tộc vừa có tính hiện đại. Bên cạnh hội trường lớn là một chiếc hầm chắc chắn, đắp cao như gò, có dầm chống kiên cố, nóc hầm trồng cây xanh, xung quanh hầm có hệ thống hào giao thông. Nhờ giữ bí mật tuyệt đối nên thời gian Đại hội họp không phải đánh một hồi keng báo động.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II họp từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2 năm 1951, có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho 75 vạn đảng viên của các Đảng bộ Việt Nam, Lào, Cămpuchia. Đồng chí Tôn Đức Thắng khai mạc Đại hội, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đọc Báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam*. Bác Hồ đọc Báo cáo chính trị, khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, chỉ rõ nhiệm vụ chính của cách mạng lúc này là đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Về tổ chức Đảng, Bác Hồ nói: Chúng ta phải có một Đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và tình hình trong nước để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi. Đảng đó là "Đảng Lao động Việt Nam".

Đại hội thông qua Tuyên ngôn, Chính cương Điều lệ của Đảng, bầu ra Ban chấp hành Trung ương mới gồm 29 đồng chí. Đồng chí Trường Chinh được bầu lại

làm Tổng Bí thư Đảng. Bác Hồ được bầu làm Chủ tịch Đảng. Đảng quyết định ra hoạt động công khai.

Bác Hồ chỉ rõ "Đại hội II là đại hội đầy mạnh kháng chiến thắng lợi và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam".

Kể từ ngày thành lập (3-2-1930), đây là lần đầu tiên Đảng ta họp một đại hội có đông đủ đại biểu các Đảng bộ do chọn cử dân chủ từ cơ sở. Đây cũng là đại hội đầu tiên được tiến hành trong nước và cho đến nay là đại hội duy nhất họp ở địa phương.

Sau đó, tại hội trường Đại hội, Đảng còn tiến hành 3 đại hội, hội nghị quan trọng. Từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 3 năm 1951 Đại hội toàn quốc *Thống nhất Việt Minh - Liên Việt* được tiến hành. Đại hội có sự tham dự của đại biểu các Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ, các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, Nông dân; đại biểu quân đội, đại biểu các tôn giáo. Bác Hồ, đồng chí Tôn Đức Thắng, đồng chí Hoàng Quốc Việt tham gia đoàn chủ tịch.

Đại hội ra nghị quyết tuyệt liệt hoan nghênh chủ trương thống nhất Việt Minh - Liên Việt, quyết định Mặt trận Thống nhất lấy tên là Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên - Việt). Mặt trận chủ trương đoàn kết hết thảy các đảng phái, các đoàn thể và mọi cá nhân yêu nước, không phân biệt già, trẻ,

trai, gái, giai cấp, chủng tộc, tôn giáo, xu hướng chính trị để cùng nhau thực hiện các nhiệm vụ cách mạng lúc đó là: Kháng chiến, kiến quốc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, góp phần đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới.

Đại hội nhất trí suy tôn Bác Hồ làm Chủ tịch danh dự Mặt trận Liên - Việt, cử đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Mặt trận.

Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt đã củng cố và tăng cường khối đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công - nông vững chắc do giai cấp công nhân lãnh đạo, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 11-3-1951 đã tiến hành Hội nghị *Liên minh Việt - Miên - Lào*. Dự hội nghị gồm có đại biểu Mặt trận thống nhất của ba nước là Mặt trận Liên - Việt, Mặt trận Lào Ít-xa-la, Mặt trận I-xa-rắc. Hội nghị ra quyết định thành lập Uỷ ban Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào gồm đại biểu Mặt trận Dân tộc thống nhất của ba nước, thực hiện mục đích chung là đoàn kết chặt chẽ giành độc lập thật sự cho ba dân tộc, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Bác Hồ tham gia Hội nghị với tư cách là Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch danh dự Mặt trận Liên Việt. Hội nghị Liên minh Việt - Miên - Lào đã thoái

một luồng gió mới vào phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương.

Ngày 1 tháng 5 năm 1952, khai mạc Đại hội anh hùng, chiến sỹ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc. Có 7 anh hùng được tuyên dương trong đại hội này là Nguyễn Quốc Trị, La Văn Cầu, Cù Chính Lan, Mạc Thị Bưởi, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa và Hoàng Hanh.

Đến nay khu rừng Nà Loáng còn lại những cây suối, cây chết, cây vải thân cao, tán rộng. Dấu tích chiếc hầm lớn gần hội trường, hầm cá nhân, hào giao thông cũng còn thấy rõ. Về hiện vật, còn giữ được bức trường ghi dòng chữ "Tất cả chị em phụ nữ xây dựng hội trường kính biếu Toàn quốc đại hội đại biểu Đảng lần thứ II". Bức trường này cùng bức thêu công đóng góp được bảo quản tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Tại Bảo tàng Tuyên Quang còn giữ được một chiếc bàn, 4 chiếc ghế hội trường.

Di tích Kim Bình được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 1075, ngày 14 tháng 6 năm 1991 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và đang được quy hoạch bảo vệ, tôn tạo theo một dự án lớn xứng với tầm vóc của di tích.

**KIM QUAN**  
**TRỤ SỞ AN TOÀN**  
**CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, CHÍNH PHỦ**

**K**hu di tích Kim Quan cách thị xã Tuyên Quang hơn 40 km về phía đông. Các điểm di tích trải rộng trong khu rừng Nà Lơi và Vực Nhù thôn Khuôn Điển xã Kim Quan huyện Yên Sơn. Dòng sông Phó Đáy bao bọc khu rừng thuận tiện giao thông, sinh hoạt vừa bảo đảm bí mật.

Từ tây sang đông là các điểm di tích: Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương, nơi Bác Hồ ở và làm việc. Nơi làm việc của một bộ phận Văn phòng Chính phủ có căn hầm dài 37m. Cách điểm di tích này khoảng 200m về phía đông bắc là khu Văn phòng Trung ương. Tại đây có hội trường, nhà ở của đồng chí Tổng Bí thư Trường-Chinh, các đồng chí Hoàng Quốc

Việt, Lê Văn Lương; nhà ở, làm việc của Văn phòng Trung ương : điện đài, văn thư, thư viện, bộ đội bảo vệ. Khu vực này có một căn hầm dài 56m, sâu vào lòng núi, cửa hầm hướng đông, nhìn ra sông Phó Đáy. Cách khu Văn phòng Trung ương khoảng 700m, triền núi phía đông là Vực Nhù, nơi Bác Hồ ở và làm việc. Nhà của Bác Hồ là nhà sàn, dựng trên sườn núi. Cách nhà không xa là hầm trú ẩn. Nhà nối với hầm bằng đường hào chữ chi.

Toàn bộ nhà làm việc, nhà ở, hội trường đều bằng gỗ, tre, nứa, lá. Các hầm trú ẩn đều đào sâu vào lòng núi, được lát gỗ cả bốn mặt. Riêng căn hầm khu Văn phòng Trung ương có một đoạn lộ thiên ở phần ngoài. Phần này có những ụ đất cao, tạo lối vào hầm hình chữ chi. Trên các ụ đất có trồng nhiều chuối vừa nhằm chống mảnh bom vừa có tác dụng che khuất.

Đầu năm 1953, hai đại đội thuộc Tiểu đoàn Công binh 333 thi công xây dựng hầm bảo đảm an toàn nơi làm việc của Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ. Yêu cầu đặt ra là “nhanh chóng, bí mật, an toàn” và “bền, chắc, đẹp”. Một hôm các chiến sĩ đang đào, chuyển đất thì Bác Hồ và đồng chí Trường Chinh đến thăm. Bác khen các chiến sĩ đào hầm đã sâu lại đẹp. Rồi Bác hỏi:

- Các chú có mệt không? Có đói không?

Các chiến sĩ đồng thanh thưa với Bác: Có ạ!

Bác động viên:

- Làm việc thô mộc thì nhất định mệt, nhưng phải cố gắng.

Trước khi trở lại cơ quan, Bác dặn:

- Các chú cố gắng nữa lên. Bác tin tưởng các chú nhanh chóng hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho cơ quan.

Sau 7 tháng lao động bền bỉ đã hoàn thành hệ thống hầm hào kiên cố. Đến tháng 9-1953 Văn phòng Trung ương Đảng, Tổng bí thư Trường Chinh, các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, một bộ phận Văn phòng Chính phủ và đồng chí Phạm Văn Đồng cùng chuyển đến Kim Quan. Bác Hồ về Kim Quan vào cuối năm 1953.

Tại Kim Quan diễn ra những sự kiện quan trọng sau:

Cuối năm 1953, Bộ Chính trị quyết định tiếp tục phát động quần chúng giảm tô, giảm túc và thực hiện cải cách ruộng đất.

Tháng 4 năm 1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết "Tiếp tục thấu triệt phương châm đánh chắc, đề cao quyết tâm, tích cực giành toàn thắng cho Chiến dịch Điện Biên Phủ".

Tháng 7 năm 1954, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa II) bàn về thay đổi nhiệm vụ chiến lược là "Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ"; nhận định về khả năng chấm dứt chiến tranh, ký kết hiệp định Gio-ne-vơ và những nhiệm vụ sau khi hòa bình được lập lại.

Từ Kim Quan, Bác Hồ theo dõi Chiến dịch Điện Biên Phủ và đấu tranh ngoại giao ở Hội nghị Gio-ne-vơ. Các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thường họp tại hội trường hoặc khu vực hầm an toàn.

Kim Quan còn là nơi Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ tiếp khách Quốc tế. Cũng từ đây Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng đi dự Hội nghị Gio-ne-vơ.

Trong kháng chiến, Kim Quan là địa điểm duy nhất mà nơi làm việc của Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ liền nhau. Căn hầm gần nhà sàn của Bác Hồ, căn hầm Văn phòng Chính phủ, căn hầm Văn phòng Trung ương hiện đã được tôn tạo.

Di tích Kim Quan được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 937, ngày 23 tháng 7 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## LẬP BINH

### DI TÍCH CHỦ TỊCH PHỦ, THỦ TƯỚNG PHỦ

Lập Bình là một thôn của xã Bình Yên huyện Sơn Dương, nằm bên tả sông Phó Đáy, cách huyện lỵ 10km. Thôn nhỏ có chừng hơn mươi ngôi nhà sàn ở ven đồi, gần kề thác Dâng.

Tháng 12 năm 1946, đồng chí Nguyễn Lương Bằng được Bác Hồ cử lên Việt Bắc để chuẩn bị căn cứ cho cuộc kháng chiến. Đầu năm 1947, Văn phòng Chủ tịch phủ, Thủ tướng phủ chuyển đến Lập Bình. Sau nhiều lần đổi tên, Văn phòng có mật danh là Ban Kiểm lâm 13.

Tháng 6 năm 1949 đồng chí Phạm Văn Đồng từ Nam Trung bộ ra, nhận chức Phó Thủ tướng, làm việc ở Lập Bình. Lúc này Văn phòng Chủ tịch phủ sáp nhập với Văn phòng Thủ tướng phủ. Cuối năm 1949, Văn phòng Hội đồng quốc phòng tối cao (bí danh là Tiểu

đội Thanh Sơn) sáp nhập vào Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ mang bí danh là Ban kiểm tra 12. Đồng chí Phan Mỹ làm chánh văn phòng. Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ có các phòng, ban: Phòng Bí thư của Chủ tịch phủ do đồng chí Vũ Đình Huỳnh phụ trách, Phòng Thư ký Hội đồng Chính phủ do Thứ trưởng Cù Huy Cận làm Tổng thư ký, Phòng Bí thư của Phó Thủ tướng do đồng chí Trần Việt Phương làm trưởng phòng. Phòng nghiên cứu chia thành Phòng 4a chuyên về nội chính, 4b chuyên về kinh tế và phòng hành chính, thống kê, vô tuyến điện, giao tế. Bác sỹ Lê Văn Chánh phụ trách phòng Y tế và đặc trách chăm lo sức khỏe Bác Hồ. Ban Kinh tế do đồng chí Bùi Công Trừng làm trưởng ban. Ban Huấn học do đồng chí Hà Phú Hương làm trưởng ban. Tháng 12 năm 1949, Ban Thanh tra Chính phủ thành lập, cũng đóng tại Lập Bình. Cụ Hồ Tùng Mậu làm Tổng Thanh tra, đồng chí Trần Đăng Ninh làm Phó Tổng Thanh tra. Khi cụ Hồ Tùng Mậu hy sinh, đồng chí Nguyễn Văn Trần làm Tổng Thanh tra.

Cơ quan Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ đóng ở Lập Bình từ năm 1947 đến tháng 7 năm 1954. Cũng có lần chuyển đến một số địa điểm khác trên đất Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn một thời gian ngắn. Tại

Lập Bình đã có nhiều phiên họp của Quốc Hội, Hội đồng Chính phủ. Tại đây Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ đề ra những quyết sách lãnh đạo cuộc kháng chiến từng bước đi đến thắng lợi.

Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ là bộ máy tham mưu giúp việc Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ điều hành Chính phủ kháng chiến; tổng hợp tình hình công tác của các bộ, ban, ngành, Uỷ ban hành chính các liên khu, các tỉnh báo cáo Chủ tịch nước và Thủ tướng; truyền đạt sự chỉ đạo của Chính phủ đến các bộ, các địa phương; phục vụ hoạt động đối ngoại. Văn phòng là bộ phận hoàn tất văn bản để ban hành sắc lệnh của Chủ tịch nước; nghị định, thông tư của Thủ tướng Chính phủ; các văn bản của Hội đồng Quốc phòng.

Cơ quan Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ rất chú trọng công tác đoàn thể, dân vận, văn hoá, thể thao. Tổ dân vận của cơ quan tổ chức các hoạt động đội Thiếu nhi của xã; mở lớp bình dân cho bà con địa phương; Đội văn nghệ hoạt động sôi nổi biểu diễn những khi Hồ Chủ tịch tiếp khách, biểu diễn cho đồng bào địa phương nhân dịp những ngày lễ lớn. Văn phòng có sân bóng chuyền. Bác Hồ tham gia đấu giao hữu mỗi khi có cuộc họp tại văn phòng. Ngoài giờ làm

việc cán bộ nhân viên Văn phòng tích cực tăng gia, trồng rau xanh, chăn nuôi .

Di tích Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ ở phía ngoài thôn Lập Bình, về phía bắc. Cơ quan lớn, nhiều bộ phận nên nhà làm việc, nhà ở khá nhiều gồm văn phòng của đồng chí Phạm Văn Đồng, phòng ở và làm việc của cán bộ, phòng khách, hội trường, nhà ăn và ngôi nhà sàn nhỏ của Bác Hồ. Bác Hồ nghỉ trưa hoặc nghỉ lại đêm mỗi khi không tiện qua sông về nơi ở thường xuyên. Nhà cửa do đơn vị bộ đội xây dựng, vật liệu là gỗ, tre, nứa, lá nhưng khang trang và kín đáo. Các nhà dựng trên đồi, khuất dưới tán cổ thụ. Ở những chỗ tán cây không che kín thì phủ lên nóc một lớp những cây ký sinh như cây tơ quạ, hoặc những cây họ dương xỉ.

Hiện đã tôn tạo khu di tích trong tổng thể dự án tôn tạo Căn cứ địa Việt Bắc.

Di tích Lập Bình được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 32, ngày 4 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## CHI LIÊN

### DI TÍCH TRỤ SỞ BAN THƯỜNG TRỰC QUỐC HỘI VÀ TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN LIÊN - VIỆT

Thôn Chi Liên xã Trung Yên huyện Yên Sơn cách thị xã Tuyên Quang 30km, nằm trên bờ tả sông Phó Đáy. Phía đông thôn có núi Chi Liên cao 100m. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Trung Yên nằm trong An toàn khu. Đầu năm 1953, đồng chí Tôn Đức Thắng cùng cơ quan Ban Thường trực Quốc hội, Trung ương Mặt trận Liên - Việt từ Ngòi Khoác (cũng thuộc Trung Yên) chuyển đến thôn Chi Liên.

Thời kỳ này đồng chí Tôn Đức Thắng là Quyền Trưởng Ban Thường trực Quốc hội (Trưởng Ban là cụ Bùi Băng Đoàn lúc đó đã nghỉ chữa bệnh). Linh mục

Phạm Bá Trực là Phó Ban Thường trực Quốc Hội. Ban Thường trực và Văn phòng Quốc hội có các đồng chí và các vị: Hoàng Quốc Việt, Tôn Quang Phiệt, Y Ngông Niê Kdăm, Nguyễn Tân Gi Trọng.

Đồng chí Tôn Đức Thắng đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Liên - Việt.

Trong thời gian ở Chi Liền, đồng chí Tôn Đức Thắng chủ trì Hội nghị liên tịch Ban Thường trực Quốc hội và Ủy ban Trung ương Mặt trận Liên - Việt (tháng 2-1953); Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Liên - Việt toàn quốc mở rộng (tháng 11-1953); Hội nghị khôi Mặt trận Liên Việt chuẩn bị cho việc tiếp quản thủ đô (tháng 10-1954). Trong thời gian nói trên đồng chí Tôn Đức Thắng còn dự và chủ trì phiên họp Quốc hội ở Lập Bình (tháng 12-1953) về cải cách ruộng đất; thường xuyên đến Kim Quan báo cáo với Trung ương và Bác Hồ. Trong những năm kháng chiến gian khổ, đồng chí Tôn Đức Thắng trực tiếp lãnh đạo cơ quan thường trực Quốc hội, Mặt trận Liên - Việt góp phần quan trọng xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, động viên, cổ vũ đồng bào, chiến sĩ cả nước hăng hái tham gia kháng chiến.

Tại Chi Liền, từ lưng núi xuống có nhà làm việc

của Ban Thường trực Quốc hội, nhà bếp, nhà ăn, nhà làm việc của Trung ương Mặt trận Liên - Việt, hầm an toàn, nhà của đồng chí Tôn Đức Thắng. Hầm an toàn hình chữ L dài gần 22m, có 2 cửa, một cửa phía sông Phó Đáy, một cửa phía sườn núi. Hầm được lát gỗ tròn 3 mặt, có rãnh thoát nước. Nhà của đồng chí Tôn Đức Thắng ở sát bờ sông, nhà sàn 2 gian, cột gỗ, vách nứa, lợp lá cọ. Hầm an toàn, nhà làm việc của Chủ tịch Tôn Đức Thắng hiện đã được tôn tạo.

Di tích Chi Liền được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 06, ngày 13 tháng 4 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## TÂN LẬP DI TÍCH BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

**D**i tích Ban Tổ chức Trung ương ở làng Tân Lập xã Tân Trào huyện Sơn Dương.

Từ cuối năm 1941, Trung ương chỉ đạo gấp rút đào tạo cán bộ quân sự, tổ chức cho nhiều đảng viên vượt ngục, phát triển Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng vũ trang. Cuối năm 1944, sau khi ra tù đồng chí Lê Đức Thọ được giao phụ trách công tác tổ chức, huấn luyện cán bộ và Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Năm 1946, trước tình hình có nhiều kẻ thù, Đảng thực thi sách lược mềm dẻo, tuyên bố tự giải tán, rút vào hoạt động bí mật dưới tên gọi: Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác.

Đầu năm 1947, Ban Tổ chức Trung ương chuyển lên Tuyên Quang, một thời gian sau chuyển đến Bình Thành huyện Định Hoá tỉnh Thái Nguyên.

Tháng 8 năm 1947, Ban Thường vụ Trung ương ra nghị quyết về thành lập các đảng đoàn, các cơ quan chuyên môn Trung ương (gọi là Bộ): Tổ chức, Kiểm soát, Tuyên truyền, Huấn luyện, Tài chính, Dân vận.

Tháng 12 năm 1948, Ban Thường vụ Trung ương ra nghị quyết quy định cụ thể về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các Bộ. Theo đó Bộ Tổ chức Trung ương gồm các Ban: Đảng vụ, Công vận, Nông vận, Phụ vận, Kiểm tra, Kinh tế, Tài Chính, Giao thông Liên lạc, Ban Trù bị đại hội, Mặt trận Việt Minh. Đồng chí Hoàng Quốc Việt giữ chức Chủ nhiệm Bộ Tổ chức, các đồng chí Trần Đăng Ninh, Nguyễn Lương Bằng, Tôn Đức Thắng, Lê Văn Lương là uỷ viên. Bộ Tổ chức Trung ương có chức năng giúp Thường vụ Trung ương trông nom mọi hoạt động của Đảng về mặt tổ chức, chịu trách nhiệm các công việc trước Thường vụ Trung ương.

Cuối năm 1949, Bộ Tổ chức rời Định Hoá (Thái Nguyên) chuyển đến Tân Trào. Thời gian đầu một số đồng chí ở nhà ông Nông Văn Y thôn Tân Lập, số khác ở chung với Văn phòng Trung ương. Sang năm 1950, cơ quan cùng đội công tác và nhân dân địa phương khai thác tre nứa, gỗ lá dựng nhà.

Thời kỳ này công tác tổ chức tập trung xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, điều động nhiều cán bộ tăng cường cho quân đội.

Sau Chiến thắng Biên giới, Trung ương Đảng chủ trương tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II. Phần lớn các đồng chí lãnh đạo, ủy viên Bộ Tổ chức rời lên Chiêm Hoá chuẩn bị đại hội. Một số đồng chí ở lại tiếp tục xây dựng cơ sở.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II thông qua báo cáo chính trị, báo cáo về tổ chức và điều lệ Đảng; quyết định Đảng hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Nhiệm vụ công tác tổ chức thời kỳ này là đảm bảo cho Đảng tăng cường lãnh đạo chính quyền, quân đội và lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đi đến thắng lợi hoàn toàn, phát triển chế độ dân chủ nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (3-1951) chỉ rõ: Bộ Tổ chức giúp Trung ương về công tác nội bộ Đảng (phát triển, củng cố, xây dựng chi bộ, nghiên cứu tổ chức bộ máy và lề lối làm việc của Đảng và các tổ chức quân, chính, dân, thực hiện công tác bảo vệ Đảng).

Nghị quyết 09 của Ban chấp hành Trung ương (16-4-1951) về thành lập các Ban (thay cho các Bộ), tiểu ban của Trung ương. Trong đó Ban Tổ chức Trung ương trực thuộc Ban Thường vụ Trung ương, đồng chí Lê Văn Lương làm Trưởng ban.

Tháng 4 năm 1951, các đồng chí Ban Tổ chức từ Chiêm Hoá trở lại Tân Trào. Ban lãnh đạo các tiểu ban, giúp Thường vụ Trung ương trong công tác xây dựng Đảng, quản lý cán bộ, công tác bảo vệ Đảng, định ra các phương châm xây dựng, chỉnh đốn bộ máy và lề lối làm việc của các tổ chức quân, chính, dân; theo dõi, đề ra nguyên tắc, kế hoạch giúp Trung ương trong việc lãnh đạo xây dựng Đảng về mặt tư tưởng và tổ chức.

Hội nghị Trung ương 3 (4-1951) đề ra chủ trương chỉnh Đảng, chỉnh quân và xây dựng lực lượng vũ trang. Hội nghị Trung ương 4 (1-1953) chủ trương chia cho nông dân ruộng công, đất của địa chủ và của bọn việt gian phản động. Cuối năm 1953, Ban Tổ chức Trung ương rời đến Kim Quan.

Di tích Ban Tổ chức Trung ương nằm trên quả đồi xóm Mới, gần suối Lũng Tẩu, giữa Núi Thần và hồ Nà Nura. Có tất cả 5 nhà làm việc, đều là nhà 3 gian, 4 hàng cột, dài 12m rộng 6m, cột gỗ đẽ vỏ, kèo tre, mái lợp bằng phên nứa.

Di tích Ban Tổ chức Trung ương được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 57, ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## XÓM THIA DI TÍCH BAN TUYÊN HUẤN TRUNG ƯƠNG

**D**i tích Ban Tuyên huấn Trung ương nằm trên quả đồi thấp thuộc xóm Thia cách trụ sở UBND xã Tân Trào 200m về hướng đông.

Từ khi thành lập, Đảng ta đã coi trọng công tác tư tưởng. Ngày 1-8-1930, thành lập Ban Cổ động và Tuyên truyền Trung ương. Tháng 4 năm 1947, tại làng Sảo, Hội nghị Trung ương đã đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả của lực lượng và hình thức tuyên truyền cổ động, nâng cao chất lượng Báo Cứu quốc, Báo Sự thật, Đài Phát thanh Trung ương.

Ngày 15-1-1948 Hội nghị Thường vụ Trung ương mở rộng quyết định kiện toàn tổ chức, lập ra các ban chuyên trách, trong đó có Ban Tuyên truyền. Tháng 12 năm 1948 Ban Tuyên truyền đổi thành Ban Tuyên huấn.

Tháng 2 năm 1949, Trường Nguyễn Ái Quốc, Hội Văn hoá Việt Nam thành lập. Tháng 6 năm 1949, Thường vụ Trung ương quyết định lập Ban Văn hoá Trung ương thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương.

Cuối năm 1949, Ban Tuyên huấn làm việc tại thôn Thia xã Tân Trào huyện Sơn Dương. Tháng 5 -1950, tổ chức Hội nghị Huấn luyện toàn quốc lần thứ nhất. Tại Hội nghị, Bác Hồ nói về cách huấn luyện: Cốt thiết thực, chu đáo, hơn tham nhiều, huấn luyện từ dưới lên trên, gắn liền lý luận với công tác thực tế, phải nhắm đúng nhu cầu, chú trọng việc cải tạo tư tưởng...

Tháng 9 năm 1950 Trung ương có quyết định về tổ chức Ban Tuyên truyền và Ban Giáo dục Trung ương. Ban Tuyên truyền Trung ương có nhiệm vụ lãnh đạo công tác tuyên truyền trong Đảng và ngoài Đảng ở các bộ phận Nha Thông tin, Hội Văn nghệ, Hội Mác, báo chí, tuyên truyền bộ đội, tuyên truyền mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Ban do đồng chí Trường Chinh phụ trách, hai Phó Trưởng ban là đồng chí Tô Hữu và Trần Văn Giàu.

Ban Giáo dục Trung ương gồm Trường Đảng, bộ phận hướng dẫn học tập trong Đảng, bộ phận biên tập xuất bản, các bộ phận huấn luyện của mặt trận và các đoàn thể quần chúng, các bộ phận huấn luyện chính trị

trong bộ đội. Ban do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn làm phó ban.

Tháng 3 năm 1951, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, ra nghị quyết về nhiệm vụ của các cơ quan giúp việc Trung ương, trong đó có Ban Tuyên huấn Trung ương, giúp Trung ương công tác tuyên, văn, giáo, huấn; phụ trách Báo Nhân dân, việc giáo dục ở Trường Đảng, ban biên tập của Đảng và giúp Trung ương chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục.

Tháng 4 năm 1951, Trung ương ra nghị quyết thành lập các ban, tiểu ban. Ban Tuyên huấn Giáo dục Trung ương do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng ban, đồng chí Tô Hữu là Phó ban thường trực.

Ngày 8-2-1951, Ban Bí thư ra chỉ thị học tập lời kêu gọi của Bác Hồ nhân dịp 5 năm toàn quốc kháng chiến. Ban tổ chức bồi dưỡng chính trị cho văn nghệ sĩ, lập các đội công tác đi sát quần chúng tuyên truyền đường lối kháng chiến. Tháng 10 năm 1951, thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, Ban Tuyên huấn Trung ương có các tiểu ban: Tuyên truyền, Biên tập, Huấn luyện, Giáo dục, Văn nghệ, Tiểu ban Tuyên huấn hoạt động vùng địch hậu, Tuyên huấn tiền phương, Tuyên huấn dân tộc.

Đầu năm 1952, Tiểu ban Văn nghệ tổ chức triển

lâm hội họa toàn quốc. Bác Hồ gửi thư thân ái thăm hỏi anh chị em văn nghệ sĩ. Bác viết: Văn hoá nghệ thuật là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công nông binh. Chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng... vì sáng tác thì cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân.

Tiểu ban Biên tập nâng cao chất lượng biên tập Báo Nhân dân, Báo Cứu quốc và sách của Nhà xuất bản Sự thật. Tiểu ban Tuyên truyền thực hiện tuyên truyền thu hút nông nghiệp, gương các anh hùng chiến sĩ thi đua, các điển hình sản xuất, chiến đấu.

Cuối năm 1952, tại hội trường Ban Tuyên huấn mở 2 lớp chỉnh huấn cho nhân sĩ trí thức tiêu biểu. Bác Hồ đến dự khai mạc và nói chuyện. Bác nói: Mục đích của chỉnh huấn này là để tư tưởng ta phải dứt khoát đoạn tuyệt với cái ác, làm cho cái thiện hoàn toàn thắng. Trí thức có nhiều ưu điểm mà cách mạng cần đến trí thức, phải làm sao cho anh em trí thức rồi đây sẽ đoàn kết chặt chẽ với anh em công sản.

Cuối năm 1952, Bác Hồ đến thăm Ban Tuyên huấn, thường cho đồng chí Ma Đinh Rục là chiến sĩ thi đua một chiếc áo lụa.

Cuối năm 1953, Ban Tuyên huấn chuyển lên Kim Quan.

Xóm Thia là nơi ở lâu nhất của Ban Tuyên huấn Trung ương. Di tích trên đồi thấp, mặt bằng khá rộng, có cây đa cổ thụ, xung quanh nhiều cây to. Ban được nhân dân giúp đỡ làm 2 ngôi nhà để ở và làm việc. Nhà 5 gian cột chôn. Hai nhà quay mặt vào nhau, giữa có sân rộng. Mỗi gian có sập phên nứa dài suốt làm giường, khoảng trống còn lại đặt bàn.

Nhà của đồng chí Tô Hữu 3 gian, gần gốc đa.

Hội trường 7 gian, hai tầng mái để có đủ ánh sáng. Gian đầu phía đông nền cao, làm sân khấu, bục nói chuyện. Xung quanh hội trường, nhà ở làm việc có hầm hào tránh máy bay oanh tạc.

Di tích Ban Tuyên huấn Trung ương được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 24, ngày 12 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## PHONG VÂN DI TÍCH TRƯỜNG NGUYỄN ÁI QUỐC

**D**i tích Trường Nguyễn Ái Quốc thuộc xóm Phong Vân làng Ha xã Tân Tiến huyện Yên Sơn, giáp với các xã Đạo Viện, Tân Long, Phú Thịnh, Trung Trực.

Trường Nguyễn Ái Quốc (nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), thành lập tháng 3 năm 1949 tại Định Hoá (Thái Nguyên).

Tháng 8-1950, Trường chuyển đến xã Vinh Quang huyện Chiêm Hoá. Đầu năm 1952, sau khi kết thúc khoá II, Trường chuyển đến xã Tân Tiến. Được bà con tận tình giúp đỡ lấy vật liệu, dựng nhà cửa, trong vòng 4 tháng xây dựng xong hội trường, nhà làm việc, nhà ở của giáo viên, học viên, nhà ăn, trạm xá. Nhà trường có hơn 30 cán bộ nhân viên. Tháng 4 năm 1952, Trường

khai giảng khoá IV, đồng chí Nguyễn Chương là Phó giám đốc, phụ trách. Giảng viên có các đồng chí Trường Chinh, Lê Văn Lương, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt. Khoá IV có 300 học viên là cán bộ trung cao cấp như Đàm Quang Trung, Băng Giang, Đồng Sĩ Nguyên, Hoàng Sâm, Hoàng Trường Minh, Lê Thuỷ...

Thời gian này Trường có các bộ phận: Giáo vụ, tổ quản lý hành chính và tổ thư viện. Tổ quản lý hành chính kết hợp với Ban Tổ chức Trung ương chuyên trách tổ chức chiêu sinh, theo dõi, quản lý học viên. Bộ phận văn phòng có tổ Văn thư, tổ Xây dựng, tổ Hoả thực, tổ Tiếp liệu, tổ Y tế, Kế toán tài vụ. Bộ phận quản lý hành chính còn có nhiệm vụ đưa đón học viên. Khi học viên ở các nơi xa đến phải cử người trực và đón tại địa điểm đèn Thượng, từ đó dẫn học viên vào trường bằng đường bí mật.

Ngoài giờ học cán bộ, học viên nhà trường cùng tăng gia sản xuất trồng rau, chăn nuôi bò, lợn gà cải thiện và quan hệ mật thiết với nhân dân.

Tháng 12 năm 1952, khi khoá IV chưa kết thúc thì một bộ phận được cử đến Sơn Dương xây dựng địa điểm mới ở xóm Bòng xã Tân Trào. Thời gian này trường tồn tại 2 cơ sở. Đồng chí Lê Văn Lương làm giám đốc điều hành chung. Tại Tân Tiến đào tạo cán bộ

nòng cốt của Đảng, Nhà nước, quân đội phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc sau hoà bình lập lại.

Tháng 10 năm 1953, một bộ phận của Trường từ Tân Trào trở lại Tân Tiến lo sửa chữa, làm mới nhà ở, lập xưởng in. Sau đó Trường mở lớp đặc biệt “Thảm tra sau chỉnh huấn”. Lớp bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị cho cán bộ trung cao cấp, cán bộ các cơ quan ban ngành.

Trong thời gian Trường ở Tân Tiến, Bác Hồ đến thăm hai lần. Lần đầu vào lúc khai giảng khoá IV. Bác khen các cô các chú làm nhà nơi sơn thuỷ hữu tình, đặt tên quả đồi dựng trường là đồi Stalin. Lần sau có đồng chí Thắng cùng đi vừa là bảo vệ vừa là cần vụ của Bác.

Tháng 10-1954 Trường bắt đầu chuyển về xuôi. Mọi người gồng gánh di bộ ra bến Ghềnh Quýt, tất cả vật dụng đồ đạc, hành lý cùng máy in và hai con ngựa được đưa lên hai chiếc bè lớn, do bà con địa phương đóng, trên bè có cả bếp nấu ăn bảo đảm sinh hoạt cho chuyến đi dài ngày.

Di tích Trường Nguyễn Ái Quốc nằm trên quả đồi thấp sát chân núi Lũng Đẩy. Phía dưới là suối Kẹn và suối gốc Sông chảy quanh ôm lấy chân đồi, núi cao suối sâu, xung quanh là rừng xanh nhiều cổ thụ. Giảng đường do Kiến trúc sư Hoàng Như Tiếp thiết kế, nhà

rộng, đẹp chứa được 300 chỗ ngồi. Khung nhà bằng gỗ ghép mộng. Giữa hai tầng mái có khoảng trống lấy ánh sáng. Một đầu hội trường thiết kế khán dài, vừa là bục giảng, bục nói chuyện vừa là sân khấu. Khu nhà hiệu bộ cách hội trường khoảng 100m. Khu giáo vụ và văn phòng này có 2 dãy nhà dài, nhiều gian, nhà đất, cột tre chôn xuống đất. Trong nhà bố trí 2 dãy sập nứa, vừa là bàn làm việc vừa là giường ngủ. Khu nhà học viên sát chân núi đá gồm 10 dãy nhà. Nhà bếp, nhà ăn gần bờ suối. Nhà ăn là một dãy 8 gian. Bếp đất, có 2 đường hầm dẫn khói. Bệnh xá cách hội trường 100m có 10 giường.

Trường Nguyễn Ái Quốc góp phần đào tạo thế hệ cán bộ nòng cốt đáp ứng nhu cầu lãnh đạo quản lý đất nước, nhiều cán bộ nhà trường trở thành lãnh đạo ban, ngành.

Di tích Trường Nguyễn Ái Quốc được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 04, ngày 19 tháng 1 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## THÔN CẦU

# DI TÍCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**D**i tích Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ở thôn Cầu xã Minh Thanh huyện Sơn Dương.

Hội Công nhân Cứu quốc ba miền phát triển mạnh từ năm 1941, vẫn là những tổ chức độc lập. Ngày 20-6-1946, tại 51 Hàng Bồ (Hà Nội), Hội nghị cán bộ công đoàn Cứu quốc tuyên bố thành lập Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Kháng chiến toàn quốc, Tổng Liên đoàn Lao động chuyển lên huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên, năm 1950, chuyển đến làng Quăng xã Xuân Quang huyện Chiêm Hoá. Giữa năm 1952, chuyển đến xóm Cầu xã Minh Thanh.

Cơ quan có khoảng 40 người; đồng chí Hoàng Quốc Việt làm Chủ tịch, đồng chí Trần Danh Tuyên

làm Tổng Thư ký, hai Phó Tổng Thư ký là đồng chí Nguyễn Hữu Mai và Trần Quốc Thảo. Cơ quan Tổng Liên đoàn Lao động có Ban Tuyên huấn, xuất bản Báo Lao động, phụ trách công tác huấn học; Ban Tổ chức, Ban Thi đua, Ban Quốc tế, Ban Kiến thiết, có 3 nhà máy trực thuộc là TK1 ở Hào Phú (Sơn Dương), TK3 ở Yên Bình (tỉnh Tuyên Quang) và TK2 ở Chợ Chu (tỉnh Thái Nguyên); Ban Đời sống - xã hội, giải quyết các vấn đề về luật lao động, phối hợp với Bộ Lao động thực hiện chế độ chính sách đối với công nhân và công tác cải thiện sinh hoạt cho người lao động; Ban Nữ công, có nhiệm vụ chăm lo đời sống cho nữ công nhân, chính sách lao động đối với nữ giới.

Hướng ứng đợt thi đua do Bác Hồ phát động, Tổng Liên đoàn Lao động đề ra những yêu cầu cụ thể: Cải tiến kỹ thuật, trau dồi nghề nghiệp, sửa đổi lề lối làm việc, phát huy sáng kiến, đào tạo thợ mới, dùn dắt thợ kém, tiết kiệm nguyên vật liệu, bảo vệ máy móc, dụng cụ; trọng tâm là sản xuất và tiết kiệm.

Năm 1952, Tổng Liên đoàn Lao động mở đợt chỉnh huấn cán bộ chủ chốt công đoàn từ Thanh Hoá trở ra; mở những đợt chỉnh huấn cán bộ nhiều địa phương. Tháng 1-11-1953, tại thôn Cầu, Tổng Liên đoàn Lao động họp Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng,

nêu phương hướng đầy mạnh phong trào thi đua Ngô Gia Khảm.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quan hệ chẽ chẽ với Liên đoàn Lao động Thế giới và Liên đoàn Lao động các nước dân chủ nhân dân, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp lao động đối với cuộc kháng chiến của dân tộc ta. Tổng Liên đoàn Lao động cử các đoàn công tác ra nước ngoài dự hội nghị do Liên đoàn Lao động Thế giới và Liên đoàn Lao động các nước tổ chức. Trong đại hội Liên đoàn Lao động Thế giới lần thứ III tại Viên (thủ đô nước Áo) Tổng Thư ký Liên đoàn Lao động Thế giới Lui - xăng tuyên bố: Các tổ chức công đoàn có nhiệm vụ kiên quyết đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam. Đại hội nhất trí chọn ngày 19-12-1953 là ngày Quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam.

Kỷ niệm ngày 1-5-1954, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ra lời kêu gọi giai cấp công nhân toàn quốc đoàn kết chặt chẽ, thống nhất hành động, đầy mạnh hơn nữa đấu tranh chống bắt lính, chống áp bức bóc lột, chống hạ lương, cúp lương, chống giặc thợ, đuổi công chức trong vùng địch tạm chiếm. Cũng từ đầu năm 1954 Tổng Liên đoàn Lao động phát động đợt thi đua phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam Tổng Liên đoàn Lao động tập hợp giai cấp công nhân, người lao động thành khối thống nhất ra sức thi đua sản xuất vũ khí đạn dược, quân trang quân dụng phục vụ kháng chiến; chỉ đạo liên đoàn lao động các tỉnh, các liên khu tạo việc làm cho hàng nghìn lao động, tìm nhiều biện pháp nâng cao đời sống người lao động. Di tích còn ghi dấu sự đoàn kết giúp đỡ của Liên đoàn Lao động Thế giới, của công nhân, tổ chức công đoàn các nước, góp phần đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta đến thắng lợi.

Di tích Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nằm trong thung lũng hẹp, giữa Ao Thoong, núi Voòng, núi Cao Phan và núi Tạp. Tại đây có 7 căn nhà, trong đó có hội trường, nhà làm việc, nhà ở và nhà bếp. Hội trường 5 gian, dài 15m, rộng 5m, cột gỗ, lợp lá cọ. Những ngôi nhà khác đều cột gỗ, kèo tre, phên nứa, lợp lá cọ.

Di tích Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 59, ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## TÂN LẬP

### DI TÍCH BAN NÔNG VẬN TRUNG ƯƠNG

**D**i tích Ban Nông vận ở làng Tân Lập xã Tân Trào.

Tháng 10-1930, hội nghị Trung ương họp tại Hương Cảng thông qua Luận cương chính trị, Nghị quyết về tình hình Đông Dương, nhiệm vụ cần kíp của Đảng và Nghị quyết thành lập Tổng Nông hội Đông Dương, thông qua Điều lệ Tổng Nông hội. Nông hội tập hợp nông dân tham gia khởi nghĩa giành chính quyền khắp làng xã trong cả nước.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, giai cấp nông dân cùng cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến.

Trước tình hình thực tế của giai cấp nông dân và yêu cầu cuộc kháng chiến, tháng 12-1948, Trung ương ra nghị quyết về lập các ban, tiểu ban của Đảng. Theo

đó, Ban Nông vận trực thuộc Bộ Tổ chức. Sau khi thành lập, trụ sở của Ban Nông vận ở Bản Lá huyện Định Hoá tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 1-2-1949, Thường vụ Trung ương ra chỉ thị về các đoàn thể Cứu quốc: Cần đặc biệt chú ý Nông dân Cứu quốc, đào tạo cán bộ, chấn chỉnh các tổ chức nông dân để gây thành một lực lượng cải tạo nông thôn, cải cách ruộng đất.

Cuối năm 1949, hội nghị nông dân toàn quốc họp, có đủ đại biểu đại diện cho tổ chức hội nông dân cả ba miền Bắc - Trung - Nam.

Ngày 16-4-1951 Trung ương ra nghị quyết thành lập các ban, tiểu ban giúp việc. Phụ trách Ban Nông vận Trung ương là các đồng chí Hồ Việt Thắng, Trần Đức Thịnh. Sau đó Trung ương ra thông tri giao Ban Nông vận Trung ương làm nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết tình hình đề ra chính sách giúp Trung ương chỉ đạo về sản xuất, cải cách ruộng đất, cải thiện dân sinh, tổ chức và giáo dục nông dân.

Sau Hội nghị Cán bộ nông dân toàn quốc lần thứ 2 tổ chức tại Chiêm Hoá, tháng 5-1952 Ban Nông vận Trung ương chuyển đến thôn Tân Lập xã Tân Trào huyện Sơn Dương. Cơ quan có khoảng 20 người, đồng

chí Hồ Việt Thắng làm Trưởng ban. Năm 1953, thực hiện chủ trương đem lại ruộng đất cho nông dân của Đảng, Chính phủ, Ban Nông vận Trung ương tuyên truyền phát động quần chúng, lập các đội công tác đến các tỉnh mở cuộc vận động giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất. Ban đề ra các nhiệm vụ: Phát động nông dân triệt để thi hành chính sách ruộng đất; đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm kết hợp với thi hành chính sách ruộng đất và thuế nông nghiệp; xây dựng nông hội; đẩy mạnh công tác vùng sau lưng địch.

Ban Nông vận Trung ương coi trọng giáo dục ý thức cho giai cấp nông dân, động viên tinh thần cách mạng của nông dân - lực lượng chủ lực của kháng chiến hăng hái lao động sản xuất, đóng góp nhân lực vật lực cho cuộc kháng chiến.

Cơ quan Ban Nông vận Trung ương ở Ao Rùn trên bãi đất bằng gần suối Khuôn Pén, cách đình Tân Trào 200m về hướng nam, giáp các thôn Lũng Búng, Mỏ Ché. Nhà ở và làm việc gồm 6 gian, dài 18m, rộng 6m, cột gỗ, lợp lá cọ, vách nứa. Nhà ngăn thành nhiều gian nhỏ, thuận tiện cho công việc của mỗi bộ phận. Trước nhà có khoảng sân rộng. Nhà bếp 3 gian, cách suối chừng 10m. Đường xuống suối đánh bậc, trải sỏi. Nhà

dụng dưới tán cây rừng rậm rạp bảo đảm bí mật.

Những ngày làm việc tại Tân Trào, Ban Nông vận Trung ương đã tập hợp giai cấp nông dân thành khối thống nhất nhằm xây dựng hậu phương vững mạnh, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng tạo ra khí thế mới, phát huy sức mạnh đội quân chủ lực đóng góp nhân tài vật lực cho cuộc kháng chiến.

Di tích Ban Nông vận Trung ương được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 58, ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Văn hóa - Thông tin.

## ĐỒNG CHÙA DI TÍCH BỘ NGOẠI GIAO

Khu vực Đồng Chùa - xóm Dõn thuộc xã Minh Thanh huyện Sơn Dương. Đó là một quả đồi thấp, gần suối Lê. Một nhánh suối Lê chảy quanh ven đồi phía đông, phía tây bắc có núi Cháy. Đầu năm 1947 cơ quan Bộ Ngoại giao chuyển đến A.T.K.

Thời gian đầu, Bộ Ngoại giao ở xã Kim Quan, sau chuyển đến Minh Thanh. Lúc này cán bộ, nhân viên đều ở nhà dân, Bộ trưởng ở nhà ông giáo Hội. Cuối năm 1950, Bộ Ngoại giao chuyển đến xã Đông Lý huyện Yên Bình (lúc đó huyện Yên Bình thuộc tỉnh Tuyên Quang). Có thời gian Bộ chuyển đến xã Yên Nguyên huyện Chiêm Hóa. Đầu năm 1951 Bộ về lại Minh Thanh.

Nhà cửa của Bộ Ngoại giao ở Đồng Chùa được xây dựng vào thời gian này.

Số lượng cán bộ cơ quan Bộ Ngoại giao không đông nên nhà cửa phần nhiều nhỏ, gọn. Từ phía suối Lê đi lên là nhà bếp, nhà ăn; tiếp đến là hội trường, vừa là nhà tập thể. Trên cùng là nhà làm việc. Nhà của Bộ trưởng Hoàng Minh Giám và gia đình ở xóm Cây Vải, gần một hang đá, bà con gọi là hang ông Minh (bí danh của Bộ trưởng là Minh).

Do yêu cầu nhiệm vụ, cơ quan Bộ Ngoại giao lúc này bổ sung thêm cán bộ, chia thành các bộ phận: phòng nghiên cứu, phòng tuyên truyền, phòng kế hoạch, quản trị.

Những năm đầu kháng chiến, nhiệm vụ chủ yếu của công tác ngoại giao là tuyên truyền để nhân dân thế giới hiểu rõ và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Bộ Ngoại giao phối hợp chặt chẽ với Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam trong các hoạt động tuyên truyền đối ngoại.

Tháng 5-1947 Bộ góp phần tổ chức, chuẩn bị cuộc gặp của Bác Hồ và đại diện Cao uỷ Pháp, Bộ trưởng Hoàng Minh Giám đi cùng Bác Hồ.

Tháng 4-1947 Cơ quan đại diện Chính phủ Việt Nam tại Thái Lan được thành lập. Tháng 2-1948 Cơ quan đại diện Chính phủ Việt Nam tại Mi-an-ma, Ân Độ được thành lập. Từ năm 1947-1949 đã có 12 phòng thông tin nước ngoài được thành lập ở Pa-ri, Luân-đôn, Niu-oóc, Niu-đê-li...

Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp nền dân chủ thế giới. Cùng thời gian này Bác Hồ thăm Liên Xô, Trung Quốc.

Tại Đồng Chùa, Bộ trưởng Hoàng Minh Giám nhân danh Chính phủ Việt Nam gửi thông điệp tuyên bố công nhận nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và tỏ ý sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao cấp đại sứ. Tiếp đó là thông điệp gửi Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết, chính phủ các nước dân chủ nhân dân.

Trong năm 1950 Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên, Tiệp Khắc, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, An-ba-ni, Ba Lan...

Từ Đồng Chùa, các cán bộ ngoại giao lần lượt đi công tác tại các đại sứ quán nước ta ở Bắc Kinh, Matxcova...

Giữa năm 1951, Bác Hồ thăm Bộ Ngoại giao tại Đồng Chùa. Bác động viên cán bộ, nhân viên ngoại giao phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, chuẩn bị mở rộng quan hệ ngoại giao hơn nữa. Cuối năm 1953 Bộ chuẩn bị tài liệu, cử cán bộ tham gia đoàn đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Qua tám năm (1947-1954) tại Đồng Chùa, cán bộ nhân viên Bộ Ngoại giao bằng những chiến công thầm lặng đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Di tích Bộ Ngoại giao được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 16, ngày 21-8-2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và đã được tôn tạo.

## ĐỒNG DON DI TÍCH NHA CÔNG AN

Thôn Đồng Don thuộc xã Minh Thanh huyện Sơn Dương. Khu vực này gồm hai quả đồi là đồi Cây Đen và đồi Chè. Chân đồi phía tây là đồng Lũng Cò, phía sau có núi Đèn che chở. Đồng Don cũng như toàn xã Minh Thanh nằm ở trung tâm căn cứ kháng chiến, thuận tiện giao thông, địa thế hiểm yếu, kín đáo.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Nha Công an Trung ương từ Phú Thọ chuyển đến Minh Thanh. Khi mới đến, cán bộ, nhân viên đều ở nhà dân. Đồng chí Giám đốc Nha ở nhà ông Chuột (Bác Hồ đã ở gia đình này khi chỉ đạo làm sân bay Lũng Cò).

Nhà cửa của Cơ quan Nha do bộ phận công tác đội xây dựng. Tại đồi Cây Đen (đồi A) có khu hậu cần gồm nhà bếp, nhà ăn, kho thóc gạo; nhà của nhân viên tiếp

tế, liên lạc, vận tải, công tác đội; nhà của đồng chí Giám đốc Nha. Trên đỉnh đồi là nhà các bộ phận chuyên môn, nhà làm ảnh, nhà in.Tại đồi Chè (đồi B) có hội trường lớn, nhà của bộ phận tình báo, thông tin, điện đài. Tất cả nhà cửa làm bằng gỗ, tre, nứa, lá, đều ở dưới tán cây. Hệ thống hào nối hai đồi và các bộ phận bảo đảm phòng thủ, chiến đấu khi có chiến sự. Thời kỳ này đồng chí Lê Giản làm Giám đốc Nha. Tổ chức của Nha có các bộ phận: Chính trị, Tình báo, Tuyên - Nghiên - Huấn , Trật tự - Tư pháp (đều gọi là Ty), Điện đài, Thông tin, Hậu cần, Phòng Căn cước, Nhà in và Văn phòng Nha.

Một số hoạt động chính của Nha Công an:

Tháng 2-1948: Phát hành nội san *Rèn luyện* - tiền thân của Báo Công an nhân dân.

Tháng 6-1949: Hội nghị Điều tra toàn quốc.

Cuối năm 1949: Thành lập đại đội vũ trang chiến đấu với nhiệm vụ: phối hợp với các đơn vị Vệ quốc đoàn bảo vệ Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ tại An toàn khu. Cũng năm này đào tạo công an hệ trung cấp, học viên từ Trung Bộ trở ra.

Tháng 1 năm 1950: Hội nghị Công an toàn quân lần thứ V, có đại biểu Sở Công an Nam Bộ do đồng chí Phạm Hùng làm trưởng đoàn. Bác Hồ gửi thư cho Hội

nghị, Bác nhắc nhở lực lượng Công an nhân dân phải thực hiện:

- Xây dựng bộ máy Công an nhân dân, tức là công an phải có tinh thần phục vụ nhân dân, là bạn dân đồng thời phải dựa vào các đoàn thể mà tổ chức giáo dục nhân dân trong công việc phòng gian và trừ gian để nhân dân thiết thực giúp đỡ công an.

- Cách tổ chức công an phải giản đơn, thiết thực, tránh cái tệ hình thức, giấy má.

- Lè lối làm việc phải dân chủ. Cấp trên phải thường xuyên kiểm tra cấp dưới. Cấp dưới phải phê bình cấp trên. Giúp nhau kinh nghiệm và sáng kiến, giúp nhau tiến bộ. Tự phê bình và phê bình theo tinh thần thân ái và lập trường cách mệnh.

- Phải hoan nghênh nhân dân phê bình công an để đi đến hiểu công an, yêu công an và giúp đỡ công an...

Tháng 2-1950: Sát nhập bộ phận tình báo quân đội vào Nha Công an

Tháng 3-1950: Mở lớp đào tạo cán bộ khoá "Tổng phản công", có hơn 100 học viên dự.

Tháng 9-1950, Nha rời Đồng Don chuyển đến xã Yên Nguyên huyện Chiêm Hóa.

Trong những năm ở Đồng Don, Nha Công an

Trung ương đã chỉ đạo lực lượng công an tiêu phì, trừ gian xây dựng cơ sở nắm chắc tình hình địch, kiểm soát nội bộ, lập Đội Trù gian, Đội Công an xung phong, xây dựng mạng lưới giao thông liên lạc. Tại vùng căn cứ đã làm trong sạch địa bàn, chống các hoạt động do thám của địch, phát động nhân dân thực hiện phong trào "Phòng gian bảo mật" với khẩu hiệu "Ba không"; đặt các đồn, trạm tại các khu vực trọng yếu, giữ gìn trật tự xã hội, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo vệ lãnh tụ, các cơ quan đầu não của Đảng, Chính phủ, bảo vệ căn cứ kháng chiến.

Di tích Nha Công an được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 55, ngày 2-8-1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Tại đây đã xây dựng nhà trưng bày hiện vật, phục hồi một số nhà của các bộ phận và trồng cây xanh.

## ĐỒNG HƯƠNG DI TÍCH BỘ NỘI VỤ

Thôn Đồng Hương xã Phúc Thịnh huyện Chiêm Hóa nằm trên quả đồi nhỏ, cách Ủy ban nhân dân xã Phúc Thịnh khoảng 5km.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Bộ Nội vụ được giao nhiệm vụ bảo vệ an toàn Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ và các cơ quan bộ, ngành rời thủ đô Hà Nội lên Việt Bắc. Thời kỳ này, cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Bộ trưởng, đồng chí Hoàng Hữu Nam (tức Phan Bội) giữ chức Thứ trưởng.

Đầu năm 1947, Bộ Nội vụ ở và làm việc tại Thị xã Tuyên Quang. Tháng 5 năm 1947, Bộ chuyển vào xóm Cầu xã Minh Thanh huyện Sơn Dương. Đầu năm 1948, Bộ chuyển đến thôn Yên Thượng xã Trung Yên huyện Sơn Dương. Cuối năm 1950, chuyển đến thôn Đồng Hương xã Phúc Thịnh huyện Chiêm Hóa.

Thời gian này Bộ Nội vụ có khoảng 60 cán bộ, công nhân viên, do cụ Phan Kế Toại làm Bộ trưởng, đồng chí Trần Duy Hưng làm Thứ trưởng (đồng chí Hoàng Hữu Nam bị thuỷ nạn trên sông Lô). Bộ có các bộ phận: Văn phòng Bộ, Nha Công chức kế toán, Nha Pháp chế, Nha Hoa kiều vụ, Nha Công an, Nha Thông tin tuyên truyền, Nha Thanh tra.

Nha Hoa kiều vụ do đồng chí Lý Ban phụ trách. Năm 1951, Nha Hoa kiều vụ tách khỏi Bộ Nội vụ. Nha Công an do đồng chí Lê Giản phụ trách. Năm 1953, Nha Công an được tách thành Thứ bộ Công an.

Nha Thông tin tuyên truyền do đồng chí Nguyễn Tân Gi Trọng làm Giám đốc. Năm 1951, Nha Thông tin tuyên truyền tách khỏi Bộ Nội vụ. Nha Thanh tra do đồng chí Tôn Quang Phiệt phụ trách.

Trong thời gian ở thôn Đồng Hương, Bộ Nội vụ đã ban hành một số chính sách, nghị định sau:

Tháng 10 năm 1950, ra Nghị định số 483 về việc thành lập "Ban Công an xã"; Sắc lệnh qui định việc bầu cử uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính liên khu và tỉnh. Tháng 11, ra Sắc lệnh về việc sửa đổi Sắc lệnh số 63 ngày 22 tháng 11 năm 1945 về tổ chức chính quyền nhân dân địa phương.

Năm 1951, Bộ Nội vụ chuyển về thôn Thia, xã Tân Trào. Năm 1952, chuyển về thôn Đá Lỗ xã Cáp Tiên

huyện Sơn Dương, một số bộ phận ở lại thôn Hồng Thái xã Tân Trào. Đầu năm 1954, Bộ Nội vụ chuyển về Làng Niêng xã Minh Thanh huyện Sơn Dương.

Cán bộ của Bộ tích cực trồng rau xanh, nuôi lợn; hăng hái tham gia văn nghệ, thể thao; mở các lớp bình dân học vụ; thường xuyên thăm hỏi, giúp đỡ bà con địa phương.

Di tích Bộ Nội vụ trên quả đồi nhỏ. Nhà ở và làm việc đều do cán bộ nhân viên và nhân dân địa phương xây dựng. Nhà làm việc của Bộ trưởng, Thủ trưởng là nhà đất, hai gian, cột tre, vách nứa. Hội trường rộng khoảng  $30m^2$ , cột gỗ, mái lá cọ, vách nứa. Có 4 ngôi nhà của cán bộ nhân viên, mỗi nhà có 5 gian, làm bằng tre, nứa, lá.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Bộ Nội vụ đã xây dựng, ban hành quy chế tổ chức, quản lý các bộ, ngành, quản lý chính quyền địa phương, tổ chức quản lý các hội, quản lý các vấn đề về tôn giáo, xây dựng nền móng chính quyền nhân dân, góp phần xây dựng bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến địa phương ngày càng vững mạnh.

Di tích Bộ Nội vụ được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 7, ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## THÔN MỚI DI TÍCH BỘ TƯ PHÁP

**N**gày 28-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Tuyên cáo thành lập 13 Bộ trong Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, trong đó có Bộ Tư pháp.

Thôn Mới nằm bên bờ suối Lê, cách trụ sở Ủy ban nhân dân xã Minh Thanh 1,5km. Di chuyển qua 6 nơi trên đất Tuyên Quang, Bộ Tư pháp chọn thôn Mới xã Minh Thanh huyện Sơn Dương là di tích lịch sử của Bộ trong kháng chiến.

Địa điểm đầu tiên Bộ Tư pháp đặt trụ sở là thôn Đồng Minh xã Bình Yên huyện Sơn Dương. Thời gian này Bộ Tư pháp soạn thảo các văn bản pháp luật về hình sự, dân sự, trình Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh lập Toà án binh Trung ương; Sắc lệnh thay đổi về trình tự thủ tục việc bắt giam, điều tra, lập và gửi hồ sơ

đối với người bị bắt về tội có hành vi hoặc lời nói nguy hại đến trật tự và kháng chiến. Bộ ở địa điểm thôn Đồng Min từ tháng 4 đến tháng 10 năm 1947.

Thu đông năm 1947, một bộ phận Bộ Tư pháp chuyển đến Cổ Lũng huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên, một bộ phận chuyển đến Bình Di huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Yên.

Ngày 19-6-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Hội đồng Tu luật gồm 25 thành viên, trong đó có các đồng chí lãnh đạo và nhiều nhà trí thức. Hội đồng có nhiệm vụ thảo những dự án luật, bộ luật của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa; Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức và sắp xếp công việc của Hội đồng.

Tháng 10-1949, hai bộ phận của Bộ Tư pháp chuyển về làm việc tại xóm Mới xã Minh Thanh. Cuối năm 1950, Bộ chuyển lên thôn Nà Lá xã Xuân Quang huyện Chiêm Hoá, ở đây đến cuối năm 1952. Trong thời gian này một bộ phận cơ quan chuyển đến Làng Hương xã Phúc Thịnh huyện Chiêm Hóa. Từ cuối năm 1952, đến năm 1953, Bộ Tư pháp làm việc tại thôn Hoàng Pháp xã Chân Sơn huyện Yên Sơn. Giai đoạn cuối cuộc kháng chiến từ 1953 đến tháng 7 năm 1954,

Bộ ở và làm việc tại thôn Đồng Giang xã Công Đa huyện Yên Sơn.

Cơ quan Bộ ở và làm việc tại thôn Mới từ cuối năm 1949 đến tháng 9 năm 1950. Lúc này Bộ có khoảng 30 biên chế, Bộ trưởng là luật sư Vũ Đinh Hoè, Thứ trưởng là luật sư Trần Công Tường. Cơ cấu tổ chức của Bộ gồm Văn phòng; Phòng Sự vụ nội bộ; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Giám sát, quản lý các trại giam; Phòng Bí thư Bộ trưởng; Phòng Hình - Hộ, có nhiệm vụ xây dựng pháp luật dân sự thương sự, quản trị các tòa án, tổ chức thi hành án dân sự, phụ trách công tác tương trợ tư pháp với nước ngoài, vấn đề quốc tịch, các vấn đề về Việt kiều, ngoại kiều, quản trị danh sách đoàn luật sư; xây dựng pháp luật hình sự, kiểm soát công việc truy tố, xét xử, thi hành án hình sự.

Tháng 11-1949, soạn thảo hướng dẫn thi hành Sắc lệnh Giảm tô, Sắc lệnh Về ân giảm án và phóng thích các phạm nhân; dự án Sắc lệnh Cải cách tư pháp và Luật Tố tụng; dự thảo Bộ luật Lao động.

Ngày 22-5-1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh ban hành Lệnh Cải cách tư pháp trên toàn quốc, đánh dấu quá trình đổi mới của ngành Tư pháp. Tháng 5-1950 tại Đồng Min xã Bình Yên Bộ Tư pháp mở lớp

bồi dưỡng chính trị cho cán bộ ngành tư pháp, thời gian 3 tháng, gần 100 học viên gồm thẩm phán, trưởng phòng ban của Bộ, giám đốc tư pháp từ Liên khu V trở ra. Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng dự khai mạc và phát biểu ý kiến. Chiều 14-6-1950 Bác Hồ đến thăm và nói chuyện với cán bộ, học viên, Người căn dặn các học viên về công tác tư pháp ở địa phương.

Bộ Tư pháp có những quyết định quan trọng chuyển hướng sang nền tư pháp dân chủ nhân dân; từng bước hoàn thiện các thể chế tư pháp; phối hợp với các cơ quan Chính phủ, Uỷ ban hành chính các cấp giám sát việc thực thi pháp luật; có những đóng góp quan trọng trong việc soạn thảo Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; tham mưu cho Chính phủ ban hành nhiều văn bản pháp luật, từng bước xây dựng và hoàn thiện những nguyên tắc cơ bản của nền tư pháp dân chủ; đồng thời làm tốt công tác đào tạo cán bộ; mở các lớp đại học pháp lý, lớp bồi dưỡng chính trị cho cán bộ trung - cao cấp ngành tư pháp, cung cấp đội ngũ thẩm phán nắm vững pháp luật cho địa phương.

Di tích Bộ Tư pháp tại thôn Mới xã Minh Thanh nằm trên quả đồi thấp trông ra suối Lê, sau đình Thanh

La. Bà con sở tại giúp đỡ dựng 6 ngôi nhà đất, ẩn dưới tán cổ thụ. Nhà hội trường 5 gian cột gỗ, dài 15m. Chái phía tây đắp bục đất cao 50cm để biểu diễn văn nghệ, kê bục giảng. Hai ngôi nhà làm việc và ở của cán bộ nhân viên đều 3 gian, cột gỗ lợp lá cọ thung vách nứa. Hai căn nhà của Bộ trưởng và Thứ trưởng, 2 gian cột gỗ.

Di tích Bộ Tư pháp được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 24, ngày 12 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## THÔN HOẮC DI TÍCH BỘ CANH NÔNG

Xã Thái Bình huyện Yên Sơn, nằm giữa các xã Tiến Bộ, Công Đa, Phú Thịnh, Bình Ca. Di tích Bộ Canh nông ở khu Đồng Tang thôn Hoắc xã Thái Bình.

Trong phiên họp của Hội đồng Chính phủ, ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ba nhiệm vụ cần kíp là diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Ngày 14 tháng 11 năm 1945 thành lập Bộ Canh nông, kỵ sư Cù Huy Cận làm Bộ trưởng.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Bộ Canh nông chuyển đến nhiều địa điểm trên địa bàn Tuyên Quang. Năm 1947 ở xã Nông Tiến thị xã Tuyên Quang. Năm 1948 ở xã Yên Nguyên, năm 1949 ở xã Phúc Thịnh

huyện Chiêm Hoá. Năm 1951, ở xã Hợp Hoà rồi xã Tam Đa huyện Sơn Dương. Năm 1952 chuyển đến thôn Hoắc xã Thái Bình huyện Yên Sơn.

Thời gian này Văn phòng Bộ có 30 cán bộ nhân viên. Kỹ sư Nghiêm Xuân Yêm làm Bộ trưởng. Bộ có các đơn vị trực thuộc: Văn phòng Bộ, Viện Trồng trọt, Viện Chăn nuôi, Nha Lâm chính, Nha Khẩn hoang di dân, Trường Trung cấp Canh nông Trung ương, Khu Canh nông ở cấp Liên khu, Ty Canh nông ở cấp tỉnh.

Bộ xác định nhiệm vụ sản xuất cho các Liên khu: Liên Khu Việt Bắc là căn cứ địa quan trọng nhất, toàn dân phát triển trồng trọt, chăn nuôi, lập trại dự trữ trâu bò tiếp tế cho bộ đội. Liên khu 3, vùng tạm chiếm, đấu tranh với địch bảo vệ mùa màng, vận chuyển lương thực ra vùng tự do. Liên khu 4, tiếp tế lương thực cho căn cứ địa, trâu bò cho khu 3. Liên khu 5 và Nam Bộ đảm bảo tự cấp tự túc.

Viện Trồng trọt có Phòng Sinh học, nghiên cứu các loại côn trùng đối với cây trồng; Phòng Bảo vệ thực vật, nghiên cứu sinh trưởng, phương pháp chăm sóc cây trồng đạt hiệu quả và chỉ đạo 5 trại thực nghiệm, trong đó có trại thực nghiệm Sông Lô ở Tuyên

Quang. Năm 1951 Viện chuyển đến làng Chanh xã Thái Bình huyện Yên Sơn gần Văn phòng Bộ. Kỹ sư Bùi Huy Đáp là Viện trưởng. Viện xác định gắn Phòng nghiên cứu với Trại thí nghiệm và Xã thực nghiệm.

Nha Lâm chính làm nhiệm vụ xây dựng chính sách về lâm nghiệp, trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, ngăn ngừa sự tàn phá rừng, đào tạo cán bộ lâm nghiệp. Nha ở cùng nơi Văn phòng Bộ. Nha có Phòng Sản xuất, chỉ đạo trồng rừng, khai thác rừng; Phòng Nghiên cứu kỹ thuật trồng rừng.

Viện Chăn nuôi ở nhiều nơi trên đất Tuyên Quang. Cơ quan trực thuộc có: Viện Kháng nhiễm thú ngư; Viện Sản xuất vắc xin, huyết thanh phòng trị bệnh gia súc.

Sở Doanh diền đóng ở xã An Khang huyện Yên Sơn có khoảng 40 cán bộ. Thời gian đầu Sở do Thủ trưởng Nghiêm Xuân Yêm trực tiếp làm Giám đốc. Nhiệm vụ là tổ chức các trại quốc doanh nông nghiệp, tức nông trường quốc doanh sau này.

Trường Trung cấp Canh nông có ba ban: Trồng trọt, Chăn nuôi, Lâm nghiệp. Khoá đầu tiên mở tại làng Chanh xã Thái Bình.

Khu nhà của Bộ phân bố trên quả đồi lớn, trước mặt có dòng suối nhỏ. Số lượng nhà khá nhiều gồm hội trường, nhà văn phòng, nhà Bộ trưởng, nhà của Viện Trồng trọt, trạm y tế, nhà ăn... Các ngôi nhà đều là cột tre, vách nứa, mái lá.

Bộ Canh nông đã chỉ đạo kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp để nhân dân sản xuất nông nghiệp bảo đảm hậu cần cho chiến trường, góp phần hết sức to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

## CẦU TRẮNG DI TÍCH BỘ GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH

**B**i tích Bộ Giao thông Công chính ở thôn Cầu Trắng xã Hợp Thành huyện Sơn Dương.

Sau Cách mạng tháng Tám, ngày 28 tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Nghị định số 41 thành lập Bộ Giao thông Công chính.

Đầu năm 1947, Văn phòng Bộ Giao thông Công chính cùng Nha Giao thông chuyển đến thôn Cầu Trắng xã Hợp Thành huyện Sơn Dương. Năm 1948, Bộ Giao thông Công chính từ Phú Thọ chuyển đến cùng địa điểm trên; tháng 9-1951, chuyển lên thôn Nà Nghè xã Tân Thịnh huyện Chiêm Hoá; năm 1953, trở lại địa điểm cũ ở xã Hợp Thành.

Bộ Giao thông Công chính do đồng chí Trần Đăng Khoa làm Bộ trưởng, kỹ sư Lê Dung làm Thứ trưởng.

Các đơn vị trực thuộc gồm: Nha Bưu điện, Nha Khí tượng, Trường Cao đẳng Công chính, Sở Giao thông Vận tải, tất cả làm việc trên đất Tuyên Quang. Trường Cao đẳng Giao thông - Công chính thành lập năm 1947, tại Thanh Hoá; cuối năm 1950, chuyển đến xã Lang Quán huyện Yên Sơn. Nha Khí tượng do đồng chí Nguyễn Xiển phụ trách; năm 1951, Nha chuyển đến xã Lang Quán huyện Yên Sơn. Nha làm nhiệm vụ theo dõi, quan sát, nghiên cứu, chuẩn bị tài liệu về khí tượng.

Tháng 12-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập Sở Vận tải thuộc Bộ Giao thông Công chính. Sở làm nhiệm vụ tổ chức vận tải quốc gia, hướng dẫn các tổ chức vận tải của nhân dân.

Tháng 12-1951 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập Nha Công chính hoả xa làm tham mưu, nắm tình hình các địa phương về giao thông, thuỷ lợi. Tháng 4-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh thành lập Nha Giao thông và Nha Công chính từ Nha Công chính hoả xa. Nha Giao thông có nhiệm vụ phụ trách giao thông, đường bộ, đường sắt, đường sông. Nha Công chính phụ trách các công tác thuỷ nông, đê điều, vận tải và các công việc có liên quan. Tháng 7-1953, thành lập Đoàn xe ô tô trực thuộc Nha Giao thông.

Sau chiến dịch Việt Bắc, Bộ chỉ đạo Nha Giao thông sửa chữa các tuyến quốc lộ 2, 3, 13, các trục

đường ATK, bắc cầu treo qua sông Phó Đáy, gọi là cầu Lê Dung. Chiến dịch Biên Giới năm 1950, ngành vận tải bảo đảm đường thông suốt tạo điều kiện để 70.000 dân công cùng với đoàn xe quân đội vận chuyển 4.000 tấn vũ khí, quân lương.

Cuối năm 1953, chuẩn bị mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bộ chỉ đạo làm các tuyến đường 1B, Đồng Đăng - Thái Nguyên (Bộ trưởng Trần Đăng Khoa làm Trưởng ban chỉ huy công trường); tuyến 13A, Yên Bai - Phù Yên - Tạ Khoa ra đường 41 ở Còi Nòi; tuyến Hồi Xuân - Báu Thượng - Đồng Trầu vào Nghệ An. Đồng thời mở mới ba tuyến đường để phân luồng vận tải lên Điện Biên Phủ. Tổng chiều dài luồng vận tải cho Chiến dịch Điện Biên Phủ khoảng 3.500 km. Công việc làm đường dựa vào sức người là chính.

Bộ Giao thông Công chính ở Tuyên Quang từ năm 1949 đến năm 1954. Tháng 5 năm 1954, Bộ Giao thông Công chính và Nha Giao thông rời thôn Cầu Trắng về phố Cò (Thái Nguyên).

Nhà ở và làm việc lúc đó của Bộ Giao thông Công chính và Nha giao thông nằm ở chân quả đồi nhỏ, dựng xen kẽ nhau dưới bóng cây do cán bộ, nhân viên trong cơ quan tự làm. Nguyên vật liệu gỗ, tre, nứa đều lấy tại địa phương.

Nhà của đồng chí Bộ trưởng và Thứ trưởng là hai ngôi nhà sàn. Hội trường là nhà sàn 6 gian. Nhà ở và làm việc của cán bộ và nhân viên Văn phòng Bộ có 4 nhà, Nha Giao thông có 2 nhà, mỗi nhà rộng 5 gian. Phòng thường trực cạnh gốc vải to. Hiện nay cây vải vẫn còn.

Ngành Giao thông Công chính một mặt đã huy động sức dân xây dựng hệ thống đường sá cầu cống bảo đảm giao thông. Hàng chục ngàn cây số đường ở các vùng kháng chiến được sửa chữa và làm mới, hàng ngàn cây cầu được khôi phục. Một mặt phát triển các loại phương tiện vận tải, vận chuyển hàng triệu tấn lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng đáp ứng nhu cầu của từng chiến trường, của các chiến dịch và đời sống nhân dân. Đồng thời ngành thiết lập, bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc trong cả nước trong điều kiện địch chiếm đóng, chia cắt, đánh phá nhiều nơi. Mọi chủ trương, đường lối, chỉ thị, kế hoạch của Trung ương được truyền đạt kịp thời đến các địa phương, các chiến khu, các căn cứ, các cơ sở trong vùng địch tạm chiếm và quần chúng nhân dân.

Ngành Giao thông Công chính đã có những đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

## CẦU BÌ DI TÍCH BỘ TÀI CHÍNH

**Đ**i tích Bộ Tài chính ở thôn Cầu Bì xã Tú Thịnh huyện Sơn Dương, cách UBND xã 3 km về hướng bắc, xung quanh là những đồi thấp.

Bộ Tài chính có trong cơ cấu Chính phủ lâm thời từ tháng 8 năm 1945, đồng chí Phạm Văn Đồng làm Bộ trưởng.

Tình hình tài chính những ngày đầu kháng chiến hết sức khó khăn. Ngày 4-9-1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh thành lập Quỹ Độc lập, nhận tiền, đồ vật nhân dân tự nguyện đóng góp. Từ ngày 19-9 Tuần lễ vàng được phát động trong cả nước, kết quả thu được 370kg vàng. Tháng 11-1945, thành lập cơ quan án loát đặc biệt in giấy bạc Tài chính, còn gọi là giấy bạc Cụ Hồ.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội bầu Chính phủ Liên hiệp

kháng chiến, đồng chí Lê Văn Hiến được bầu làm Bộ trưởng Bộ Tài chính. Bộ có một số người từng làm tài chính trong chính quyền cũ như Thứ trưởng Trịnh Văn Bính, Giám đốc Kho bạc Nguyễn Văn Khoát.

Toàn quốc kháng chiến, ngày 18-4-1947, Bộ Tài chính tản cư lên thôn Cầu Bì xã Tú Thịnh. Tổ chức của Bộ Tài chính lúc đó bao gồm: Phòng Bí thư Bộ trưởng, văn phòng, các phòng sự vụ, các nha, các cơ quan trực thuộc như: Phòng Văn thư, Phòng Ngân sách, Phòng Kế toán, Phòng Tệ chế - Ngân khố - Công trái - Ngân hàng, Phòng Lương bổng - hưu bổng, Phòng Thuế khoá và các nguồn lợi tức quốc gia, Phòng Pháp chế và tố tụng, Nha Ngân khố quốc gia, Nha Thuế trực thu, Nha Thuế quan và thuế gián thu, Nha Trước bạ công sản, Nha Hưu bổng, Nha Thanh tra tài chính, Ban Cố vấn. Các cơ quan trực thuộc khác gồm: Sở Đúc tiền, đặt tại xã Bình Nhâm huyện Chiêm Hoá; Cơ quan ấn loát đặc biệt (in tiền giấy), có hai cơ sở in, đặt tại huyện Chợ Đồn Bắc Kạn và Bản Ngầu xã Hùng Mỹ huyện Chiêm Hoá; Ủy ban Phát hành giấy bạc và phân phối tiền tệ Việt Nam; Ban Tu thư và tuyên truyền; Trường Tài chính.

Cuối năm 1947, Bộ Tài chính yêu cầu các bộ, các địa phương lập ngân sách để Chính phủ quản lý. Năm

1948, Bộ tham mưu cho Chính phủ ban hành chế độ thu chi và kế toán đại cương, thành lập Nha Tổng thanh tra tài chính, lập ngân sách toàn quốc, qui định một đơn vị tiền tệ bản vị vàng gọi là đồng Việt, phát hành công phiếu kháng chiến, đặt “Quỹ tham gia kháng chiến”. Năm 1949, Chính phủ ban hành Bộ luật Thuế trực thu.

Tháng 9 năm 1950, Chính phủ phát hành “Công trái quốc gia”, ghi mệnh giá bằng thóc. Cùng năm 1950, thành lập Nha Địa chính trực thuộc Bộ Tài chính, thi hành bộ luật mới về thuế trực thu, quy định phương thức thu thuế bằng thóc; đặt Quỹ công lương thay thế Quỹ tham gia kháng chiến...

Bộ Tài chính tham mưu đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng tự do; đề xuất các biện pháp về tài chính chấm dứt lạm phát, giữ giá đồng tiền và từng bước làm cho giá cả ổn định.

Cán bộ, nhân viên Bộ Tài chính hăng hái tăng gia, nuôi nhiều bò, dê, gà vịt. Từ Bộ trưởng đến nhân viên luôn tăng cường mối quan hệ mật thiết với bà con địa phương, hướng dẫn đồng bào ăn ở vệ sinh, tham gia dạy bình dân học vụ. Bà con sở tại thì dùm bọc che chở, giúp đỡ, bảo vệ an toàn cơ quan, cán bộ kháng chiến.

Tháng 9 năm 1950, Bộ Tài chính chuyển đến thôn Nà Làng xã Phú Bình huyện Chiêm Hoá. Tháng 4 năm

1951, chuyển đến làng Cẩy xã Minh Thanh huyện Sơn Dương, ở địa điểm này đến tháng 10 năm 1954.

Cơ quan Bộ Tài chính, khi đó đóng trong khu rừng lim cổ thụ, được nhân dân địa phương giúp dần dựng đủ chỗ làm việc, ăn, ở. Nhà Bí thư Bộ trưởng là nhà sàn 5 gian, 2 chái, 2 cầu thang, cột gỗ. Nhà Bộ trưởng là nhà đất, 2 gian, cột gỗ, vách nứa. Nhà làm việc là nhà sàn, 2 cầu thang, chiều dài 10m, rộng 5m. Trong nhà bố trí 2 dãy bàn bằng tre mai. Nhà ở là nhà đất, có hai dãy giường tre mai ghép.

Tại xã Tú Thịnh, Bộ Tài chính đầu tư xây dựng tặng địa phương ngôi trường trung học cơ sở 14 phòng mang tên cố Bộ trưởng Lê Văn Hiến.

## QUANG MINH DI TÍCH BỘ LAO ĐỘNG

**D**i tích Bộ Lao động ở thôn Quang Minh xã Tân Thịnh huyện Chiêm Hoá, cách Uỷ ban nhân dân xã 3km về hướng Bắc.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, năm 1947 Bộ Lao động chuyển đến thôn Đồng Hoan xã Tú Thịnh huyện Sơn Dương; năm 1951 chuyển lên thôn Quang Minh xã Tân Thịnh.

Cơ cấu của Bộ Lao động lúc đó gồm Văn phòng, Phòng Tổ chức cán bộ, Ban Thanh tra, Ban Quản lý dân công, Ban Giám sát thi đua. Đồng chí Nguyễn Văn Tạo làm Bộ trưởng. Ban Thanh tra làm nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra đơn từ khiếu nại của công nhân các tỉnh từ khu IV trở ra; tìm hiểu, nghiên cứu đời sống của công nhân, tham mưu cho lãnh đạo Bộ về tiền lương,

chế độ của người lao động. Ban Quản lý dân công làm nhiệm vụ huy động, quản lý dân công trong các chiến dịch; tham mưu lãnh đạo ban hành các văn bản về dân công. Ban Giám sát thi đua đảm nhiệm chỉ đạo công tác thi đua toàn quốc.

Năm 1950, Bộ Lao động thành lập các Uỷ ban xí nghiệp. Các Uỷ ban này đề xuất với lãnh đạo, lấy ý kiến của công nhân viên chức để kiến nghị với Giám đốc giải quyết các vấn đề về sản xuất, đời sống của công nhân trong các xí nghiệp do Bộ quản lý.

Năm 1951, Bộ Lao động tổ chức lớp đào tạo kiểm soát viên lao động tại thị xã Tuyên Quang. Lớp học tổ chức trong thời gian 3 tháng, có khoảng 40 người dự học, đối tượng là cán bộ trong ngành lao động, các trưởng, phó Ty Lao động của các tỉnh từ khu IV trở ra. Nội dung học là vấn đề chính sách dân công, thanh tra lao động, phân công xí nghiệp và hoạt động của uỷ ban xí nghiệp.

Bộ Lao động thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên chức, tập hợp báo cáo lên Chính phủ để đề xuất những việc làm có hiệu quả, định hướng cho các xí nghiệp tìm biện pháp tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống cho công nhân viên chức, bảo hộ lao động.

Năm 1952, Bộ Lao động phát động phong trào thi đua trong toàn thể công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp lập thành tích chào mừng Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất. Bộ chú trọng công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ gắn bó, giúp đỡ nhân dân địa phương về tinh thần và vật chất.

Năm 1952, Bộ Lao động chuyển về huyện Sơn Dương; năm 1954, chuyển sang Thái Nguyên.

Nhà ở và làm việc của Bộ ở Quang Minh đều làm bằng tre, nứa, lá, khai thác tại địa phương. Tất cả 5 ngôi nhà đều do bộ đội cùng nhân dân địa phương xây dựng. Nhà hội trường là nhà đất, 4 gian, rộng 6m, dài 12m, cột gỗ, mái lợp lá cọ, xung quanh che vách nứa. Nhà ăn bằng gỗ, mái lợp lá cọ. Xung quanh hội trường có 3 ngôi nhà ở và làm việc của cán bộ nhân viên, đều là nhà đất 3 gian. Khu vực nhà ở và làm việc của Bộ Lao động là một khu rừng rậm, tán cây cổ thụ che kín các mái nhà. Tuy đơn sơ nhưng nhà cửa chắc chắn, an toàn.

Trong thời gian ở thôn Quang Minh, Bộ Lao động đã tham mưu, đề xuất với Chính phủ tăng cường cơ sở vật chất, quan tâm đến đời sống, sức khoẻ của công nhân, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc.

# XUÂN QUANG

## DI TÍCH TRUNG TÂM Y TẾ QUỐC GIA THỜI KHÁNG CHIẾN

Xã Xuân Quang huyện Chiêm Hóa ở giữa các xã Phúc Thịnh, Hùng Mỹ, Tân Mỹ và Ngọc Hội. Cơ quan Ban thường trực Quốc hội, Trung ương Đoàn Thanh niên, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ban Liên lạc hội Nông dân, Ban Huấn học và Ban Biên tập Nhà xuất bản Sư thật, Bộ Tư pháp, Trường Đại học Khoa học cơ bản, Trường Công an có thời gian làm việc tại Xuân Quang. Xuân Quang còn là địa điểm làm việc của Trung tâm Y tế quốc gia thời kháng chiến.

Đầu năm 1947, Trường Đại học Y khoa, Bệnh viện Thực hành, Ban Chế tạo dụng cụ y dược, An dưỡng đường chuyển đến Xuân Quang. Ban Chế tạo dụng cụ y dược ở Nà Coóc, An dưỡng đường ở xóm Nà

Ca làng Bình. Từ năm 1947 đến năm 1953, ngoài một vài lần chuyển đi nơi khác thời gian ngắn, các cơ quan y tế trung ương đều đóng tại Xuân Quang. Trường Đại học Y khoa do giáo sư Hồ Đắc Di làm Hiệu trưởng, Bệnh viện Thực hành do bác sĩ Tôn Thất Tùng phụ trách. (Đại học Y khoa và Bệnh viện Thực hành thành lập năm 1902). Cả hai cơ quan này đóng ở làng Lạc, gần ngòi Quãng. Được sự giúp đỡ của địa phương hai cơ quan đã nhanh chóng xây dựng nhà cửa, ổn định nơi ăn ở. Ngày 8 tháng 10 năm 1947, Trường Đại học Y khoa làm lễ khai giảng năm học 1947-1948 có 67 sinh viên. Giảng viên có các giáo sư Hồ Đắc Di, Nguy Như Công Tum; các bác sĩ Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Ngữ, Hoàng Tích Trí... Chỉ ít ngày sau lễ khai giảng, quân Pháp tấn công lên Việt Bắc, nhà trường phải cấp tốc sơ tán giảng viên, sinh viên, bệnh nhân vào rừng.

Chủ trương đào tạo của Trường là: học tập cơ bản - đi chiến dịch - trở về đúc rút kinh nghiệm, bổ túc - đi chiến dịch. Những khoá đầu sinh viên chủ yếu học thực hành ngoại khoa, đáp ứng nhu cầu bác sĩ ngoại khoa của quân đội. Các giáo sư, bác sĩ vừa giảng dạy vừa trực tiếp điều trị bệnh nhân tại Bệnh viện Thực hành, cùng sinh viên ra mặt trận. Trường đã cử giảng viên, sinh viên tham gia các chiến dịch: Biên Giới, Trung

Du, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Tây Bắc... Đặc biệt, nhà trường đã cử một lực lượng bác sĩ giỏi đi Chiến dịch Điện Biên Phủ, trong đó có bác sĩ Tôn Thất Tùng, bác sĩ Vũ Đình Tụng. Có không ít bác sĩ, sinh viên hi sinh ngoài mặt trận. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ hai ông Vũ Đình Tụng và Tôn Thất Tùng được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Từ khoá học 1952 bắt đầu đào tạo bác sĩ dân y và y tá, sinh viên đã lên con số 168. Trong hoàn cảnh thiếu thốn về nhiều mặt các giáo sư, bác sĩ, sinh viên vẫn hăng say nghiên cứu khoa học từ thực tiễn. Nhà trường nghiên cứu phát triển cả y học, dược học. Việc điều chế thuốc Pê-ni-xi-lin được tiến hành với giống nấm do bác sĩ Đặng Văn Ngữ đem từ Nhật Bản về nuôi trong môi trường nước thân cây ngô. Tuy chưa tách chiết được tinh thể nhưng Pê-ni-xi-lin cũng có khả năng khử khuẩn cao. Thuốc nước Stre-to-my-cin cũng đã được sản xuất.

Trường Đại học Y khoa, Bệnh viện Thực hành, Ban Chế tạo dụng cụ y dược, An dưỡng đường trong những năm ở Xuân Quang đã góp phần quan trọng vào thành công của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và làm cơ sở cho nền y học nước nhà phát triển về sau.

## KHUÔN TRÚ DI TÍCH BỘ QUỐC GIA GIÁO DỤC

**D**i tích Bộ Quốc gia Giáo dục ở thôn Khuôn Trú xã Yên Nguyên huyện Chiêm Hóa.

Trong cơ cấu Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà tháng 8 năm 1945 đã có Bộ Quốc gia Giáo dục (năm 1960 đổi thành Bộ Giáo dục và Đào tạo). Ngay phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ba nhiệm vụ chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, Người đề nghị mở chiến dịch chống nạn mù chữ. Trong năm 1945, Chính phủ ra Sắc lệnh lập Nha Bình dân học vụ chăm lo việc học cho nhân dân; quy định trong 6 tháng các làng phải có lớp học; hạn trong một năm, mọi người Việt Nam từ 8 tuổi trở lên phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Năm 1946, Chính phủ ra Sắc lệnh

qui định nguyên tắc Đại chúng hoá, Dân tộc hoá và Khoa học hoá của nền giáo dục; qui định hệ thống giáo dục, trong đó có bậc học cơ bản 4 năm cho trẻ từ 7 tuổi trở lên không phải trả tiền, tất cả các môn dạy bằng tiếng Việt.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến Bộ Quốc gia Giáo dục cùng các cơ quan Chính phủ di chuyển lên Việt Bắc. Cuối năm 1951, Bộ Quốc gia Giáo dục đến ở làm việc tại thôn Khuôn Trú xã Yên Nguyên.

Thời kỳ này, nhà giáo Nguyễn Văn Huyên làm Bộ trưởng, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn làm Thứ trưởng. Lúc đầu Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên và Văn phòng bộ ở nhà ông Ma Văn Thơ, Thứ trưởng Nguyễn Khánh Toàn cùng cán bộ Vụ Đại học và Trung học chuyên nghiệp ở nhà ông Hứa Văn Huân.

Chỉ một thời gian ngắn, với sự giúp đỡ tận tình của nhân dân địa phương và sự nỗ lực của cán bộ, nhân viên nhà ở, nhà làm việc đã xây dựng đủ. Sau khi làm xong nhà, lãnh đạo Bộ và một số bộ phận chuyển đến làm việc tại khu cơ quan, một số bộ phận vẫn tiếp tục ở và làm việc tại nhà dân.

Tổ chức của Bộ Quốc gia Giáo dục lúc đó gồm: Nha Giáo dục phổ thông (từ Nha Tiểu học vụ, Nha Trung học vụ hợp thành), Nha Bình dân học vụ, Vụ

Trung học chuyên nghiệp, một số phòng trực thuộc và Ban Biên tập Tạp chí Giáo dục san. Tổng số khoảng 100 người.

Giữa năm 1951, Bộ Quốc gia Giáo dục họp Đại hội Giáo dục toàn quốc, thảo luận và thông qua đề án cải cách giáo dục. Theo đó phương châm giáo dục là phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Mục tiêu là giáo dục thế hệ trẻ thành người lao động trung thành với chế độ dân chủ nhân dân; đủ năng lực, phẩm chất phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Qui định bậc học phổ thông 9 năm, có bậc dự bị đại học. Đồng thời hệ thống giáo dục bình dân học vụ- bồ túc văn hoá và hệ thống giáo dục chuyên nghiệp cũng được qui định rõ các cấp học, thời gian học tương đương.

Bằng phương châm “cần gì học nấy”, các trường bồ túc văn hoá kháng chiến góp phần quan trọng truyền đạt kiến thức cho người lao động. Cùng với hệ thống Bồ túc văn hoá gắn liền với sản xuất chiến đấu, các trường bồ túc văn hoá tập trung được thành lập, tiếp nhận học sinh các địa phương, các ngành. Bình dân học vụ chuyển sang thời kỳ mới, thực hiện song song hai nhiệm vụ: vừa tiếp tục xoá nạn mù chữ vừa bồi túc văn hoá cho cán bộ và nhân dân lao động. Trước hoà bình, đã có trên 60.000 người học bồi túc văn hoá.

Tháng 7 năm 1954, Bộ Quốc gia Giáo dục rời Yên Nguyên chuyển đến Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên), đến tháng 10 cùng năm thì chuyển về thủ đô Hà Nội.

Di tích Bộ Quốc gia Giáo dục ở giữa thôn Khuôn Trú, có 10 ngôi nhà, gồm nhà của Bộ trưởng, Thứ trưởng, hội trường, hai dãy nhà ở của cán bộ nhân viên, nhà ăn. Các ngôi nhà được dựng dưới tán cổ thụ, đều làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. Xung quanh khu nhà có hệ thống giao thông hào.

Thời gian làm việc tại Khuôn Trú, Bộ Quốc gia Giáo dục đã có những chỉ thị, nghị quyết quan trọng phát triển giáo dục toàn quốc, góp phần không nhỏ vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp giáo dục lâu dài.

Di tích Bộ Quốc gia Giáo dục được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 08, ngày 17 tháng 1 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Hiện đã xây dựng Trường Trung học phổ thông mang tên Nguyễn Văn Huyên tại huyện lỵ huyện Yên Sơn.

## XÓM MỚI DI TÍCH NHA THÔNG TIN

**H**i tích Nha Thông tin ở xóm Mới xã Minh Thanh huyện Sơn Dương. Xã Minh Thanh hình thành từ hai xã Minh Khai và Thanh La sáp nhập với nhau.

Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, Bộ Thông tin tuyên truyền là thành viên trong Chính phủ Lâm thời, đồng chí Trần Huy Liệu làm Bộ trưởng. Tháng 5 năm 1946, đổi thành Nha Tổng giám đốc Thông tin tuyên truyền, trong Bộ Nội vụ; tháng 11 năm 1946, đổi thành Nha Thông tin.

Mùa thu 1947, Nha Thông tin chuyển đến Khuổi Chao huyện Định Hoá tỉnh Thái Nguyên. Đầu năm 1949 chuyển đến thôn Cây Dừa xã Kim Phú huyện Yên

Sơn. Cơ quan có khoảng 100 người, bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng làm Tổng Giám đốc. Giữa năm 1949, Nha Thông tin chuyển đến thôn Động Móc xã Chân Sơn huyện Yên Sơn. Nha Thông tin chủ trương chấn chỉnh tổ chức, cải tiến thể tài, gọi tắt là “chấn tổ cải tài”.

Cuối năm 1949, Nha Thông tin tổ chức Hội nghị Cán bộ văn hoá lần thứ Nhất. Sau Hội nghị thành lập nhà in đóng tại làng Nghẹt xã Phú Thịnh huyện Yên Sơn, Nha chuyển đến gần ấp Lê Thăng xã Kháng Nhật huyện Sơn Dương.

Tháng 3 năm 1950, đồng chí Trần Văn Giàu làm Tổng Giám đốc thay bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng. Đài Tiếng nói Việt Nam là cơ quan thuộc Nha Thông tin, hoạt động độc lập do đồng chí Trần Lâm phụ trách. Bộ phận Thông tấn, tiền thân của Thông tấn xã Việt Nam là một trong những hoạt động chính của Nha Thông tin. Thời gian này Nha có khoảng 70 cán bộ nhân viên, làm nhiệm vụ khai thác, thu thập tư liệu chuyển đến Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ phục vụ hoạch định đường lối, quyết sách trong từng giai đoạn; đồng thời phát tin bài cổ vũ toàn dân hăng hái tham gia kháng chiến. Nha có các bộ phận: Văn phòng, nghiên cứu, sưu tầm - tư liệu, biên tập, điện ảnh - nhiếp ảnh, điện vụ.

Giữa năm 1951, Nha Thông tin chuyển đến xóm Mới xã Minh Thành huyện Sơn Dương, đồng chí Trần Văn Giàu phụ trách. Trong năm 1951, tách bộ phận điện ảnh - nhiếp ảnh của Nha, chuyển đi Đà Nẵng xã Thượng Âm. Nha Thông tin chuyển đến làng Chanh xã Thái Bình huyện Yên Sơn.

Đầu năm 1952, Nha Thông tin chuyển đến thôn Hoàng Lâu xã Trung Yên huyện Sơn Dương. Ngày 24-2-1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh hợp nhất Nha Thông tin và Vụ Văn nghệ thành Nha Tuyên truyền và Văn nghệ thuộc Thủ tướng phủ. Đồng chí Tô Hữu giữ chức Tổng Giám đốc.

Ngày 10-10-1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh đổi bộ phận in và phát hành thành doanh nghiệp quốc gia, lấy tên là Nhà in Quốc gia.

Trong kháng chiến cán bộ thông tin, văn hoá văn nghệ bám sát thực tế, hành quân cùng bộ đội, dân công, ra tận chiến hào phản ánh kịp thời cuộc chiến đấu gian khổ, hào hùng của dân tộc.

Nha Thông tin đặt trụ sở nhiều nơi trên đất Tuyên Quang nhưng hai địa điểm ghi nhiều dấu ấn là thôn Trung Tâm xã Kháng Nhật và xóm Mới xã Minh

Thanh huyện Sơn Dương. Di tích ở thôn Trung Tâm nằm giữa các thôn Gốc Quéo, Gốc Gạo và Bá Cạn. Khu nhà của Nha nằm ở chân dãy núi Sồi, đều là nhà cột gỗ, lợp tranh.

Di tích ở xóm Mới nằm trên đồi sau đình Thanh La. Nhà cửa đều bằng tre, nứa. Hội trường 5 gian. Nhà bếp, nhà ăn ở gần suối Lê.

Di tích Nha Thông tin được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 53, ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## HOÀNG LÂU DI TÍCH VIỆT NAM THÔNG TẤN XÃ

**D**i tích Việt Nam Thông tấn xã nằm trên đồi Khau Linh thôn Hoàng Lâu xã Trung Yên huyện Sơn Dương.

Ngày 15-9-1945, từ đài vô tuyến Bạch Mai phát đi Bản Tuyên ngôn độc lập bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp công bố với toàn dân và thế giới sự ra đời nước Việt Nam mới, cũng là ngày ra đời Việt Nam Thông tấn xã (VNTT). Cuối năm 1948, Việt Nam Thông tấn xã ở huyện Chiêm Hoá, cuối năm 1952 mới chuyển đến Hoàng Lâu. Việt Nam Thông tấn xã làm nhiệm vụ khai thác, thẩm định, thu thập các nguồn thông tin, sưu tầm tư liệu phục vụ Trung ương Đảng, Chính phủ; phát tin, bài cổ động nhân dân hăng hái tham gia kháng chiến. Về tổ chức, Việt Nam Thông tấn xã có ban biên

tập tin, bộ phận nghiên cứu, bộ phận tư liệu, bộ phận điện vụ, bộ phận điện ảnh - nhiếp ảnh và tổ liên lạc.

Ngày 4-3-1952, Bác Hồ đến thăm Việt Nam Thông tấn xã. Bác nhắc nhở mọi người thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ, chú trọng tăng gia, thực hành tiết kiệm, đảm bảo bí mật. Bác thăm nơi ăn ở, thấy chuồng lợn trống không, Bác căn dặn: Ăn lứa này phải nuôi lứa khác.

Sau hơn hai năm ở Hoàng Lâu, Việt Nam Thông tấn xã hình thành đủ cơ cấu tổ chức của một cơ quan thông tấn, có tin đối ngoại, tin trong nước, tin thế giới, tin phò biến, tin tham khảo; có bộ phận điện vụ kỹ thuật, bộ phận in và phát hành. Phóng viên, kỹ thuật viên được phân công đi chiến dịch.

Năm 1952, Việt Nam Thông tấn xã lập phân xã Bắc Kinh, phân xã Băng Cốc, phân xã Răng Gun. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng chí Hoàng Tuấn dẫn đầu tổ phóng viên và tổ nhiếp ảnh ra mặt trận.

Cơ quan Việt Nam Thông tấn xã ở Hoàng Lâu đặt trên đồi cây to rậm rạp, dưới chân đồi có con suối nhỏ. Có 10 ngôi nhà đều bằng gỗ, tre, nứa. Từ chân đồi lên là nhà của bộ phận kỹ thuật điện vụ dài 14m. Nhà ăn gần suối, dài 22m. Nhà của Giám đốc gần hội trường.

Hội trường dài 22m, bàn ghế bằng tre nứa. Có 5 nhà của các bộ phận, mỗi nhà dài 15m.

Hiện vật còn lại là chiếc máy điện thoại dùng liên lạc trực tiếp với Trung ương, trưng bày tại phòng truyền thống số 5 Lý Thường Kiệt.

Việt Nam Thông tấn xã qua tin tức, bản tin, tạp chí phát hành phản ánh cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc trên mọi mặt trận, trên khắp các chiến trường; làm tốt công tác tuyên truyền, động viên quân dân cả nước thi đua giết giặc lập công; truyền đến mọi tầng lớp nhân dân chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ; đồng thời cung cấp kịp thời diễn biến tình hình ngoài mặt trận đến Bắc Hồ và Trung ương. Việt Nam Thông tấn xã cũng đã góp phần quan trọng để thế giới hiểu về cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân ta qua đó tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chông hoà bình trên toàn thế giới.

Di tích Việt Nam Thông tấn xã được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 53, ngày 28-12-2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## LÀNG NGÒI, ĐÁ BÀN DI TÍCH CÁCH MẠNG LÀO

Xã Mỹ Bằng ở phía tây của huyện Yên Sơn, cách thị xã Tuyên Quang 20 km, có địa hình đồi núi thấp, chêch về hướng đông bắc có núi Là án ngữ. Từ trung tâm xã theo đường mòn đi về phía bắc 3 km là đến làng Ngòi, đi tiếp 5 km nữa là xóm Đá Bàn. Cư dân trong xã gồm các dân tộc Kinh, Tày, Cao Lan, Dao, Hoa riêng xóm Đá Bàn phần đông là bà con dân tộc Dao.

*Làng Ngòi - địa điểm họp Đại hội Mặt trận Lào yêu nước*

Phong trào cách mạng Lào bắt đầu phát triển từ những năm 30 thế kỷ XX trong tổ chức chung của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân các bộ tộc Lào đứng lên

làm cách mạng. Ngày 12-10-1945, tại Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Lào yêu nước Ít-xa-la đã khai sinh ra Nhà nước Dân chủ nhân dân Lào. Năm 1946 thực dân Pháp mở rộng chiến tranh, hòng một lần nữa đặt ách thống trị của chúng tại Lào. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Ít-xa-la, các chiến khu cách mạng Lào lần lượt ra đời. Uỷ ban giải phóng Lào, Quân giải phóng Lào được thành lập.

Trước sự trưởng thành của Đảng, Quân đội nhân dân Lào, chính quyền các cấp được củng cố, tháng 8-1950, Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Ít-xa-la được tiến hành. Đại hội họp tại gò Tre xóm Thổ làng Ngòi xã Mỹ Băng. Khu vực này rừng già che phủ thuận lợi cho việc giữ bí mật. Đơn vị bộ đội làm nhiệm vụ bảo vệ đóng doanh trại ở đồi Vườn Tơ. Mé đông nam đồi xóm Thổ là hội trường Đại hội. Cách hội trường không xa là nhà của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông - Chủ tịch Chính phủ Kháng chiến Lào, nhà đồng chí Cay-xòn Phôm-vi-hản - Tổng Bí thư Đảng cũng ở gần đó.

Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Ít-xa-la thông qua cương lĩnh 12 điểm, bầu ra Chính phủ kháng chiến Lào và Uỷ ban Trung ương Mặt trận Ít-xa-la. Cương lĩnh khẳng định việc thành lập một nước Lào độc lập,

thống nhất, thực hiện quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Cương lĩnh đúng đắn của Mặt trận đã phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân Lào; tập hợp, động viên sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào.

### ***Đá Bàn - nơi Chủ tịch Xu-pha-nu-vông ở và làm việc***

Sau Đại hội đại biểu Mặt trận Ít-xa-la, để đảm bảo bí mật, khoảng cuối năm 1950 Chính phủ Kháng chiến Lào chuyển đến xóm Đá Bàn chân núi Là. Khu vực di tích nằm trên sườn núi, cách khu dân cư khoảng 600m. Ở đây có một hang đá lớn. Hang này được chọn làm nơi ở và làm việc của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông - Chủ tịch Chính phủ Kháng chiến Lào. Trong thời gian đặt trụ sở ở Đá Bàn, Hoàng thân Chủ tịch cùng các cán bộ cách mạng Lào thường xuyên đi thăm hỏi bà con các dân tộc địa phương. Dịp tết Nguyên đán Tân Mão (1951), Hoàng thân và các đồng chí cán bộ cách mạng Lào đi chúc tết nhân dân xóm Đá Bàn, tổ chức ăn tết với bà con quanh vùng rất vui vẻ.

Cuối tháng 12-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ Việt Nam tới thăm Chính phủ Kháng chiến Lào và đoàn cán bộ cách mạng

Lào tại Đá Bàn, thăm nhân dân các dân tộc địa phương. Trong dịp này, Bác Hồ đã chụp ảnh chung với một gia đình người Dao tại xóm Đá Bàn.

Di tích làng Ngòi, Đá Bàn có ý nghĩa quốc tế lớn. Bác Hồ đã nói:

"*Việt - Lào hai nước chúng ta*

*Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long*".

Đồng chí Cay-xòn Phôm-vi-hản viết: "Tình hữu nghị Việt - Lào là một viên ngọc quý, một di sản vô giá. Đó là tình hữu nghị, tinh đoàn kết anh em giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần hạt gạo cắn đôi, cọng rau sẻ nửa, đồng cam cộng khổ động viên nhau cùng chiến đấu thắng lợi".

Hiện nay địa điểm xóm Thổ làng Ngòi còn dấu tích mặt băng nền hội trường, nền nhà của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, nền nhà của đồng chí Cay-xòn Phôm-vi-hản. Địa điểm Đá Bàn còn nguyên vẹn hang đá chân núi Là.

Di tích Ngòi Là, Đá Bàn được xếp hạng Di tích Quốc gia theo Quyết định số 1057, ngày 14 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH  
VỀ DI TÍCH VÀ DANH THẮNG Ở TUYÊN QUANG



Thành Tuyên Quang xây dựng từ thế kỷ XVI

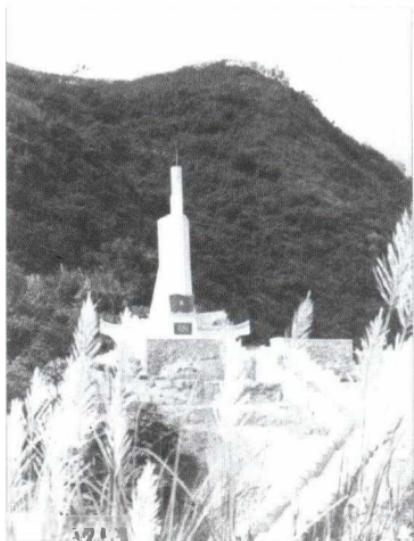


Đền Hạ

**Đình Tân Trào**



**Lán hang Thia - thôn Thia,  
xã Tân Trào, nơi Phó Thủ  
tướng Phạm Văn Đồng  
làm việc**

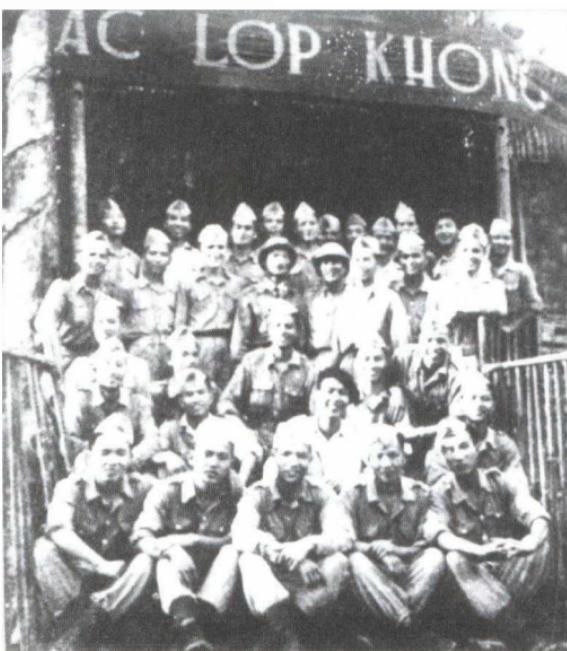


**Lán Nà Lùa**

**Đài Chiến thắng Bình Ca**



Nhà ở của đại  
biểu dự Đại hội  
Đảng lần thứ hai



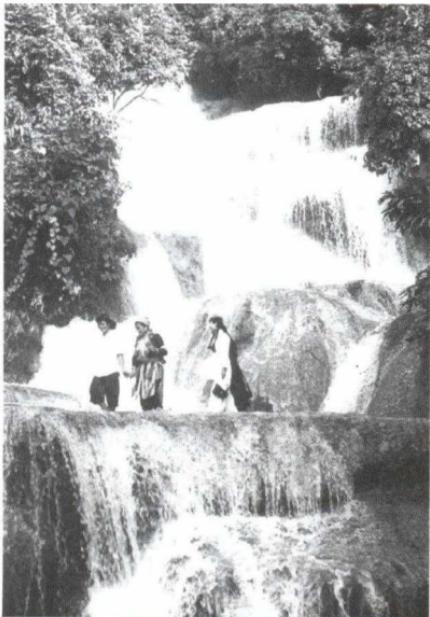
Học viên lớp  
Không quân khoá I  
tại Soi Đúng



Cán bộ,  
nhân viên  
Bộ Ngoại  
giao tại thôn  
Đồng Chùa  
(năm 1950)



Địa điểm trụ sở  
Thông tấn xã Việt Nam  
tại thôn Hoàng Lâu



Thác Pác Ban

## THÁC PÁC BAN

Nằm trong địa phận xã Vĩnh Yên trước đây, thác Pác Ban còn có tên là thác Mơ hay thác Mưa.

Bắt đầu vào khu thăng cảnh, du khách lướt trên mặt hồ nhỏ tinh mịch, giữa bốn bề cây lá xanh tươi. Mặt hồ thấp thoáng mây chú vịt trời nhở nhơ giõn nước. Thuyền ghé ngay chân thác, dưới bóng những cỏ thụ phủ rẽ lên đá, rẽ cây luồn lách kẽ nứt bám sâu vào lòng đất.

Pác Ban có chín tầng thác. Nguồn thác từ Bó Nặm, dồn tụ nhiều khe nhỏ chảy qua các hang Nậm Pan, Nậm Chang, đến Bản Chủ thì lộ thiên thành dòng thác lớn.

Đỉnh thác, nơi cửa suối ngầm phát lộ đổ xuống làm nên hai tầng thác cao 15m, sức nước lớn. Tiếp theo là hai tầng thấp hơn. Hai bên bờ, những phiến đá tảng lô

xô, cỗ thụ toả bóng rướm rà tạo một không gian thơ mộng. Tầng thác thứ năm nước chia thành hai dòng cùng đổ xuống một hồ đá hình bầu dục.

Tầng thứ sáu và thứ bảy, thác vẫn hai dòng nhưng độ cao hạ xuống còn khoảng 10m, bè mặt thác hẹp lại. Chân tầng thứ bảy, một dòng tách ra, chia tay người bạn đồng hành, luồn lách vào cánh rừng nguyên sinh dày bí ẩn. Một dòng nữa làm nên tầng thác thứ tám. Tầng thứ chín, mặt nước trải trên nền đá dốc đứng, du khách phải vịn vào lan can rẽ nước mà đi.

Người dân lưu truyền “Sự tích thác Mưa” như sau:

Ngày hội Lòng tông năm ấy chàng trai ném còn trúng hồng tâm được cô gái xinh nhất tặng hoa. Bốn mắt nhìn nhau đầm thắm. Hỏi ở bản nào, cô gái nói: Chàng có thương yêu thì lấy, hỏi nhiều làm gì.

Họ cưới nhau, làm nhà bên sông Gâm, cày cấy, chăn nuôi.

Một hôm hai vợ chồng hái vải, định mang đi bán thì người khách tới. Người chồng còn ở trên cây, khách nói với người vợ câu gì đó rồi đi ngay mà không ngã giá mua. Từ lúc ấy người vợ luôn lộ vẻ buồn rầu. Người chồng gạn hỏi nguyên do nhưng nàng một mực nói là không có gì.

Ngày khác, nàng ra cửa sông giặt giũ. Bỗng trời nổi cơn giông, bụi bay mù mịt, mưa đỗ như trút, nước sông dâng cao cuốn người vợ đi mất.

Người chồng đứng trên bờ vực khóc than, nước mắt tām tā biến thành thác quanh năm không bao giờ cạn. Từ đó dân bản gọi là Thác Mưa.

Thật ra nàng không chết. Là công chúa con gái thứ hai của Long Vương, ngày xuân nàng trốn nhà đi hội, rồi kết duyên với người trần. Khách mua vải là thái tử được Long Vương sai đi tìm em gái. Trận cuồng phong mưa đỗ sập trời ấy chính là lúc Long Vương bắt nàng về thuỷ cung.

Pác Ban được xếp hạng Thăng cảnh Quốc gia theo Quyết định 07 ngày 17-1-2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## THÁC BẢN BA

Bản Ba là một thôn của xã Trung Hà huyện Chiêm Hoá, tên cũ là Hoa Tàng. Hoa Tàng có nghĩa là nơi những con đường giao nhau.

Suối Bản Ba từ dãy núi Khau Đen xã Đức Xuân huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang xuyên trong lòng đất rồi lộ thiên ở thung lũng Trung Hà.

Nhìn từ xa, dòng thác dài nhiều cấp như dải lụa trắng với những nếp gấp mềm mại nổi bật trên nền xanh thẳm của rừng đại ngàn. Dòng chảy tạo nên 3 tầng thác chính.

Từ cánh đồng làng Ba đi lên, gặp tầng thác Tát Cụm, cao khoảng 20m, tiếng thác rì rầm như lời cầu khấn trời đất, thần thánh. Vực Rồng chân thác sâu thẳm, từ bờ nhô ra mặt hồ một khối đá hình đầu rồng cỏ xanh phủ kín.

Ngược lên chừng một ki-lô-mét gặp tầng thác Tát Cao. Suối chia thành hai dòng, bên phải hình thành hai tầng thác nối nhau cùng thác lớn bên trái làm nên một bức thành đồ sộ bằng nước. Chân thác là hồ nước trải dài leng sóng có tên là Vực Dài.

Qua lớp nhũ đá gờn gọn, rêu không bám, ráp như gạch chồng tron, dễ dàng đi lại sẽ đến Động Người Xưa. Vách động có nét nhiều nét khắc kỳ bí, có lẽ cư dân từ vạn năm trước muôn gửi lại điều gì cho hậu thế.

Tầng thác thứ ba có tên là Thác Gió, được tạo nên từ ba tầng thác liên tiếp nhau. Đứng ở chân thác ngược lên cảm giác nước từ trời đổ xuống. Gió nam không bao giờ ngừng thổi, chẳng khác biển ngày hè. Chuyển tiếp giữa các tầng thác lớn là nhiều thác nhỏ, nhiều khe, vực nước trong xanh, hình dạng kỳ thú.

Truyền thuyết kể rằng: Thùa ấy có người con gái họ Ma xinh đẹp, nết na đem lòng yêu chàng trai nghèo cùng bản. Nhưng cha nàng ép gả nàng cho con trai nhà thò ty giàu có.

Chung thuỷ với tình yêu, nàng hẹn chàng trai dưới chân Thác Gió thè sống mãi bên nhau, nếu ai phản bội sẽ bị rắn cắn hổ vồ, rồi dắt nhau đi vào rừng sâu, không để lại tung tích.

Người đời sau thấy trên núi Khau Đen có một bản

đông đúc giàu có tên là Lạc Bạn, đó chính là bản của con cháu dõi trai gái mất tích năm xưa.

Hai bên bờ suối Bản Ba mọc đầy cây dong lá đỏ màu máu, tiếng Tày là tong chinh đeng. Truyền thuyết kể rằng xưa trong vùng có chúa Cả Lượng, tướng mạo khác thường, cai quản dân làng hoà thuận yên vui. Cả Lượng được về kinh đô học, một lần đi muộn vì vợ giàu dôi giày thần. Bị quở mắng, Cả Lượng lỡ nói lời bất kính, bị nhà vua sai đem giết. Cả Lượng chết oan hoá thành cây dong đỏ. Người dân cho đây là thứ lá thiêng nên kiêng không dùng như lá dong xanh. Cả Lượng được thờ làm Thành Hoàng. Lễ đình bản Ba vào ngày mùng 4 tháng giêng âm lịch hàng năm, ngày đó dân các bản lân cận cùng về dự hội Lòng tông, cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu.

Bản Ba được xếp hạng Danh thắng Quốc gia tại Quyết định số 08 ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## ĐỘNG TIÊN

**D**ộng Tiên ở xã Yên Phú huyện Hàm Yên. Yên Phú nằm về phía tây bắc của huyện, cách thị trấn Tân Yên (huyện lỵ Hàm Yên) 15km.

Động Tiên trong núi Chân Quỳ, bên phải quốc lộ 2, chen giữa núi Đá Đen và núi Bạch Mã. Theo từng bậc đá cao dần, đến một ngã ba là gập Cửa Gió. Một cổng đá, kích thước hợp lý như có bàn tay của người thợ giỏi. Gió mạnh lọt qua vòm cổng mát rượi. Tiếp những bước gập ghềnh, khuất khúc xuống dốc Cô Đơn. Hình một thiếu phụ đứng bên đường, đôi vai sương gió, mắt đẫm lệ nhìn vào thinh không xa xăm. Trong động, hiện lên nhiều hình chim thú lạ. Không Ngư từ biển đông vừa tới, tròn mắt ngơ ngác. Ba Ba mới ngoi lên, mắt còn đẫm nước. Đâu đó vọng tiếng nước chảy thánh thót. Vào sâu một chút, ngược lên trần hang gặp Linh

Điều, đôi cánh xoè rộng, tha một người con gái, thế đang bay lên. Di qua dưới cánh Linh Điều, gặp một thạch trụ lung linh như hội tụ cả ánh bạc, ánh vàng.

Giữa động sừng sững khói đá cầm thạch, hình một phụ nữ sắp đến kỳ mãn nguyệt. Đây là tượng Người mẹ mang thai. Nơi nàng toát lên sự phồn thực và niềm khát vọng sinh nở ngàn năm chưa thành hiện thực.

Truyền thuyết về bức tượng kể rằng: Ngày xưa, gấp năm có giặc ngoại xâm, dân bản và vợ vị thủ lĩnh nghĩa quân phải ẩn trong hang đá. Ngày thắng lợi, cũng là lúc cô nhận tin chồng đã bỏ mình nơi chiến trận. Cô gái bất tỉnh. Dân bản không thể đỡ cô nằm xuống. Cô cùng đứa con chưa chào đời đã hoá đá tự lúc nào.

Ngự trên ban năm tầng sát vách động là Tiên cô thứ Bảy

Truyền thuyết kể rằng: Thủa trời đất mới sinh, mặt trăng đêm nào cũng tròn. Nàng Tiên thứ Bảy thường xuống trần gian. Để việc du ngoạn không bị ngăn cản, nàng xin với Ngọc Hoàng làm cho mặt trăng chỉ tròn một đêm trong tháng. Nàng Bảy đem lòng yêu chàng Mồ Côi dưới trần. Biết chuyện, Ngọc Hoàng ban lệnh bắt nàng Bảy phải ăn chay cầu nguyện đủ một trăm

ngày. Lại truyền lễ cưới phải có đủ chim lạ thú quý tràn gian. Nàng Bảy chọn đất Vị Khê làm nơi cầu nguyện. Chàng Mồ Côi thì đi khắp mọi miền tìm kiếm lẽ vật. Ghen tị với em, nàng tiên chị tâu với Ngọc Hoàng rằng nàng Bảy chỉ đi chơi, không chịu cầu nguyện. Trong một phút nóng giận, Ngọc Hoàng biến nàng Bảy và các đồ lẽ vật thành đá.

Mùa xuân năm sau quần tiên mở hội, thấy vắng nàng Bảy, động lòng thương nhớ con, Ngọc Hoàng sai thiên thần tra xét, mới hay sự thật, bèn cho nàng Bảy được trở về tiên giới. Lại lệnh cho người trần mở hội vào ngày mồng 9 tháng giêng tại nơi nàng ngồi cầu nguyện, ngày đó nàng Bảy được xuống trần. Nhân thế gọi nơi này là Động Tiên.

Trở lại đường cũ, đến ngã ba, rẽ trái lên động Hai Cửa. Động sâu, thiên nhiên tạo nên kiến trúc nguy nga. Du khách sẽ phải sững sốt khi nhìn thấy khuê phòng tráng lệ có những song cửa sổ ngà sang trọng, rèm nhung lộng lẫy màu ngọc bích.

Rời động Hai Cửa, lên cao nữa sẽ thấy rừng Tiểu Trúc và ngàn hoa Tử Tiên li ti tím trắng từng vạt như những tấm lụa hoa phủ khắp triền non.

Mạo hiểm đi trên đỉnh núi chon von, sẽ được chiêm ngưỡng Rùa Thần. Ngài ngự nơi đỉnh núi, tư thế oai phong như đang sấp rời mặt đất để về trời.

Không thể bỏ qua động Thuỷ Cung, tên nôm na là Hang Tôm. Nước trời từ trong lòng núi đá tụ thành dòng suối ngầm rồi lộ thiên nơi cửa hang. Nguồn nước đầy ắp bốn mùa, đông ấm, hè mát; cửa hang rất nhiều tôm, nên mới thành tên gọi. Trong quần thể núi đá còn nhiều hang động kỳ thú như động Thạch Sanh, động Đàn Đá, động Thiên Quang....

Động Tiên được công nhận Thắng cảnh Quốc gia theo Quyết định số 63 ngày 16-11-2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## CHÙA THIỆN KẾ

Xã Thiện Kế huyện Sơn Dương nằm về phía đông nam huyện, nằm giữa các xã Hợp Hoà, Ninh Lai, Sơn Nam. Phía đông tựa vào dãy Tam Đảo. Đây là khu vực Tam Đảo bắc, khí hậu bốn mùa mát mẻ. Sông Phó Đáy chảy bên triền tây, phân cách xã Thiện Kế với xã Sơn Nam. Cầu Thanh Thắt nối con đường liên xã qua Thiện Kế với Quốc lộ 2C.

Trước đây huyện lỵ Sơn Dương đóng ở Thiện Kế, khi cách mạng sắp nổ ra mới chuyển lên Đăng Châu.

Từ triền tây Tam Đảo bốn dòng suối: suối Dò, suối Cho Ro, suối Ngòi Cau, suối Thiện qua Thiện Kế đổ về sông Phó Đáy.

Thiện Kế có quần thể núi đá vôi đầy vẻ cổ kính và huyền ảo. Giữa một vùng bằng phẳng nổi lên năm ngọn

núi đá như Ngũ Hành Sơn, chạy song song với dãy Tam Đảo.

Từ bắc xuống nam, khoảng yên ngựa giữa hai ngọn liền kề có hang thông từ đông sang tây. Đứng ở những vị trí khác nhau, vào buổi ban mai hay lúc chiều hôm thấy núi có hình khác nhau. Khi thì giống vũ nữ Áp-sa-ra, có lúc lại giống tháp Chàm cổ kính. Ba ngọn núi tiếp theo tháp dần về phía nam. Ngọn núi cao nhất có động lớn rất đẹp. Động ở giữa lòng núi, hai cửa khá rộng. Từ xa xưa cư dân lấy đó làm chùa gọi là chùa Thiện. Sát trần phía đông có một khoảng rộng thông thiên, ánh sáng trời chiếu vào rạng rỡ. Trần và vách động có nhiều nhũ đá hình dạng kỳ thú, tiên ông, Phật bà, vú tiên, rồng bay, phượng múa, màu sắc lung linh huyền ảo. Đây động có con suối nồng trong suốt đến đáy. Tài liệu khảo cổ học cho biết trên vách động có tranh của người nguyên thuỷ. Tranh này được sao chép, lưu trữ tại Viện Đông bác cổ (Bảo tàng Lịch sử ngày nay).

Lễ hội chùa Thiện vào các ngày 6 tháng giêng và 8 tháng tư lễ Phật Đản.

Đốc học Đặng Xuân Bảng, Án sát Nguyễn Văn Bân đều có thơ vịnh động Thiện Kế.

Thiện Kế cũng là vùng đất có lịch sử lâu đời. Năm

2002, lần đầu tiên tìm thấy trống đồng ở thôn Văn Sòng. Thiện Kế cùng Ninh Lai, Sơn Nam là vùng cư trú của người Sán Dìu. Hiện còn dấu vết ngôi đình của đồng bào Sán Dìu với kiến trúc đá độc đáo. Trong khuôn khổ nền đình còn thấy những cột đình bằng đá cao khoảng 2,5m, những cột đá đỡ sàn cao 0,6m. Các cột đều lấy từ đá tự nhiên, phần gia công chế tác chỉ thấy ở trên đầu cột, người thợ làm tròn đẽ lấp xà, kèo, bẩy.

Quần thể núi đá, hang động Thiện Kế đang được qui hoạch bảo tồn.

## MỤC LỤC

Trang

• <i>Lời nói đầu</i>	5
• <i>Tấm bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc</i>	7
• <i>Thành Tuyên Quang</i>	11
• <i>Thành nhà Bầu</i>	17
• <i>Đền Hạ</i>	21
• <i>Cánh đồng Hoà Mục - Bãi tha ma quân Pháp</i>	26
• <i>Mỏ than - Nơi ra đời chi bộ Đảng đầu tiên</i>	30
• <i>Di tích Phân khu Nguyễn Huệ ở Ao Búc</i>	35
• <i>Tân Trào - Thủ đô Khu Giải phóng</i>	40
• <i>Đèo Chắn - Trận chiến đấu đánh quy giặc Nhật</i>	64
• <i>Làng Sǎo và ngày đầu Bác Hồ lên Việt Bắc</i>	67
• <i>Binh Ca</i>	69
• <i>Cầu Cả và những trận đánh quân xâm lược Nhật, Pháp</i>	76
• <i>Cây số Bảy - Trận địa lôi vang dội</i>	80
• <i>Bản Heng và trận đánh bẽ gãy gọng kìm phía tây</i>	83
• <i>Khe Lau biển lửa</i>	87
• <i>Sân bay Soi Đúng</i>	90
• <i>Kiên Đài - Nơi chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II</i>	94
• <i>Kim Bình - Nơi họp Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II</i>	98

• Kim Quan - Trụ sở an toàn của Trung ương Đảng, Chính phủ.	104
• Lập Bình - *Di tích Chủ tịch phủ, Thủ tướng phủ.	108
• Chi Liền - Di tích Trụ sở Ban Thường trực Quốc hội và Trung ương Mặt trận Liên - Việt	112
• Tân Lập - Di tích Ban Tổ chức Trung ương	115
• Xóm Thia - Di tích Ban Tuyên huấn Trung ương	119
• Phong Vân - Di tích Trường Nguyễn Ái Quốc	124
• Thôn Cầu - Di tích Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	128
• Tân Lập - Di tích Ban Nông vận Trung ương	132
• Đồng Chùa - Di tích Bộ Ngoại giao	136
• Đồng Đon - Di tích Nha Công an	140
• Đồng Hương - Di tích Bộ Nội vụ	144
• Thôn Mới - Di tích Bộ Tư pháp	147
• Thôn Hoắc - Di tích Bộ Canh nông	152
• Cầu Trắng - Di tích Bộ Giao thông Công chính	156
• Cầu Bì - Di tích Bộ Tài chính	160
• Quang Minh - Di tích Bộ Lao động	164
• Xuân Quang - Di tích Trung tâm Y tế quốc gia thời kháng chiến	167
• Khuôn Trú - Di tích Bộ Quốc gia Giáo dục	170
• Xóm Mới - Di tích Nha Thông tin	174
• Hoàng Lâu - Di tích Việt Nam Thông tấn xã	178
• Làng Ngòi, Đá Bàn - Di tích cách mạng Lào	181
• Thác Pác Ban	185
• Thác Bản Ba	188
• Động Tiên	191
• Chùa Thiện Kế	195

# NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội

Điện thoại: 04.8263070 - 04.9434239 - Fax: 04.9434237

Email:nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn

Chi nhánh: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - Q1-TP.Hồ Chí Minh. ĐT: (08) 8222895

---

## DI TÍCH DANH THẮNG TUYÊN QUANG

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

LƯU XUÂN LÝ

*Biên tập:* NGUYỄN THỊ CHÍNH

*Thiết kế bìa:* PHẠM TUẤN

*Trình bày:* THANH VÂN

*Sửa bản in:* HÀ ANH

---

In tại: Xưởng in Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc

Số lượng: 3000 cuốn. Khuôn khổ: 13x19 cm

Đăng ký KHXB số: 426-2008/CXB/ 27-186/VHDT

Quyết định XB số: 199/QĐ-VHDT

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2008

**Đi tích  
Danh thắng  
Tuyên Quang**

Giá: 28.000đ